

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

Mùa thu
trong thơ Haiku

Tr. 12

Nghĩ về
Truyền thông
Phật giáo

Tr. 9

Suy nghĩ
từ một vụ án

Tr. 3



TÔN HOA SEN



Mái ấm gia đình Việt

Số 9 Đại lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần 2 - Dĩ An, Bình Dương
Tel: 0650.3791.791 - Fax: 0650.3791.792

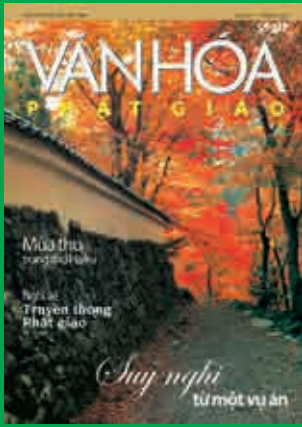
Thông tin địa chỉ xin liên hệ

Văn phòng đại diện cũ của HSG: 215 - 216 Lý Tự Trọng, Q.1, TP. HCM

Văn phòng đại diện mới của HSG: 94 - 96 Nguyễn Du, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM

Tel: 08.3910.6910 - Fax: 08.3910.6913

www.hoasengroup.vn



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cố Hồ Thị Phương Châu, DD: 0907 164 066
0914 063 669

Quảng cáo
Cố Thu Sương, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
Tên tài khoản: Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Văn hóa - Thông tin
số 96/GP-BVHTT và 66/GP-SĐBS
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Suy nghĩ từ một vụ án (Hà Thúc Hoan)	3
Sương mai	6
Một đời giáo hóa... (Trần Khiết Bách ghi nhận)	7
Nghĩ về Truyền thông Phật giáo (Lâm Hạnh Nhiên)	9
Mùa thu trong thơ Haiku Nhật Bản (Hoàng Xuân Vinh)	12
Mong ước của người xuất gia (Nguyễn Châu)	16
Ông chủ Facebook "hành Bồ-tát hạnh" (Thích Tâm Hạnh)	19
Không làm hại (Nguyễn Thế Đăng)	22
Mười mùa thu trôi qua... (Thích Nguyên Thành)	24
Ai mà tin được (Tấn Nghĩa)	26
Viết cho ba (Tiểu Trúc)	28
Sinh lão bệnh tử (Hoàng Tá Thích)	30
Bồ-tát đạo (Geshe Langri Tanpa, Hoàng Phong dịch và giới thiệu)	32
Cha tôi, người đi để lại bóng hình (Bùi Quang Huy)	33
Cần lắm một điều thôi: Tấm lòng (Nguyễn Mạnh Hùng)	34
Tượng Phật đến từ phương trời xa (Julia O'malley, Nguyễn Hoàng và Cao Huy Hóa dịch)	36
Về xã Đoài thăm vườn cam (Hoàng Thị Như Huy)	38
Vui buồn chuyện được mất (Phan Minh Đức)	40
"Trong như tiếng hạc bay qua..." (Huỳnh Văn)	42
Ăn chay ở Cần Thơ (Trương Thanh Liêm)	44
Lớn lên cùng những ước mơ (Ngô Thị Hương Quế)	45
Khoảnh khắc mong manh (Nguyễn Thị Hải)	46
Hai tổ chim ri đá... (Hoa Sâu Đông)	48
Trung thu, gợi nhớ những mùa trăng cũ (Trà Kim Long)	50
Hớt tóc chợ quê (Trường Linh)	51
Thơ	52
Người yêu quê (truyện ngắn của Nguyễn Trọng Hoạt)	54
Nơi ấy, Nam Đông... (Thảo Nguyên)	56
Huế có một thời để nhớ (Châu Phước Kim)	58
Lời cảm ơn cuộc sống	61
Món chay: Cải rổ xào (Hoàng Anh - Phú Xuân)	62

Bìa 1: Đường núi mùa thu. Nguồn: **Tuần san Koji (Cổ Tự)**

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Văn Hóa Phật Giáo được biết Hội nghị Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam họp vào ngày 20-8-2011 đã thảo luận về việc thành lập một Ban Truyền thông trực thuộc Hội đồng Trị sự. Đây đúng là một tin vui đối với người Phật tử.

Lâu nay, Phật tử chúng ta vẫn băn khoăn về vấn đề truyền thông Phật giáo. Khi thì hoang mang trước một số thông tin liên quan đến những việc không chính đáng làm mất uy tín Phật giáo và Phật giáo Việt Nam. Lúc lại thất vọng vì có những Phật sự quan trọng không được thông tin đúng mức. Đành rằng người Phật tử không dễ bị lung lạc bởi những chuyện khen chê thường tình; nhưng khi có những sự kiện mang tính cách bôi nhọ hay vu khống liên quan đến Phật giáo mà không được làm cho ra lẽ thì hẳn cũng lung lạc được một số người; hoặc khi có những hoạt động chính đáng đem lại lợi ích lớn cho cộng đồng, cho xã hội mà không được quảng bá thì cũng có một số người con Phật cảm thấy nản lòng vì nghĩ rằng tâm huyết của mình chưa được trọng thị. Ban Truyền thông tập hợp năng lực thông tin về Phật giáo Việt Nam và quảng bá giáo lý của Đức Phật sẽ làm cho tiếng nói từ bi và trí tuệ của đạo Phật được xã hội quan tâm hơn.

Truyền thông Phật giáo sẽ được thực hiện bằng nhiều phương tiện để đáp ứng mọi nhu cầu của xã hội. Những việc như xuất bản và phát hành báo chí cùng mọi loại ấn phẩm khác; phát sóng các chương trình truyền thanh, truyền hình cũng như sản xuất phát hành mọi hình thức phim ảnh; sản xuất và phát hành báo trực tuyến cũng như cung cấp các dịch vụ trực tuyến... đều nằm trong chức năng hoạt động của Ban Truyền thông. Tạp chí VHPG sẽ nỗ lực đóng góp công sức của mình vào hoạt động của Ban. Mong sao quý độc giả tích cực ủng hộ chúng tôi trong nỗ lực này.

Người Phật tử chúng ta có quyền tin tưởng rằng với hoạt động hữu hiệu và được định hướng đúng của Ban Truyền thông, hình ảnh một Phật giáo Việt Nam suốt 2.000 năm gắn bó với dân tộc sẽ từng bước tỏa sáng, chẳng những mang lại tin yêu cho Phật tử Việt Nam mà còn góp phần vào việc giải đáp những vấn nạn của thời đại; vì chúng ta vẫn luôn khẳng định niềm tin rằng giáo pháp của Đức Phật chính là lời giải đáp cho mọi đau khổ của loài người.

Trong niềm tin ấy, VHPG thành tâm ngưỡng cầu Tam bảo gia hộ cho mọi hoạt động truyền thông Phật giáo ngày càng phát triển trên nền tảng của từ bi trí tuệ và của lòng bao dung để góp phần mang lại an lạc cho toàn xã hội.

Xin chân thành kính chúc quý độc giả thân tâm thường lạc.

Văn Hóa Phật Giáo





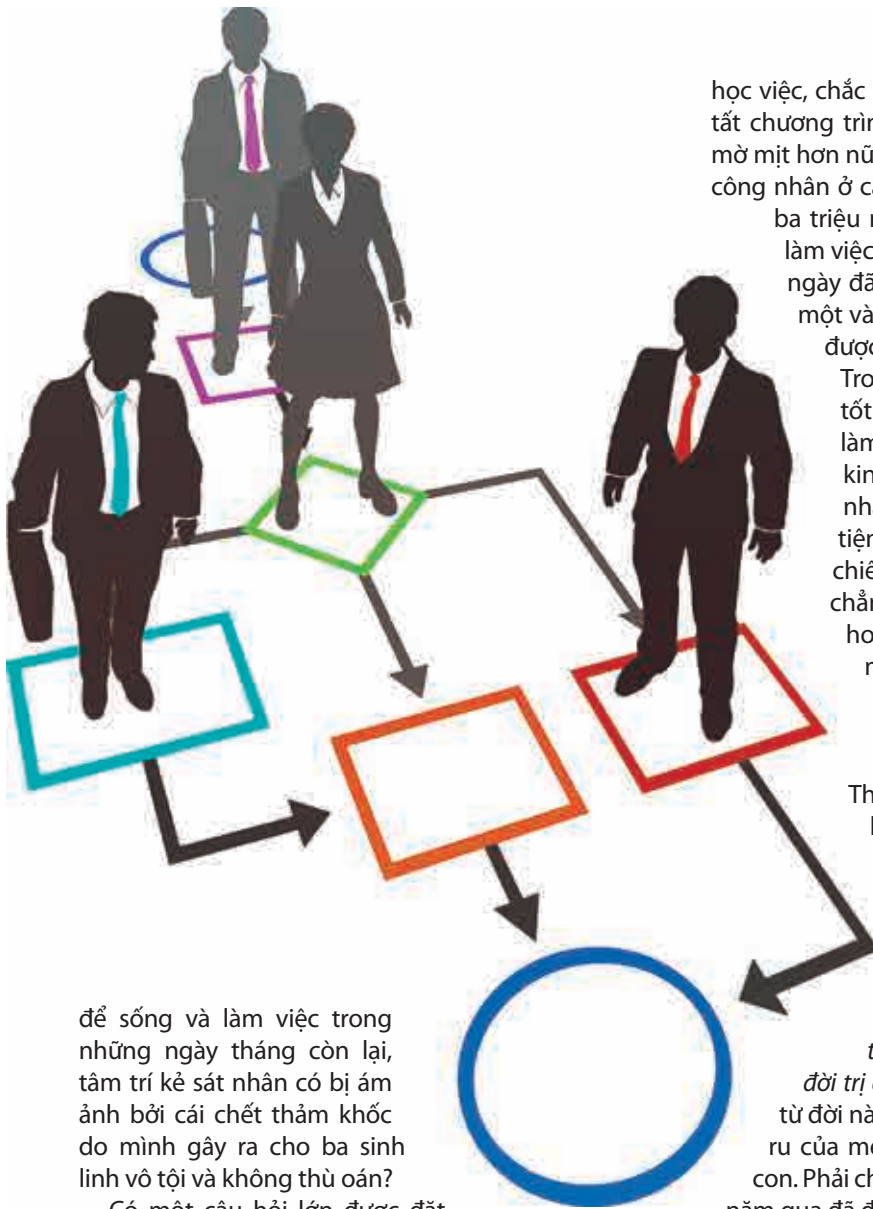
Suy nghĩ **từ một vụ án**

HÀ THỨC HOAN

Vụ án nói đến ở đây là trọng án giết người cướp của¹ do Lê Văn Luyện (LVL) gây ra vào rạng sáng ngày 24 tháng 8 tại tiệm vàng Ngọc Bích ở huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, gây thương tích trầm trọng cho người con đầu 9 tuổi và đã cướp đi sinh mạng của người cha, người mẹ cùng đứa con út 18 tháng tuổi. Mấy ngày qua, vụ án đã làm chấn động lương tâm của nhiều người thuộc mọi thành phần trong xã hội. Vì tính chất nghiêm trọng của vụ án, cả ngành công an đã phối hợp với lực lượng biên phòng để khẩn trương tìm cách phá án và chỉ trong một thời gian ngắn chưa đầy một tuần, chánh phạm và một số tòng phạm đã bị truy bắt vào cuối tháng 8 năm 2011. Theo luật nhân quả khách quan không trừ một ai, người gieo gió sẽ gặt bão, kẻ làm ác phải đền tội, phải

nhận lãnh sự trừng phạt nghiêm khắc và thích đáng của pháp luật. Vụ án này sớm hay muộn rồi cũng kết thúc, những xúc động ban đầu sẽ lắng xuống, nhưng vẫn còn đó bao điều trăn trở.

Bồ tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả. Vì sợ quả nên khi quả phát sinh rồi chúng ta mới tìm mọi cách để khắc phục. Nhưng dù cố gắng đến đâu người ta cũng khó mà giải quyết cho xong tất cả tai hại của một kết quả xấu. Làm sao tìm lại sự sống cho ba nạn nhân vô tội? Sau tai họa cực kỳ kinh khủng, với một bàn tay bị chém đứt lia được nối lại, em Trịnh Ngọc Bích 9 tuổi hoảng loạn và cô cút sẽ sống và học tập như thế nào đây khi cha mẹ thân yêu và người em duy nhất là Trịnh Phương Thảo không còn có mặt trên đời? Cho dù hung thủ chưa tròn 18 tuổi thì có thể không bị kết án tử hình, nhưng sau khi ra tù



để sống và làm việc trong những ngày tháng còn lại, tâm trí kẻ sát nhân có bị ám ảnh bởi cái chết thảm khốc do mình gây ra cho ba sinh linh vô tội và không thù oán?

Có một câu hỏi lớn được đặt ra cho tất cả chúng ta: Tại sao một “chàng trai hiền lành, không nghiện ngập”, học lực “không được tốt lắm nhưng không phải là học trò hư”² lại có thể phạm tội ác một cách khủng khiếp như thế? Giải đáp câu hỏi này tức là chúng ta đã biết “sợ nhân” để tìm cách ngăn chặn tội ác từ gốc rễ, với mong ước thiết tha là bị kịch ở tiệm vàng Ngọc Bích không tái diễn một lần nữa.

Một vài ngày sau khi vụ án xảy ra, qua hệ thống truyền hình, người dân theo dõi vụ án được nghe một người có ý thức trách nhiệm thẳng thắn nói ra nguyên nhân kinh tế của vụ thảm sát. Đó là sự chênh lệch của thu nhập. Người ta được biết, học hết lớp 9, LVL “ở nhà phụ bố mẹ bán thịt heo”, sau đó “lên Hà Nội đi phụ hồ”³. Ở quê nhà học tập nghề bán thịt, chắc hẳn chàng trai đang tuổi mới lớn đã không nhìn thấy tương lai. Ở chốn phồn hoa đô hội, bán sức lao động để nhận tiền công rẻ mặt của một công nhân xây dựng còn trong giai đoạn

học việc, chắc chắn anh học sinh “hiền lành” vừa hoàn tất chương trình trung học cơ sở càng thấy tương lai mờ mịt hơn nữa. Không riêng LVL mà đối với hàng vạn công nhân ở các khu chế xuất có thu nhập từ hai đến ba triệu một tháng, trong cơn bão giá hiện nay, làm việc cật lực để duy trì sự sống kham khổ mỗi ngày đã khó, làm sao có thừa tiền để mua sắm một vài thứ vật dụng có giá trị hoặc dành dụm được một ít chỉ vàng để lo liệu cho mai sau?

Trong khi đó, có không ít thanh niên sau khi tốt nghiệp đại học, may mắn kiếm được việc làm ở các công ty nước ngoài hoặc có cơ sở kinh doanh để làm ăn riêng, đã có được thu nhập khá cao để tổ chức cuộc sống đầy đủ tiện nghi. Đó là chưa kể những cậu ấm cô chiêu ngày nay, hạnh kiểm và học lực cũng chẳng hơn ai nhưng nhờ thế lực của gia đình hoặc sản nghiệp của cha mẹ nên làm chơi mà ăn thiệt, dễ dàng có thu nhập “khủng” để sống giàu sang, tiêu xài phung phí.

Chúng ta có thể đề cập ở đây nguyên nhân giáo dục của vụ thảm sát. Thời quân chủ, nhiều thanh niên nam nữ không có điều kiện cấp sách đến trường để học đạo lý thánh hiền. Nhưng những câu tục ngữ như “*Trọng nghĩa khinh tài*”, “*Đói cho sạch rách cho thơm*”, “*Tốt danh hơn lành áo*”, “*Giấy rách phải giữ lấy lề*”, những lời gia huấn như “*Thương người như thể thương thân*”, “*Ở cho có đức có nhân - Mới mong đời trị được ăn lộc trời*”... đã được truyền khẩu từ đời này đến đời kia, qua lời dạy của cha hay lời ru của mẹ để thấm vào máu thịt của mỗi người con. Phải chăng khói lửa chiến tranh trong mấy chục năm qua đã đốt cháy những bài học đạo đức có giá trị truyền thống của dân tộc để thay thế vào đó những lời dạy về lòng căm thù giặc, về sự kiên cường và mưu trí trong cuộc chiến đấu không khoan nhượng với nhiều loại kẻ thù? Những bài học nhuộm khói lửa chiến tranh này đã phát huy được hiệu quả để góp phần đưa hai cuộc kháng chiến đến thắng lợi. Nhưng đáng tiếc là đất nước đã có hòa bình từ lâu mà giáo dục nước nhà vẫn còn thiếu vắng những bài học sinh động về tình thương, về lòng khoan dung, về nhân cách và đạo làm người. Ra đời chỉ sau chín năm ngồi trên ghế nhà trường, để xây dựng cuộc sống có ý nghĩa, có hạnh phúc trong thời bình, LVL đã được trang bị kiến thức gì ngoài bài học “*Hạnh phúc là đấu tranh*”? Sau năm 1975, qua hơn 30 năm dạy bút pháp và hành văn ở nhiều trường đại học, mỗi lần yêu cầu sinh viên viết nghị luận về chủ đề “*Hạnh phúc là đấu tranh*”, chúng tôi chưa thấy có bạn trẻ nào nêu được phản đề: Có nhiều khi hạnh phúc còn được tạo thành bởi yêu thương và nhường nhịn. Ở nhà bán

thịt heo hay lên Hà Nội học nghề thợ hồ để tiếp cận kinh tế thị trường, công nhân vị thành niên LVL lãnh hội được bài học khôn nào ngoài sự lên ngôi của đồng tiền có sức mạnh vạn năng, như đã được thể hiện qua bài ca dao mới: “*Tiền là Tiên là Phật/Là sức bật của tuổi trẻ...?*”

Ở trang 4 và 5 báo *Tuổi Trẻ* số ra ngày 1 tháng 9, có hai bản tin, hai tấm hình được sắp xếp đối xứng một cách ngẫu nhiên mà có ý nghĩa. Ở trang bên này in bài viết *Hành trình bắt nghi can Lê Văn Luyện* với hình ảnh đương sự đầu bù tóc rối ngồi viết lời khai trước sự giám sát của một anh bộ đội biên phòng. Ở trang bên kia đưa tin “*Ăn nhậu trên phà, một cô gái chết đuối*” với bức chân dung xinh đẹp trong ngày cưới của nạn nhân Đinh Thị Kim Phượng. Ở đầu trang báo có câu văn in bằng chữ đậm nét tóm tắt nội dung bài viết: Ngày 31 tháng 8, ông viện trưởng và ông viện phó Viện Kiểm sát Nhân dân một huyện ở đồng bằng Nam Bộ đã có bản tường trình gửi Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy về việc liên quan đến một cô gái chết đuối khi đi ăn nhậu cùng hai vị này⁵. Xen vào giữa văn bản là một đoạn ngắn với tiêu đề: “*Có dấu hiệu vi phạm đạo đức*”. Từ hai bài báo, chúng ta có thể suy ra nguyên nhân hành vi phạm pháp mà nhiều công dân trẻ đã thực hiện trong những năm gần đây. Đó là lối sống không lành mạnh của một số người lớn có địa vị cao. Đó là bạn trẻ ngày nay không tìm thấy những tấm gương sáng về đạo đức để học tập ở một số người lớn thiếu gương mẫu trong cuộc sống mà được nắm giữ những chức vụ quan trọng trong xã hội. Trên nước Việt thân yêu của chúng ta hôm nay, ngoài LVL, còn bao nhiêu thanh thiếu niên có học hoặc thất học đã và đang chịu sự mất mát to lớn không gì có thể bù đắp được, đó là tâm trạng mất niềm tin ở người lớn, ở ngày mai, ở xã hội và cuộc đời?

Trước đây, trong học đường, tìm hiểu nguyên nhân bị kịch làm người của Chí Phèo, giáo chức chúng ta thường trút tất cả trách nhiệm cho chế độ thực dân nửa phong kiến. Thầy cũng như trò trong giờ dạy và học môn Văn đã “*chạy án*” để “*anh*” Chí được vô tội bằng lập luận “*con quỷ dữ*” của làng Vũ Đại đã bị những thế lực xấu xa và gian ác của chế độ phong kiến tước đoạt quyền làm người!? Dù xã hội cũng có phần trách nhiệm trong bi kịch ở tiệm vàng Ngọc Bích, nhưng chúng ta ngày nay không theo khuôn sáo cũ để chạy tội cho LVL bằng cách lập luận phiến diện, thiếu chính xác và không được khách quan như thế. Thẩm nhuần giáo pháp của Đức Thế Tôn, Phật tử chúng ta biết rằng mỗi người đều là chủ nhân, là kẻ thừa tự cái nghiệp mà mình đã tạo tác bởi thân, khẩu và ý. Không oán trời, không trách người, không đổ lỗi cho xã hội, mỗi người phải nhận lãnh hậu quả của hành động mà mình đã thực hiện một cách có ý thức. Có phải vì nhận thức như vậy mà nhà văn Nam Cao đã để cho đứa con tinh thần là Chí Phèo tự sát để tự giải nghiệp cho mình? Khi bị bắt, bị can LVL đã nói với sĩ quan đồn trưởng đồn biên phòng Na Hình: “*Hãy*

bắn chết cháu đi!”⁶. Nếu được nói ra một cách thành thật, lời đề nghị này cho thấy nhân tính đã sống lại ở nơi con người đã hóa thành ác thú trong một thời gian ngắn. Trong giây phút ăn năn hối cải ấy, kẻ tạo nghiệp ác cũng nhận thấy bản án tử dành cho mình là đúng người, đúng tội. Thế nhưng, kết án tử hình LVL này thì chúng ta có ngăn ngừa được sự tái sinh của những LVL khác?

Ở các đoạn trên, nêu nguyên nhân của tội ác có nghĩa là chúng ta đã gián tiếp tìm cách ngăn ngừa tội ác. Tuy nhiên, sẽ là thiếu sót nếu Phật tử chúng ta không biết áp dụng lời dạy của Đức Như Lai để tìm cách giải quyết tận gốc rễ vấn đề, để cái ác, cái xấu nếu không khuất bóng thì cũng không còn nhiều đất sống để tác oai tác quái. Dành quyền luận tội và kết án phạm nhân LVL cho các vị quan tòa và luật sư, chúng ta hãy trở lại với chính mình để nhận diện và xét xử kẻ nội thù có tên là *cái ngã* đang được nhiều người nuôi dưỡng và bao che. Vọng tưởng về một cái ta bất biến có thể tồn tại biệt lập với thiên nhiên và đồng loại chính là cội nguồn của mọi phiền não và khổ đau của chúng sinh. Vì chấp ngã mà chúng ta đã sống vị kỷ, chỉ biết có mình và gia đình mình, từ đó thường có thái độ dửng dưng, vô cảm trước khổ đau của đồng bào, và lắm khi đối xử thô bạo, tàn ác với cỏ cây, cầm thú và con người. Tuyên thuyết giáo lý vô ngã, Đức Thế Tôn đã khai tử cái ngã của vọng tưởng ấy để thay thế vào đó một cái ngã không có tự tính, một cái ta thay đổi từng sát na và chỉ có thể tồn tại trong mối quan hệ mật thiết với muôn ngàn cái ta khác, theo quy luật cái này sinh thì cái kia sinh, cái này diệt thì cái kia diệt. Ý thức vô ngã triệt tiêu tính vị kỷ và làm phát sinh lòng vị tha, đó là nền tảng để xây dựng thế giới hòa bình, đem lại cho chúng sinh cuộc sống an lạc. Hơn hai ngàn năm trước, có nhận thức sâu sắc về cái ngã duyên khởi và cộng sinh ấy, một hiền nhân Trung Hoa đã trao truyền cho hậu thế bài học triết lý có hình thức ngắn gọn mà nội dung rất sâu rộng:

“*Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, vạn vật dữ ngã vi nhất?*”

Chú thích:

1. Tòa án phân biệt hai tội cướp của giết người và giết người cướp của. Tội thứ nhất nhẹ hơn tội thứ hai, vì động cơ của tội thứ nhất là cướp của, còn động cơ của tội thứ hai là giết người. Đọc lời khai của LVL, chúng ta có thể gọi tên tội mà y đã phạm là giết người cướp của.

2, 3. *Tuổi Trẻ*, số ra ngày 31 tháng 8 năm 2011, tr.5.

4. *Tiền là Tiên là Phật - Là sức bật của tuổi trẻ - Là sức khỏe của tuổi già - Là cái đà danh vọng - Là cái lọng che thân - Là cán cân công lý - Tiền là hết ý!*

5. Vì tai nạn đang được điều tra nên chúng tôi lược bỏ tên người và tên đất.

6. *Tuổi Trẻ*, số ra ngày 1 tháng 9, tr. 4.

7. Trời đất với ta cùng sinh, vạn vật với ta là một (Trang Tử). ■

***Pháp này thuộc hiện tại, không bị thời gian chi phối, đến để mà thấy,
có khả năng hướng thượng, chỉ người trí mới tự mình giác hiểu.***

Kinh Tương Ứng Bộ, tập I, chương 1,
Tương Ứng Chư Thiên



Một đời giáo hóa...

TRẦN KHIẾT BÁCH ghi

Cố Đại lão Hòa thượng Thích Thiện Siêu

Nhân kỷ niệm 10 năm ngày viên tịch của cố Đại lão Hòa thượng Thích Thiện Siêu, nguyên Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật Giáo Việt Nam các nhiệm kỳ II, III, IV; nguyên Trưởng ban Giáo dục Tăng Ni liên tục 20 năm; nguyên trụ trì hai ngôi tổ đình lớn tại Huế là Từ Đàm và Thiền Tôn, chúng tôi đã đến gặp Hòa thượng Thích Giác Toàn. Bên tách trà, Hòa thượng Thích Giác Toàn đã chia sẻ về những kỷ niệm của mình đối với bậc Tông tượng của Phật giáo Việt Nam hiện đại.

Văn Hóa Phật Giáo xin giới thiệu cùng quý độc giả những tình cảm chân thành ấy. Hòa thượng Thích Giác Toàn là một bậc tôn túc luôn tận tụy với sự nghiệp giáo dục Tăng Ni và sốt sắng với mọi hoạt động Phật sự, hiện là Phó Chủ tịch kiêm Trưởng ban Kinh tế Tài chánh và Phó Trưởng ban Thường trực Ban Giáo dục Tăng Ni HĐTS GHPGVN. Hòa thượng trụ trì tịnh xá Trung Tâm, ngôi đạo tràng tiêu biểu của hệ phái Khất sĩ.

Văn Hóa Phật Giáo: Bạch Hòa thượng, phải chăng chính việc quan tâm đến sự nghiệp giáo dục Tăng Ni đã đưa Hòa thượng đến với cố Đại lão Hòa thượng Thích Thiện Siêu?

Hòa thượng Thích Giác Toàn (HT TGT): Khi hiểu hoạt động giáo dục Tăng Ni là tất cả những gì có liên quan đến việc nhiếp hóa đồ chúng thì đúng là như vậy. Thực ra được gặp Ôn Từ Đàm¹ đối với tôi là một thiện duyên. Tôi đã nghe tiếng Ôn từ trước năm 1975 và vẫn

ao ước được gặp. Trong thời gian vận động thành lập GHPGVN, tôi cũng có tiếp xúc với Ôn đôi lần. Nhưng mãi đến khi có sự giới thiệu của Ôn Già Lam² thì tôi mới có điều kiện thân cận với Ôn. Suốt mấy chục năm qua, tôi luôn luôn tổ chức an cư kết hạ tại tịnh xá Trung Tâm. Khi Ôn Già Lam còn tại thế, trong những dịp ấy, tôi luôn thỉnh Ôn về tịnh xá giảng luật Tứ phần cho chư Tăng Ni thuộc hệ phái Khất sĩ. Một lần như vậy, vào mùa hạ Phật lịch 2526 (năm 1982) khi Ôn Từ Đàm đang ở Sài Gòn, Ôn



Hòa thượng Thích Giác Toàn

Già Lam mời Ôn Từ Đàm cùng đi; nhờ vậy mà tôi có dịp cung thỉnh Ôn Từ Đàm giảng pháp cho chúng Tăng Ni. Sau đó, được Ôn đề cử tôi làm Thư ký cho Ban Giáo dục Tăng Ni mà Ôn là Trưởng ban, tôi có thời gian làm việc dưới sự chỉ dạy của Ôn nhiều năm, chỉ tiếc là Ôn thường ở Huế, tôi chỉ được gặp Ôn trong những dịp Ôn vào Sài Gòn giảng dạy, họp hành hoặc khi tôi ra Huế công tác. Cũng may là tôi và Ôn còn nhiều dịp đi chung với nhau trong các hoạt động Phật sự liên quan đến giáo dục Tăng Ni và những dịp đi ra nước ngoài.

VHPG: Hòa thượng có thể ôn lại những dịp ấy để giúp Phật tử biết thêm về hành trạng một bậc Tông tượng của Phật giáo Việt Nam hiện đại?

HT TGT: Kỷ niệm đáng nhớ nhất về Ôn Từ Đàm là lúc chúng tôi đi thăm các thắng tích Phật giáo ở Ấn Độ. Năm 1995, Ôn và Hòa thượng Thích Minh Châu hướng dẫn một đoàn Phật tử Việt Nam lần đầu tiên sau 1975 sang Ấn Độ hành hương Phật tích. Đến Kusinagar, đoàn có vào thăm chùa Đại Niết-Bàn; sau thời kinh tán Phật thì tiếng Ôn vang lên, đại ý Ôn nói rằng khi đoàn Phật tử Việt Nam có duyên may đến đất Phật lạy Thế Tôn thì Thế Tôn đã nhập diệt từ hơn 2.500 năm rồi... Lời của Ôn thật giản dị, nhưng lúc ấy mọi người nghe xong đều nước mắt ràn rụa. Được biết có một ngôi làng nhiều người sống trong cảnh nghèo khổ cùng cực, Ôn lập tức vận động đoàn để thu được 700USD, đổi ra thành 20.000 rupee rồi đến thăm và đem phân phát cho người trong làng, mỗi người được 20 rupee, đó là một số tiền không nhỏ đối với họ.

Trước đó, vào năm 1989, tôi cùng đi với Ôn sang thăm Phật giáo Mông Cổ. Đoàn có năm người gồm Ôn, các Hòa thượng Thanh Tú, Trí Tâm, Thượng tọa Gia Quang và tôi. Khi vượt sa mạc Gô-bi, đêm xuống, tôi và Ôn thường được sắp xếp nghỉ chung trong một cái lều. Ở Mông Cổ người ta không ăn chay, ngay cả các vị Lạt-ma Mông Cổ cũng đều dùng tam tịnh nhục. Vì không ăn được thịt, những ngày ở Mông Cổ chúng tôi chỉ ăn được một ít bánh mì sandwich Nga khiến ai nấy đều gầy đi thấy rõ. Mỗi buổi sáng Ôn đều lắc lắc cái cổ tay có đeo đồng hồ để cho thấy là cổ tay của Ôn đã teo lại. Một hôm, Ôn khoe với cả đoàn rằng đã thuyết phục được nhà bếp

hôm ấy sẽ cho đoàn Việt Nam ăn một bữa súp hoàn toàn chay tịnh. Đến trưa, quả tình nhà bếp bung lên một thố súp thật to nghi ngút khói, trông có vẻ ngon lành lắm. Trước khi dùng, Ôn lấy một cái môi lớn đảo xuống dưới đáy thố để thấy dưới đáy cũng còn một ít thịt nhưng đã được băm nhuyễn. Theo lời người phiên dịch thì người làm bếp bảo rằng ở Mông Cổ người ta không ăn thịt có nghĩa là người ta ăn một ít thịt, chứ chẳng có ai lại không ăn thịt bao giờ!

Ở quê nhà, đáng nhớ nhất là lần tôi đưa Ôn đi thăm các trường Phật học ở miền Tây. Lúc ấy Ôn đã ngoài bảy mươi và căn bệnh của Ôn đã phát tác, nhưng Ôn vẫn ngồi xe đi cùng chúng tôi cả vài trăm cây số một ngày. Đến các trường, Ôn đều có những lời chỉ dạy ôn tồn và đưa ra những nhận xét dí dỏm. Điều đáng kính trọng nhất ở Ôn là tinh thần chịu đựng bằng một thái độ hòa nhã và sự chia sẻ. Trên đường về Châu Đốc Long Xuyên, có một đoạn từ kinh 3 Lộ Tê đi Tri Tôn, bấy giờ đường còn rất xấu, xe bị sa lầy, mọi người phải xuống xe; và vì ở quãng vắng không có người giúp sức, tất cả mọi người đều xúm vào đẩy xe. Khi thỉnh Ôn đứng bên đường chờ mọi người đẩy xe qua chỗ lầy, Ôn trả lời rằng Ôn có đi xe thì Ôn cũng biết đẩy xe!

Một lần khác tôi ra Huế được cùng Ôn đến thăm Ôn Linh Mục¹ và ngay buổi tối hôm đó Ôn Linh Mục viên tịch. Thế là Ôn hướng dẫn tôi lên thẳng chùa Linh Mục trong lúc nhục thân của Ôn Linh Mục còn được đặt nằm ở giữa phòng. Đêm hôm ấy, Ôn và tôi cùng ở lại bên cạnh nhục thân Ôn Linh Mục, ngủ trên thiên sàng của ngài.

Ngày Ôn Từ Đàm mất, tôi từ Sài Gòn bay ra Huế dự tang lễ. Bốn câu thơ tôi nhắm sẵn trong đầu để khóc Ôn: *Ai về miền Trung thăm xứ Huế - Viếng Từ Đàm cũng nhớ Ôn luôn - Xứ Huế có sông Hương núi Ngự - Chùa Từ Đàm có bóng dáng Ôn thương...* về sau, bốn câu này được đặt lên đầu bài thơ tôi làm để tưởng niệm Ôn nhân ngày lễ chung thất của Ôn, mừng 6 tháng Mười năm Tân Tỵ (20-11-2001).

VHPG: Như vậy, ấn tượng sâu đậm nhất của Hòa thượng về Ôn Từ Đàm là gì?

HT TGT: Được làm việc với Ôn Từ Đàm là một phúc duyên lớn. Tôi vẫn luôn mong được thân cận với Ôn nhiều hơn nữa để được theo học những đức tính cao quý và phong cách trầm ổn nơi Ôn. Mặc dù kiến thức uyên bác và sở học thâm sâu, Ôn luôn luôn khiêm hạ và tận tụy với mọi người. Kể cả trong những lúc làm việc Ôn luôn vui vẻ; đặc biệt là Ôn rất khéo sử dụng hoàn cảnh tại chỗ để liên tưởng đến những biện pháp giáo dục và đưa lời góp ý. Chú tâm thì biết rằng mọi câu nói của Ôn đều có tính cách sư phạm, đều là những lời giảng sâu sắc. Cuộc đời của Ôn Từ Đàm là một tấm gương sáng trong lĩnh vực, nhiếp hóa đồ chúng, giáo dục Tăng Ni, giáo hóa chúng sanh. Ôn đã hiện thân trong cõi ta-bà này cả một đời giáo hóa...

VHPG: Xin chân thành cảm ơn Hòa thượng. ■



Nghĩ về

Truyền thông Phật giáo

LÂM HẠNH NHIÊN

1 Tiến sĩ Ralph Nichols, mất năm 2006, thọ 96 tuổi, người được giới học thuật Hoa Kỳ phong tặng là cha đẻ của ngành học “Lắng Nghe”, một môn học được giảng dạy tại University of Minnesota từ thập niên 1960 và đã phát triển thành một ngành nghiên cứu danh giá trong nền đại học Hoa Kỳ, thường nhắc đi nhắc lại nhận định của ông rằng một trong những nhu cầu căn bản của con người là hiểu được người khác và được người khác hiểu. Ông cho rằng để hiểu được người khác, con người cần biết lắng nghe;

và nhờ đã lắng nghe, con người có thể khéo léo trình bày các thông tin liên quan đến mình sao cho mình được người khác hiểu. Việc trình bày thông tin để người khác hiểu chính là mục đích của hoạt động truyền thông, vì truyền thông được định nghĩa là truyền đạt thông tin có ý nghĩa để tác động tới nhận thức của người khác, để tạo ảnh hưởng trên thái độ của người khác đối với vấn đề cần chuyển tải. Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng một trong những yếu tố đem lại kết quả cho hoạt động truyền thông



lại là biết lắng nghe. Quả thật, khi đã lắng nghe, con người biết người khác cần có những thông tin nào, nên được trình bày ra sao, với liều lượng bao nhiêu là vừa đủ; nhờ đó mà hình thành các chiến lược truyền thông thích hợp.

2 Truyền thông có nhiều cấp độ. Ở cấp độ sơ đẳng là việc nói chuyện trực tiếp giữa hai con người với nhau. Trong trường hợp trao đổi mặt đối mặt này, cả hai người hiện diện trong hoạt động truyền thông đó đều có thể nhận biết nhu cầu thông tin cần truyền đạt của nhau qua ngôn ngữ quy ước là loại tiếng nói mà cả hai cùng thông thạo; ngoài ra, họ còn có thể bày tỏ bằng ánh mắt, nét mặt, nụ cười, hoặc điệu mà người ta gọi là ngôn ngữ của cơ thể. Trong trường hợp một người trao đổi với nhiều người, như khi một giáo viên giảng bài cho một lớp học chẳng hạn, người giáo viên cũng có thể nhờ quán sát, trong đó có lắng nghe, mà biết rõ nhu cầu của lớp học, và cũng có thể sử dụng mọi loại ngôn ngữ để truyền đạt cho học trò của mình hiểu được nội dung của bài giảng. Ở cấp độ cao hơn là trường hợp một tập thể nòng cốt của một cộng đồng muốn trình bày quan điểm của tập thể ấy cho những người thuộc cộng đồng của mình hiểu rõ những điều mà cộng đồng cần thực hiện để duy trì truyền thống, để phát triển cộng đồng... tập thể đó cần hiểu rõ nhu cầu của cộng đồng rồi chọn lựa những thông tin cần truyền đạt theo cách thức mà cộng đồng có thể nắm bắt được, từ đó mới có thể đem lại những chuyển biến về nhận thức cho cộng đồng và mới hy vọng thay đổi

được những tập quán lạc hậu, xây dựng những thói quen khác mang tính cách tiến bộ. Ở một cấp độ cao hơn nữa, khi một cộng đồng muốn phát huy ảnh hưởng của cộng đồng mình trong một quốc gia, một dân tộc, hay vượt xa hơn, trong toàn thế giới, trước hết, tự thân cộng đồng đó phải có nhận thức rõ về chính mình, hiểu được những đặc điểm nào của cộng đồng mình đáng được trình bày cho người khác, kể đó mới là tìm hiểu rõ nhu cầu của quốc gia, dân tộc, loài người... để có những chiến lược truyền thông thích hợp trong từng thời kỳ, ở từng địa phương, đối với từng truyền thống văn hóa khác biệt. Ngày xưa, khi mang giáo lý giải thoát của bậc đã giác ngộ từ đất Ấn Độ truyền bá cho các dân tộc ở châu Á, các vị trưởng lão đại đệ tử của Đức Phật đã áp dụng những điều vừa nêu. Trước hết, các ngài hiểu rõ giáo lý của Đức Phật, các ngài cũng luôn quán sát để hiểu rõ nhu cầu của dân chúng ở những nơi mà các ngài đến, và các ngài đã thường xuyên điều chỉnh biện pháp truyền đạo để chỉ truyền đạt những thông tin thích hợp, điều mà nhà Phật gọi là khế cơ khế lý.

3 Con người thời đại ngày nay ngày càng có nhiều vật chất để thỏa mãn mọi tham vọng, để kiêu dưỡng hết mức cái tôi của mình. Tiến bộ khoa học kỹ thuật cho phép con người khai thác tối đa thiên nhiên, buộc tất cả mọi loài mọi vật đều phải phục vụ cho nhu cầu của mình. Nhưng hơn bao giờ hết, con người vẫn tiếp tục trầm luân trong biển khổ. Cũng có quá nhiều con người thiếu đói,

nhưng nhìn chung, con người không chỉ khổ vì thiếu thốn vật chất mà còn khổ vì quá dư thừa; cũng có những kẻ vô danh, nhưng rất nhiều người khổ sở vì nhiều danh vọng; ngay cả những người được hâm mộ, được yêu thương, chẳng phải là không khổ. Trong bối cảnh ấy, với những chiến lược truyền thông thích hợp, những người con Phật, với lòng từ bi, sẵn sàng chia sẻ với mọi người những biện pháp giữ bỏ đau khổ mà mình đã chứng nghiệm; có thể là chứng nghiệm toàn phần, nhưng kể cả nếu chỉ mới chứng nghiệm từng phần mà thôi thì sự chia sẻ cũng là có giá trị. Sự chia sẻ giáo lý nhà Phật mà mình đã có phần chứng nghiệm chính là một phần của hoạt động truyền thông Phật giáo.

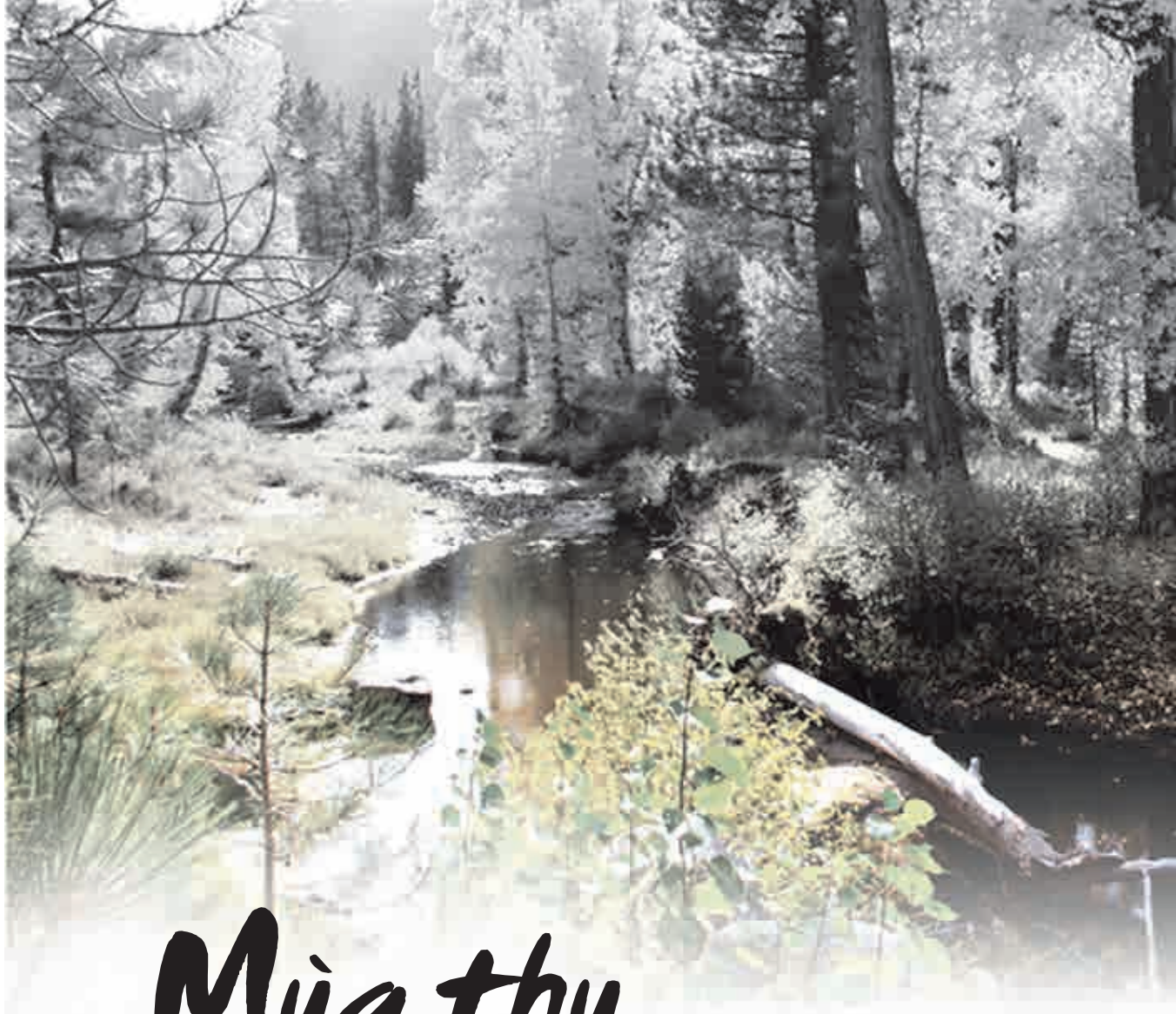
4 Thời đại ngày nay cũng là thời đại thông tin xét theo nghĩa thông tin là một công nghệ. Công nghệ thông tin cho phép con người có thể thực hiện hoạt động truyền thông trên một quy mô rộng lớn. Và truyền thông cũng chính là một công nghệ có những tiến bộ kỹ thuật lớn lao trong vòng một thế kỷ qua. Sự kết hợp giữa công nghệ thông tin với công nghệ truyền thông mang đến cho người làm công tác truyền thông những phương tiện vô cùng mạnh mẽ. Từ những chiếc máy thu phát thanh công suất yếu có độ phủ sóng hạn hẹp xuất hiện từ cuối thế kỷ 19, ngày nay người ta đã có những hệ thống thu phát cả âm thanh lẫn hình ảnh có thể phủ sóng toàn cầu, phát đi thông tin bất kể ngày đêm; người nhận thông tin có thể chọn lựa và lưu trữ thông tin mình cần; hơn nữa, còn có thể yêu cầu chỉ nhận đúng những thông tin đã được đặt hàng. Và điều này cũng lại đóng góp thêm cho nỗi khổ của con người; ở chỗ, con người không khổ vì thiếu thông tin, mà khổ vì bị tràn ngập thông tin; đến nỗi người ta không biết thông tin nào là thật sự có phẩm chất.

5 Mới đây, Phật giáo Việt Nam đã có một chính sách mới về hoạt động truyền thông. Nghị quyết của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam họp ngày 20-8-2011 đã bàn việc triển khai đề án thành lập Ban Truyền Thông trực thuộc Hội đồng Trị sự GHPGVN. Đề án này có nhiều khả năng được thông qua khi Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII GHPGVN sẽ được triệu tập vào tháng 12-2012; vì trước mắt, Ban Thường trực HĐTS đã được giao nhiệm vụ trực tiếp điều hành và vận hành Ban Truyền thông; đồng thời công cử nhân sự lâm thời của Ban và sẽ bổ sung theo nhu cầu. Được biết, đề án thành lập Ban Truyền thông đã nêu rõ mục tiêu hoạt động gồm 4 điểm: a) Bảo đảm thông tin về Giáo hội có sự thống nhất, phản ánh đúng, đầy đủ và trung thực ý chí của Giáo hội, rằng Phật giáo Việt Nam thống nhất về ý chí và hành động, thống nhất về lãnh đạo và tổ chức, đồng thời vẫn tôn trọng và duy trì các truyền thống hệ phái cũng như các pháp môn và phương tiện tu hành đúng chính pháp; b) Kiểm soát và loại bỏ các thông tin truyền thông không chính thống, thông tin trái chiều, thị phi, chủ quan, gây ảnh hưởng

không tốt đến danh tiếng của Giáo hội và làm sai lệch giáo lý, tôn chỉ của đạo Phật; c) mang đạo Phật vào đời, làm cho đạo Phật ngày càng gần gũi với quảng đại quần chúng; và d) giúp Phật tử hiểu sâu hơn về tư tưởng Phật giáo, đồng thời quảng bá về những ứng dụng của Phật giáo, trong các lãnh vực y khoa, tâm lý trị liệu, kể cả khoa học kỹ thuật và chính trị nữa, đã có kết quả trên khắp thế giới.

6 Đề án thành lập Ban Truyền thông của Phật giáo Việt Nam với những mục tiêu như trên có khả năng đáp ứng được yêu cầu khế cơ khế lý trong việc cung cấp thông tin cho Phật tử nói riêng và cho cả xã hội nói chung; vì xét cho cùng, truyền thông Phật giáo phải nhắm đến những người chưa phải là Phật tử. Và như vậy, việc chọn lựa thông tin, cách trình bày thông tin, ấn định liều lượng thông tin đúng mức... là những điều hết sức cần thiết. Điều quan trọng hơn là thông tin phải có phương tiện để truyền đạt. Trong thời đại của công nghệ thông tin và công nghệ truyền thông ngày nay, việc truyền tải thông tin không thể chỉ hoàn toàn trông chờ vào những tờ báo in. Thông tin cần phải được truyền đạt qua những kênh truyền thanh, truyền hình, các mạng lưới toàn cầu với công nghệ kỹ thuật số, công nghệ vệ tinh... Như vậy, hoạt động truyền thông Phật giáo cũng cần chú ý tới tất cả những phương tiện truyền thông hiện hành; từ việc phát hành báo chí và ấn phẩm thường xuyên hay không thường xuyên, đến việc tổ chức nhà in, nhà xuất bản; từ việc phát sóng các chương trình truyền thanh, truyền hình, đến việc sản xuất các loại băng đĩa phim ảnh và tổ chức những hãng sản xuất phim; từ việc phát hành báo trực tuyến đến việc cung cấp các dịch vụ trực tuyến, việc phổ biến sách điện tử, thư viện điện tử... Hẳn là khi chính thức được thành lập, Ban Truyền Thông Phật giáo sẽ từng bước có kế hoạch phát triển tất cả những hoạt động có liên quan đến lãnh vực truyền thông đại chúng trên cơ sở lắng nghe nhu cầu của đại chúng.

7 Trong thời gian vừa qua, được biết các hoạt động góp tích cực của một vị cư sĩ trẻ hiện giữ một vai trò quan trọng trong Công ty Cổ phần Nghe Nhìn Toàn Cầu AVG. Qua những thông tin từ báo chí, được biết AVG đã có nhiều kế hoạch đầu tư vào lãnh vực thông tin truyền thông với kỹ thuật số và thông tin truyền thông với kỹ thuật vệ tinh. Người ta có thể hy vọng rằng trong những chừng mức nhất định, Ban Truyền Thông của Phật giáo Việt Nam sau khi đã được thành lập có thể có được những hỗ trợ đúng mức từ AVG để không những nhanh chóng đạt được các mục tiêu hoạt động theo như đề án mà còn có thể mở rộng các hoạt động truyền thông để vươn ra tác động đến Phật tử hải ngoại cũng như tạo nên một hình ảnh Phật giáo Việt Nam xứng đáng với một đất nước có truyền thống 2.000 năm theo Phật. ■



Mùa thu trong thơ Haiku Nhật Bản

HOÀNG XUÂN VINH

Mùa thu đi vào thế giới thi ca của xứ Phù Tang thơ mộng tự bao giờ? Có lẽ từ những bài tanka 31 âm tiết cổ xưa nhất trong “*Manyōshū*” (*Vạn diệp tập*), hợp tuyển thi ca vĩ đại cổ sơ thời đại Nara (thế kỷ VIII). Giữa 4.496 chiếc lá thơ xinh xắn, ta âm thầm nhặt lên, nâng niu trên tay biết bao chiếc lá thu giản dị, đơn sơ mà thanh khiết, tao nhã đến lạ lùng.

Thơ Haiku mùa thu mang nhiều sắc thái thẩm mỹ khác nhau, giao thoa hòa quyện lẫn nhau để làm nên hương sắc và phong vị khó miêu tả, khó phân tích, chỉ có thể cảm nhận bằng sự vi diệu của tâm linh, sự tinh tế của tâm hồn, sự mẫn cảm của trực giác mà thôi. Trong đó, bi cảm (mà tiếng Nhật là *aware*) là cảm thức bao trùm, là cái chất thu đẹp, buồn và quyến rũ, ngàn năm lay động hồn người dù chỉ bằng một chút men thu.

1. Lá phong đỏ, hoa cúc vàng và triều nhan tím

Nhật Bản là đất nước của ngàn thơ, vì trước hết đó là đất nước của ngàn hoa. Hoa là một trong những hiện thân trọn vẹn và rực rỡ nhất của cái đẹp trên đời. Hình như tạo hóa có phần thiên vị Phù Tang quần đảo, và hình như người Nhật cũng đã cảm nhận được cái ân tình của tạo hóa nên thầm lặng nói lời tạ ơn bằng cách sống đẹp như hoa, chết đẹp như hoa, trồng hoa trên khắp mọi miền đất nước, thưởng hoa suốt bốn mùa thu đông xuân hạ, đem hoa vào tất cả các loại hình nghệ thuật tinh túy nhất như vườn cảnh, cây cảnh, cắm hoa, hội họa, trà đạo, trang phục, ẩm thực... Tất cả những gì người Nhật tài hoa chạm tay vào đều biến thành hoa của cuộc sống. Thơ Haiku mùa nào cũng có quý ngữ là những loài hoa đẹp... Lá phong đỏ, hoa cúc vàng và triều nhan tím là ba hình ảnh hoa thơ đẹp nhất và đặc trưng cho sắc thu, hương thu, vị thu trong thơ Haiku.



Hơn một ngàn năm trôi qua rồi mà ta vẫn còn rung động khi nghe lời thắm thì cùng lá đỏ trong "Manyoshu" xưa:

Đàn nhạn bay về/ cây phong của ta ơi/ đến lượt em rồi đó/ đã sang mùa/ em hãy đổi màu đi!

Khi người yêu tôi/ mặc áo trắng đi ngang đôi/ vương vào lá/ chắc áo sẽ ngả vàng/ vì đang là mùa thu.

Mùa thu là mùa của lễ hội ngắm lá. Vàng rơi phủ dần đường xưa lối cũ là sắc đỏ sang mùa của ngàn vạn lá phong. Đẹp đến mức Shiki phải thốt lên:

Đẹp lạ lùng/ ai mà không ghen tị/ lá đỏ rời cành phong.

Cũng như hoa anh đào, đẹp từ lấm tấm nụ đến bạt ngàn hoa, đẹp cả lúc lá tả trong mưa bụi gió xuân, rơi xuống làm hồ Biwa gợn sóng, lá phong đẹp rợn ngợp trên cành cao và kiêu hãnh chao mình về với cội rễ già, chôn mình bằng xác lá khô héo úa vàng.

Một lần đi qua xứ lạnh mùa thu, nhà thơ Tế Hanh hạ bút:

Lá phong đỏ như mối tình rực lửa

Hoa cúc vàng như nỗi nhớ dây dưa

Thiên nhiên hình như cũng biết tình tứ hẹn hò. Nhớ lời ước hẹn sang thu, hoa cúc rủ nhau về nở rộ:

Cúc vàng, cúc trắng/ đóa cúc hồng/ tôi khát khao (Shiki)

Mong manh mong manh/ một nhành hoa cúc/ vừa đơm nụ vàng (Basho)

Hoa cúc bé nhỏ và mong manh là vậy, nhưng lại ẩn

giấu dưới sắc vàng rực rỡ một sức sống tiềm tàng, tràn trề sinh lực:

Dẫu thân hao gầy/ cánh hoa cúc ấy/ nụ hoa căng đầy (Basho)

Không chỉ đẹp trong cái sắc trắng ngần, hoa cúc đến trong cuộc đời trần tục bụi bặm này một cách hồn nhiên, trong veo, thanh khiết, vô tư.

Kìa hoa cúc trắng ngần/ không mây may hạt bụi/ nở ngay trước mắt trần (Basho)

Bông hoa cúc Nhật ấy cũng như đóa sen trong ca dao Việt vậy. Cái đẹp trong quan niệm thẩm mỹ của người Nhật thường hài hòa với cái nghèo nàn, đơn sơ, mộc mạc, xù xì, bé nhỏ gần gũi quanh ta:

Quanh chiếc cối xay/ trên mình cúc trắng/ chút bụi cám bay (Basho)

Cái lam lũ của cối xay, cái tội nghiệp nghèo nàn của bụi cám vương vào cánh hoa cúc trắng tinh khôi tạo nên một sự tương giao của vạn vật hiền hòa. Và đến khi thu vàng sắp từ biệt, những đóa cúc muộn màng cuối mùa cũng ra đi, vạn vật hầu như chỉ còn là hư không trống vắng, như có một cái gì đó vừa trôi qua tầm tay ta.

Hoa cúc hết mùa,/ ngoài cây củ cải/ còn lại gì đâu (Basho)

Mùa thu còn quyến rũ lòng người bởi sắc hoa triều nhan (asagao) xanh tím. Triều nhan - gương mặt buổi sáng - còn được mang một cái tên dân dã dễ thương là bìm bìm, loài hoa leo hoang dã đồng nội thân quen quăn quýt khắp nơi, giăng mắc mọi lối. Triều nhan không phải chỉ là hoa của mùa thu, nhưng vì cái màu tím đẹp và gợi cảm của hoa nên thường được người Nhật nhắc đến trong những bài thơ về mùa thu như một quý nữ, một hình ảnh trung tâm của thế giới thơ. Thiển ni Chiyo không để lại nhiều thơ, nhưng vẫn đủ sức tạo hương gây mùi nhớ cho đời, mà đẹp nhất là bài thơ về bông hoa triều nhan biêng biếc bên thành giếng một sớm tinh mơ:

À! Asagao!/ Dây gấu vương hoa bên giếng/ đành xin nước nhà bên.

Bài thơ đẹp ở cách tạo hình ảnh vừa tương phản lại vừa tương hợp giữa dây hoa và dây gấu, còn đẹp hơn bởi cách tạo yếu tố bất ngờ trùng điệp tăng cấp qua cả ba câu thơ bé nhỏ. Bài thơ còn sâu sắc ở chỗ đã gửi gắm kín đáo dưới chữ nghĩa ít ỏi kia một nét đẹp lấp lánh của tâm hồn Nhật Bản. Đó là sự tinh tế và nhạy cảm trước cái Đẹp của cuộc sống và hơn thế nữa là thái độ và nghĩa cử biết nâng niu, trân trọng gìn giữ cái Đẹp trong đời.

Đóa triều nhan trong bài thơ nhỏ của Basho lại đáng yêu một cách khác:

Triều nhan một đóa/ suốt ngày chốt cửa/ cài vào cổng tôi (Basho)

Trong thế giới của tịch lặng và tách biệt bụi trần, triều nhan bé nhỏ thắm lạng làm người gác cổng đáng yêu bên lối nhỏ vào đường thiên vạn nẻo, vào tâm thiên thênh thang.

2. Sắc màu và hương vị cùng mưa gió và sương thu

Trong thế giới nghệ thuật, không chỉ có những sự vật hiện tượng cụ thể mới có hình hài, sắc màu, hương vị... Điều thú vị khi thưởng thức thơ Haiku mùa thu là ta không chỉ vừa có thể thấy được bao sắc màu, lại còn có thể ngửi thấy được cả mùi vị của mùa thu mới thật là kỳ lạ!

Bắt gặp sắc đỏ của mùa thu qua thắm lá, tán lá; sắc vàng, sắc trắng của mùa thu qua bạt ngàn cúc hoa, ta lại ngẩn ngơ trước sắc tím xanh biêng biếc của triêu nhan bên hàng đậu đỏ. Nhưng cái màu sắc vô hình của mùa thu lại chính là *sắc trắng* - một sắc trắng kỳ lạ của hư vô, hình như không thể nhìn thấy bằng mắt, mà chính là màu tâm trạng, màu tâm hồn, màu tâm tư, màu tâm tưởng, cả màu tâm linh nữa.

Bể tối sẫm,/ tiếng nhận,/ phơn phớt trắng

Trắng hơn,/ đá trên núi/ gió thu

Không bao giờ quên,/ mùi vị cô đơn/ của giọt sương trắng (Basho).

Khi cảm nhận sắc màu của vạn vật trong không gian thu, thời gian thu, nhân vật trữ tình ẩn tàng trong những bài Haiku trên đã có một năng lực trực cảm kỳ lạ đó là *sự chuyển đổi cảm giác*. Ở bài thơ thứ nhất, sắc đen tối sẫm của biển tương phản và làm nổi bật màu phơn phớt trắng, không phải của cánh nhận, mà là của *tiếng nhận*. Tiếng nhận trên biển tối không phải được *nghe* bằng tai mà được *thấy* bằng mắt! Ở bài thứ hai, nghệ thuật so sánh đã làm nổi bật màu trắng của gió thu trên nền màu trắng của núi đá. Gió ở đây cũng không phải được *nghe* bằng tai mà được *thấy* bằng mắt và gió có... *màu trắng*! Ở bài thứ ba, lắng sâu vào lòng người, lắng sâu vào vũ trụ là một giọt sương. Giọt sương thắm ấy không chỉ có màu mà còn có cả mùi và vị. Một cái mùi vị độc đáo không thể ngửi thấy được, không thể nếm, không thể miêu tả được, mà vẫn cảm nhận được, đó là *mùi... cô đơn!*

Hình hài của mùa thu không chỉ hiển hiện ra trong màu sắc, mà thu chỉ thật sự hiện hữu, thật sự được cảm nhận từ những làn hương.

Ở Yamanaka/ không cần ngắt hoa cúc bỏ vào/ mà nước suối vẫn thơm (Basho)

Mưa mù sương/ phù dung một đóa/ làm mùa dâng hương (Basho)

Đi giữa trời thu, con người hòa vào vũ trụ một cách như nhiên nhất, vì ta chính là một phần của bản thể vũ trụ mà. Vì vậy, ta có thể cảm nhận một cách tinh tế nhất cái cuộc sống huyền diệu này. Cái đẹp của vạn vật vào thu không chỉ tồn tại như một hằng thường khách quan mà vô thường trong cảm nhận chủ quan của chính con người. Trực giác bao giờ cũng sắc bén khiến những câu thơ thu bé nhỏ kia đẹp và thực đến khó tin.

Gió thu và sương thu là những quý ngữ quen thuộc trong những khúc ca thu bé nhỏ này. Gió là ngôn ngữ riêng của thu; lời của thu cũng là lời của gió. Đi qua

những ngày hạ nóng nực, những làn thu phong đã đem lại cho vạn vật một cảm giác mát mẻ để chịu những ngày đầu thu:

Đỏ bồng/ mặt trời/ nhưng rồi thu phong

Không khi mát mẻ mùa thu/ bàn tay nào gạt vò/ dưa gang và cà tím (Basho)

Và trong làn gió thu nhẹ thoảng, những chiếc lá chao mình rơi rụng, đùa giỡn cùng gió mùa thu tinh nghịch:

Một chiếc lá rơi/ chiếc khác/ gió đoạt (Ransetsu)

Nhưng cái mát mẻ kia chỉ là khoảnh khắc, chỉ là một chút heo may giao mùa. Khác với gió mùa thu hiu hắt, dịu dàng, khe khẽ trong thơ thu vàng miền Bắc nước ta, gió mùa thu trong thơ Haiku xứ lạnh thường se sắt, ào ạt và dữ dội hơn:

Trận gió thu,/ rừng mình,/ bóng núi (Issa)

Thiên nhiên có sự giao cảm lạ kỳ, đầy bí ẩn. Dấu ấn cảm quan sùng thượng thiên nhiên của Thần đạo (Shinto) in đậm trong bài thơ thu. Gió thu không chỉ là cái đẹp của thiên nhiên mà còn là sức mạnh thần bí của vũ trụ. Thơ mùa thu vì vậy không chỉ mang đi cảm xúc về cái tình, cái đẹp mà còn ẩn chứa trong sâu thẳm những trầm tư triết lý, đức tin và tín ngưỡng của con người.

Gió thổi, sương pha nhắc ta biết vạn vật đã sang mùa. Vào thu, đất trời không còn cái ấm áp tinh khôi của mùa xuân, cái nồng nàn, khỏe khoắn của mùa hạ, cũng chưa có cái lạnh lẽo, âm thầm của mùa đông. Mùa thu trong thơ Haiku có cái đẹp mơ màng của mùa sương xứ lạnh.

Chìm trong mưa sương/ đỉnh Fuji ấy/ lòng ta không buồn (Basho)

Mưa mù sương/ phù dung một đóa/ làm mùa dâng hương (Basho)

Hoa đình hương ơi/ những giọt sương sáng/ em đừng để rơi (Basho)

Ôi những hạt sương/ trần châu từng hạt/ hiện hình cố hương (Issa)

Thật kỳ lạ những giọt sương! Chỉ trong một hạt sương long lanh mà có thể chứa đựng tất cả vũ trụ: cái đẹp, niềm vui, nỗi buồn, ảo ảnh... Đơn sơ là một giọt sương, hư vô là một giọt sương, nghèo nàn là một giọt sương, mà giàu có cũng lại chỉ là một giọt sương trên đầu ngọn cỏ mà thôi!

3. Chiều thu, đêm thu, trăng thu cùng nỗi buồn, sự cô đơn và cái chết

Thơ Haiku mùa thu thường ngập ngừng dừng bước vào những thời điểm đẹp và buồn nhất trong một ngày thu là chiều tà và đêm tối. Có lẽ đó là những phút giây tịch lặng nhất trong ngày. Cùng với bi cảm aware, thì *sabi* (tịch) cũng là một cảm thức thẩm mỹ thường trực trong Haiku mùa thu.

Trên cành khô/ cánh quạ đậu/ chiều thu (Basho).

Đó là một bài Haiku danh tiếng của tôn sư Basho. Haiku vốn không có nhan đề, nhưng bạn yêu thơ đời sau đã thân ái đặt cho bài thơ này một cái tên lâu dần

thành thân quen là bài thơ *Con quạ*. Bài thơ chỉ có một gam màu sẫm tối buồn bã với ba hình tượng nghệ thuật được sắp xếp một cách đơn lẻ: một cành cây khô trơ trụi, một cánh quạ nhỏ bé, lẻ loi, xấu xí, đứng yên không động vọng, một hoàng hôn bóng tối loang dần. Thế nhưng tất cả đã hòa vào nhau thành một nhất thể như tự khởi nguyên, vô thủy và vô chung, vô âm và vô sắc, vô định và vô hạn, vô ngại và vô chấp.

Trên con đường này/ giữa chiều thu ấy/ đi về không ai (Basho)

Một mình/ thăm một người/ chiều thu (Buson)

Trong cả hai bài thơ nhỏ bé này đều có một chủ thể trữ tình vừa ẩn tàng vừa lộ diện. Cả hai đều cô độc giữa chiều thu cô liêu. Cảm giác đơn côi của người lữ khách trên con đường thiên lý giữa buổi chiều thu lộ ra qua những số từ “không” và “một”. Sự cô đơn, sự già nua, cái chết, biệt ly... là những chủ đề đi xuyên qua nhiều bài Haiku mùa thu âm đạm.

Mùa thu năm nay/ sao tôi chóng già thế/ chim sa ở mây trời (Basho)

Bài thơ nói về cái tôi mà không có cái tôi. Khi ngộ ra được cái vô thường, cũng là lúc con người thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử, an nhiên như chim tung cánh, như mây trời lang thang.

Mùa thu âm u/ người hàng xóm ấy/ sống như thế nào (Basho)

Sinh tử biệt ly là quy luật tự nhiên của cuộc vô thường, nhưng cái tái tê của mùa thu, của chiều thu khiến lòng ta càng thêm tê tái.

Mùa thu ở Kiso/ người tiễn đưa ta/ ta tiễn đưa người (Basho)

Xin hãy lay động nắm mồ/ những lời than khóc của tôi/ chiều thu (Basho)

Không còn mẹ/ một mình em bé tập cười/ đêm mùa thu rơi (Issa)

Gió mùa thu rơi/ hoa tím còn muốn hái/ cô bé chết hôm nào (Issa)

Thơ Issa là tấm gương phản chiếu nỗi đau trong tâm hồn, trong cuộc đời nhà thơ. Cuộc đời Issa buồn và khổ, hạnh phúc thì hiếm hoi mà bất hạnh thì dồn dập, chất chồng. Mỗi bài thơ buồn của Issa là một vành khăn xô trắng màu tang tóc của mùa thu.

Những tưởng đã giữ bỏ mọi lớp bụi hồng trần để an nhiên thung dung phiêu lãng trên con đường thiên lý sâu thẳm của hài cú đạo, thế mà ngay cả Thiền sư Basho cũng không ngăn được dòng lệ trước sự vô thường của cuộc đời, trước sự nghiệt ngã của cuộc tử biệt sinh ly. Ngày đi có bóng mẹ tiễn đưa, ngày về chỉ còn:

Lệ trào nóng hổi/ tan trên tay tóc mẹ/ làn sương thu (Basho)

Nước mắt của đứa con đi xa trở về không kịp nhìn thấy mẹ lần cuối, chỉ còn trên tay chút tóc bạc mẹ già để lại theo phong tục cổ xưa. Đó là một trong những bài thơ hay nhất về mẹ trong thế giới thơ ca Nhật Bản, lấp

lánh một góc khuất tình cảm trong cuộc đời người thi sĩ lãng tử thiền sư.

Cây chuối trong gió thu/ tiếng mưa rơi tí tách vào chậu/ ta nghe như tiếng đêm (Basho)

Đêm thu có âm thanh riêng của nó mà chỉ người thức trắng cùng đêm, cùng thu, cùng gió, cùng mưa mới hốt nhiên nghe được tổng hòa cái âm thanh kỳ lạ ấy, được định danh là “*tiếng đêm*”. Và đêm không còn là đêm của một thời gian cụ thể, mà đã trở thành đêm phi hiện thực, phi thời gian, đêm của sâu thẳm tâm linh, đêm của lòng ta hay đêm huyền diệu bao la của vũ trụ vô tận này?

Trong cái tận cùng của cô đơn, trong cái vô cùng của vũ trụ, con người may ra còn có duy nhất một người bạn trên đời:

Chỉ vắng trăng và tôi/ trên cầu gặp gỡ/ cô đơn gió buốt (Kikushani)

Trăng thu/ cùng tôi phiêu lãng/ suốt đêm quanh hồ (Basho)

Trăng và tôi, hai chủ thể cùng cô đơn, đã hợp nhất thành một. Con người giữa đất trời hiện hữu, tự nó đã là một minh chứng cho quy luật tồn sinh của vạn vật. Triết lý Thiền, triết lý Đạo, triết lý Thần ngẫu nhiên gặp nhau trong quan niệm vạn vật bình đẳng và tương giao trên góc nhìn nhân sinh quan và cả vũ trụ quan nữa. Những bài Haiku bé nhỏ đôi khi lại có một năng lực, một sức chứa kỳ lạ có thể dung nạp hết mọi đạo lý huyền diệu vào một vài con chữ ít ỏi của thơ ca.

Trong ánh mắt/ gió mùa thu thổi/ đều là Haiku (Shiki)

Trên bước đường phiêu lãng, trong cái phút tạm dừng bước chân giang hồ, người lãng tử thiền sư đã hốt nhiên bắt gặp một bức tranh đẹp đến toàn bích, vì đó là nơi hội tụ của ba đỉnh điểm cái đẹp của vũ trụ: Thiếu nữ, Trăng và Hoa.

Quán bên đường/ các du nữ ngủ/ trăng và đình hương (Basho)

Mùa thu bao giờ cũng đem lại cho con người cảm giác buồn hơn vui. Bởi vì mùa thu đẹp quá! Cái đẹp trong tâm thức, trong cảm thức người Nhật bao giờ cũng gắn với cái buồn xao xuyến, cái hoài niệm, cái tiếc nuối và sự dửng dăng, ngập ngừng như níu kéo để còn được khát khao, được mong đợi dù biết rằng có thể thu đã sang mùa.

Con trai sò/ chia xác vỏ ra hai/ mùa thu sắp đi (Basho)

Thu đã cuối rồi/ nhưng quả xoài xanh/ vẫn tin vào ngày sắp tới (Basho)

Kết cấu vòng tròn của bài thơ không chỉ khẳng định tình yêu dành cho mùa thu, còn ẩn giấu một niềm lạc quan và phát lộ một bản lĩnh trường tồn của tạo vật. Có rồi không, không để rồi lại có. Đó là sự hằng thường của lẽ vô thường, là quy luật vận hành của vạn vật. Dẫu vậy, vẫn xin được cảm ơn Thiền sư Basho đã nói hộ lòng ta, nhắn gửi với mùa thu rằng:

Ngón tay nho nhỏ/ hạt dẻ còn trong vỏ/ xin mùa thu đừng rời! ■



Mong ước của người xuất gia

NGUYỄN CHÂU

Người xuất gia mong ước những gì và làm sao thành tựu được mong ước của mình? Trong bài kinh Ước nguyện (*Ākankheyyasutta*) thuộc tuyển tập *Trung Bộ*, Đức Phật nêu ra mười hai mong ước “chính đáng” của người xuất gia nhằm khuyến khích các học trò mình nỗ lực tu tập đạo lý giác ngộ. Có mong ước chính đáng tức sẽ có nỗ lực chính đáng và kết quả chính đáng. Mười hai mong ước gồm:

1. Mong được các đồng phạm hạnh thương mến, yêu quý và tôn trọng.
2. Mong nhận được tứ sự cúng dường: y phục, món ăn khát thực, sàng tọa và dược phẩm trị bệnh.
3. Mong những vị hiến cúng tứ sự cúng dường được quả báo, lợi ích lớn.
4. Mong bà con huyết thống khi mệnh chung nghĩ tưởng đến mình với tâm hoan hỷ nhờ vậy được quả báo, lợi ích lớn.

5. Mong nhiếp phục lạc và bất lạc.
6. Mong nhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi.
7. Mong chứng được bốn Thiền, thuộc tầng thượng tâm, hiện tại lạc trú.
8. Mong chứng được các cảnh giới giải thoát tịch tĩnh, siêu thoát sắc giới, thuộc vô sắc giới.
9. Mong chứng quả Dự lưu.
10. Mong chứng quả Nhất lai.
11. Mong chứng quả Bất lai.
12. Mong thành tựu lục thông (thần túc thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng minh, thiên nhãn minh, lậu tận minh), hướng đến diệt trừ lậu hoặc, chấm dứt khổ đau.

Trên đây là mười hai mong ước “chính đáng” của người xuất gia. Đáng chú ý là bài kinh đề cập các ước nguyện của người xuất gia và dùng các mệnh đề giả định để khẳng định một luận đề: Có làm thì có kết quả.



Chẳng hạn, luận đề thứ nhất nêu như sau: “Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng ta được các đồng phạm hạnh thương mến, yêu quý, cung kính và tôn trọng!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn Thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịnh”. Như vậy, vấn đề không phải nằm ở chỗ mong ước mà chính là cách thức làm thế nào để thực hiện mong ước. Người xuất gia có thể nuôi dưỡng các ước mong chính đáng của mình nhưng cần phải biết cách biến mong ước thành hiện thực. Nói khác đi, Đức Phật khuyên người xuất gia cần phải nuôi dưỡng các tâm lý ước mong chính đáng để thúc đẩy ý chí tự độ và độ tha, nhưng trên hết cần phải hiểu rằng sự chuyên tâm hành trì giáo lý giới- định- tuệ chính là cách duy nhất để người xuất gia hoàn thành các ước mong chính đáng của mình. Sau đây là toàn văn lời Phật dạy¹:

“Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng ta được các đồng phạm hạnh thương mến, yêu quý, cung kính và tôn trọng!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn Thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng ta được các vật dụng như y phục, các món ăn khát thực, sàng tọa và các dược phẩm trị bệnh!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng ta nay hưởng thọ các vật dụng như y phục, các món ăn khát thực, sàng tọa và các dược phẩm trị bệnh! Mong rằng hành động của những vị tạo ra các vật dụng ấy được quả báo lớn, được lợi ích lớn!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng những bà con huyết thống với ta, khi họ chết và mệnh chung, nghĩ đến ta với tâm hoan hỷ và nhờ vậy được quả báo lớn, lợi ích lớn!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng ta nhiếp phục lạc và bất lạc, chớ không phải bất lạc nhiếp phục ta. Mong rằng ta sống, luôn luôn nhiếp phục bất lạc được khởi lên!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng ta nhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi, chớ không phải khiếp đảm và sợ hãi nhiếp phục ta! Mong rằng ta sống, luôn luôn nhiếp phục khiếp đảm và sợ hãi được khởi lên!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng, tùy theo ý muốn, không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức, ta chứng được bốn Thiền, thuộc tầng thượng tâm, hiện tại lạc trú!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... trú xứ không tịnh.

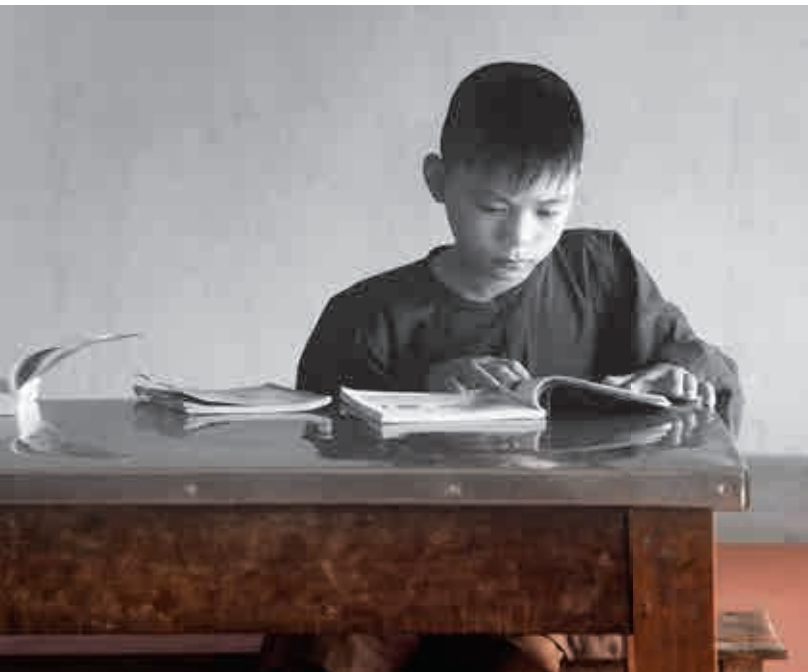
Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Có những giải thoát tịch tĩnh, siêu thoát Sắc giới, thuộc Vô sắc giới. Mong rằng ta có thể cảm xúc với thân và sống an trú trong cảnh giới ấy!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng ta trừ diệt ba kiết sử, chứng quả Dự lưu, không còn bị đọa lạc, chắc chắn hướng đến Chánh giác!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng trừ diệt ba kiết sử, làm cho muội lược tham, sân, si, ta chứng được Nhứt lai, chỉ phải trở lại đời một lần nữa để đoạn tận khổ đau!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng, trừ diệt năm hạ phần kiết sử, ta được hóa sanh, chứng được Niết-bàn ngay tại cảnh giới ấy, không còn trở lui thế giới này nữa!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng ta chứng được các loại thần thông! Một thân ta hiện ra nhiều thân, nhiều thân ta hiện ra một thân; ta hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua thành, qua núi



như đi ngang hư không, ta độn thổ trôi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; ta đi trên nước không chìm như trên đất liền; ta ngồi kiết già đi trên hư không như con chim; với bàn tay, ta chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; ta có thể, thân ta có thần thông bay cho đến Phạm Thiên!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng, với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, ta có thể nghe hai loại tiếng, chư Thiên và loài Người, ở xa hay ở gần!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng với tâm của ta, ta biết được tâm của các chúng sanh và loài Người. Tâm có tham, ta biết tâm có tham. Tâm không tham, ta biết tâm không tham. Tâm có sân, ta biết tâm có sân. Tâm không sân, ta biết tâm không sân. Tâm có si, ta biết tâm có si. Tâm không si, ta biết tâm không si. Tâm chuyên chú, ta biết tâm chuyên chú. Tâm tán loạn, ta biết tâm tán loạn. Tâm đại hành, ta biết tâm đại hành. Tâm không đại hành, ta biết tâm không đại hành. Tâm chưa vô thượng, ta biết tâm chưa vô thượng. Tâm vô thượng, ta biết tâm vô thượng. Tâm Thiên định, ta biết tâm Thiên định. Tâm không Thiên định, ta biết tâm không Thiên định. Tâm giải thoát, ta biết tâm giải thoát. Tâm không giải thoát, ta biết tâm không giải thoát!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng ta nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành

kiếp, nhiều hoại và thành kiếp, ta nhớ rằng: “Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, thọ mạng đến mức như thế này, Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, thọ mạng đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... các trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Mong rằng với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, ta thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của chúng. Các Tôn giả, chúng sanh nào làm những ác hạnh về thân, về lời và về ý, phi báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn các Tôn giả, chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, về lời và về ý, không phi báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này. Như vậy, ta với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh, ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật... trú xứ không tịnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo có ước nguyện: “Với sự diệt trừ các lậu hoặc, sau khi tự tri tự chứng, ta chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát không có lậu hoặc!”, Tỷ-kheo ấy phải thành tựu viên mãn giới luật, kiên trì, nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn Thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trú xứ không tịnh”.

Vài nơi trong kinh tạng Pàli², Đức Phật dùng hình ảnh con gà mái kiên trì ấp trứng để lưu nhắc các Tỷ-kheo chuyên tâm trong vấn đề thực hành đạo lý giải thoát. Vì chỉ có thái độ kiên trì tu tập và thực hành đạo lý giải thoát mới giúp cho người xuất gia thành tựu sở nguyện tự độ và độ tha. Người xuất gia có thể khởi lên các mong ước chính đáng nhưng phải chuyên tâm tu tập giáo lý giới-định-tuệ thì mọi ước nguyện mới thành tựu. Tựa như con gà mái thường xuyên ấp nằm, ấp nóng, ấp dưỡng các quả trứng một cách kiên trì và đúng đắn thì đến lúc các con gà con sẽ tự phá vỡ vỏ trứng và thoát ra ngoài một cách an toàn, dù cho nó có khởi ý muốn, mong các chú gà con sẽ nở ra an toàn hay không.

Chú thích:

1. Kinh Ước nguyện, Trung Bộ.
2. Kinh Tâm hoang vu, Kinh Hữu học, Trung Bộ; Kinh Sự tu tập, Tăng Chi Bộ. ■



Ông chủ Facebook

“hành Bồ-tát hạnh”

THÍCH TÂM HẠNH

Tỷ phú trẻ nhất nước Mỹ, Mark Zuckerberg, cam kết tham gia và hiến phần lớn tài sản của mình cho sự nghiệp từ thiện. Chàng trai chủ nhân của mạng xã hội Facebook 26 tuổi này đã làm cả thế giới chú ý tới không chỉ vì trí tuệ và tài năng trẻ phục vụ số đông của anh, mà anh còn là hiện tượng của sự dẫn thân vào những công việc khó làm – hiến tài sản làm từ thiện – ở độ tuổi và sự nghiệp đang phát. Phật giáo xem sự dẫn thân như thế là Bồ-tát hạnh, là công hạnh vì lý tưởng lợi tha của người Phật tử Đại thừa. Từ góc nhìn một Phật giáo phi hình thức, người Phật tử có thể thấy được vai trò đích thực của tư tưởng Phật giáo không nằm ở tôn giáo, mà nằm ở hành động. Thông qua nhân vật Zuckerberg, người ta có thể làm sáng tỏ tư tưởng này của Phật giáo.

Việc nói rằng tỷ phú Zuckerberg “phát Bồ-đề tâm, hành Bồ-tát hạnh” nghe ra có vẻ khó chấp nhận đối với người Phật tử, bởi những khái niệm này vừa là thuật ngữ vừa là lý tưởng của Phật giáo Đại thừa lại được gán cho một chàng trai người Mỹ gốc Do Thái. Nhưng kỳ thật, ‘Bồ-đề tâm’ cũng như ‘Bồ-tát hạnh’ không mang một ý nghĩa tín ngưỡng tôn giáo gì cả. Nó biểu đạt một lối sống của người đi tìm kiếm hạnh phúc thông qua sự nghiệp tạo dựng hạnh phúc cho người khác.

Bồ-đề tâm phát xuất từ chữ ‘*bodhicitta*’, là một thuật ngữ của Phật giáo Đại thừa. ‘Bồ-đề’ là phiên âm của chữ ‘*bodhi*’ (Pali/Sanskrit), nghĩa là ‘giác’, ‘giác ngộ’, ‘tuệ giác’, tức là hiểu biết các pháp một cách rốt ráo, không có chấp thủ. Bodhi là quả vị giác ngộ tối thượng mà Đức Phật đã chứng đắc dưới gốc cây Assattha mà sau đó cây này được gọi là



cây Bodhi (Bồ-đề). Bồ-đề tâm (*bodhicitta*) do đó có thể được hiểu là tâm giác ngộ. Đối với chư Phật, nó là thực tại; còn đối với chúng sanh, nó cần phải được phát huy, cho nên được gọi là 'phát tâm Bồ-đề'. Người phát tâm Bồ-đề cần hiểu rõ rằng Bồ-đề sẵn có trong mỗi chúng sanh và sẽ hiện rõ khi màn vô minh được vén lên. Điều này nói đến tánh giác trong mỗi chúng sanh. Trong văn học Phật giáo Nguyên thủy (Pali), từ tương đương của Bồ-đề tâm có lẽ là '*pabhassara citta*', nghĩa là 'tâm sáng chói'. *Kinh Tăng Chi* chép: "Tâm này, này các Tỷ-kheo, là sáng chói, nhưng bị ô nhiễm bởi các cấu uế từ ngoài vào" (*A.i, 9*). Như vậy, phát tâm Bồ-đề có thể được hiểu là hướng tâm đến sự thanh tịnh sáng chói vốn có (của tâm), và cũng tức là hướng tâm đến sự giác ngộ Bồ-đề (*bodhi*).

Với ý nghĩa Bồ-đề như vậy thì tỷ phú Zuckerberg phát Bồ-đề tâm như thế nào? Trước hết chúng ta cần xác định rằng Phật giáo chỉ quan tâm đến con người và tâm người, mà không có một sự phân biệt nào liên quan đến giai cấp, sắc tộc, tôn giáo, v.v. Và lý thuyết về nghiệp (*karma*) được xem là chủ trương của Phật giáo có mục đích làm thanh tịnh ba nghiệp thân, khẩu, ý (việc làm, lời nói, ý nghĩ). Đây là con đường đưa đến sự đoạn tận tham, sân, si, thành tựu quả vị Bồ-đề. Nói cách khác, quả vị Bồ-đề có thể chứng đắc nếu hành trì đúng pháp (tức là làm thanh tịnh ba nghiệp, đoạn tận tham, sân, si), mà không tùy thuộc vào một quan điểm hay danh xưng nào. *Trung Bộ kinh*, số 126, nói rằng "dù có nguyện vọng hay không, việc hành trì Phạm hạnh một cách chánh đáng thời đạt được quả vị". Theo chủ trương đó, hành động của tỷ phú Zuckerberg cũng có thể không ngoại lệ, và có lẽ anh đang đi trên đạo lộ ấy.

Như đã nói, chướng ngại của Bồ-đề chính là vô minh và các cấu uế từ bên ngoài vào, được hiển thị qua thân, khẩu, ý. Và Zuckerberg dường như đang thăng hoa cuộc sống khi từng bước vén màn vô minh và buông bỏ các cấu uế ngoại lai ngang qua những việc làm của mình. Quả thực, mức độ hạnh phúc hay khổ đau của con người tùy thuộc ít hay nhiều vô minh và cấu uế ngoại lai ấy¹. Càng ít vô minh chướng ngại, hay nói khác đi, trí tuệ càng nhiều chướng ngại, thì người ta càng dễ dàng buông bỏ những cấu uế ngoại lai chướng ngại, và ngược lại.

Có thể Zuckerberg không hề biết hay nghĩ đến danh xưng 'Bồ-đề' hay 'chánh giác' gì cả, nhưng những thăng hoa hạnh phúc trên đạo lộ buông bỏ của anh (mà người Phật tử gọi là đạo lộ đưa đến Bồ-đề) thì không thể phủ nhận. Việc Zuckerberg dẫn thân làm từ thiện là một biểu hiện của sự buông bỏ như thế, và đặc biệt là tìm thấy hạnh phúc thông qua việc xây dựng hạnh phúc cho người khác. Như vậy là anh đã phát Bồ-đề tâm và hành Bồ-tát hạnh (nói theo ngôn ngữ Phật học) trong ý nghĩa đích thực của nó mà không cần một danh xưng nào hết. Tuy nhiên, con đường đạt đến đích Bồ-đề theo Phật giáo Đại thừa là một hành trình dài, đòi hỏi một tâm vị tha và kiên định, những yếu tố mà hiện tại ít nhiều anh đang có.

Khái niệm "Bồ-tát hạnh" có nguồn gốc từ văn học Phật giáo Nguyên thủy, được minh họa rõ nét nhất qua tập *Bổn Sanh (Jātaka – Chuyện Tiền thân Đức Phật)*. "Bồ-tát" trong thời kỳ văn học này là danh xưng được sử dụng để chỉ cho Đức Phật trong nhiều kiếp trước, "khi Ngài chưa thành Phật, còn là Bồ-tát". Qua đó, Bồ-tát được thấy đã sống trong nhiều kiếp dưới nhiều hình thức khác nhau, không chỉ làm người mà còn làm chim, làm thú... Điều đáng quan tâm là, dù ở trong sanh loại nào, Ngài đều thể hiện một tính cách thông minh, năng động và sáng tạo trong cách ứng xử để bảo vệ chân lý và lợi ích cho số đông. Có nhiều mẫu chuyện cho thấy Ngài đã hy sinh thân mạng của mình vì sự bình an và hạnh phúc của đồng loại. Tất cả những việc làm này của Ngài được gọi là "Bồ-tát hạnh" có đủ trí tuệ và từ bi, và là tấm gương đạo đức gần gũi với con người. Khái niệm "Bồ-đề tâm" chưa xuất hiện trong thời kỳ văn học này.

Trong Phật giáo của thời kỳ sau, Bồ-tát hạnh được ứng dụng một cách linh hoạt như là tư tưởng quan trọng của Đại thừa. Người Phật tử Đại thừa hành Bồ-tát hạnh dường như muốn noi theo những việc làm mà chính Đức Phật đã làm khi Ngài còn là Bồ-tát, chứ không phải noi theo những giáo pháp được Ngài thuyết giảng sau khi Ngài thành Phật. Họ nhận thức rằng Đức Phật đã từng luân chuyển trong thế giới luân hồi như bao nhiêu chúng sanh khác, nhưng nhờ những công hạnh như thế Ngài mới chứng được quả vị Bồ-đề. Trên cơ sở đó, ai cũng có khả năng thành tựu Bồ-đề nếu họ thực hành Bồ-tát hạnh như Ngài. Người Phật tử Đại thừa hành Bồ-tát hạnh luôn luôn tâm niệm như vậy.

Tuy Bồ-đề là lý tưởng, là đích đến của Bồ-tát hạnh, nhưng trên thực tế, chỉ có hành động mới thật sự được quan tâm và là nội dung chứa đựng hai đặc tính của Bồ-tát hạnh, đó là từ bi và trí tuệ. Những đặc tính này không phải không có trong Zuckerberg.

Với quan điểm hành động như thế, việc Zuckerberg hành Bồ-tát hạnh là điều có thể nhận thức được. Nếu Bồ-tát hạnh được thực thi chỉ vì mục đích thiết thực là cứu khổ, ban vui mà không vì một học thuyết hay giáo lý nào từ kinh điển, thì Bồ-tát hạnh chính là những hình

thái tử thiện chân chính được thấy trong thế giới chúng ta, và nó không bị hạn cuộc trong một học thuyết tôn giáo nào. Mặc dù lòng trắc ẩn và tình người là động cơ ban đầu cho hành động của họ, nó có thể dần dần trở thành một lý tưởng nếu được un đúc và tích tập lâu dài. Quả thật, có người đã quên mình hay hy sinh mình để giúp người khác. Lý tưởng như thế có thể chẳng đang ở trong một mức độ nào đó của Bồ-đề tâm mà một Phật tử hành Bồ-tát hạnh đang thực hành? Chúng ta cần đặt qua một bên các quan điểm tín ngưỡng để nhận ra những giá trị đích thực của việc giúp đời cứu người mà Zuckerberg và nhiều người khác đã dẫn thân.

Sống trên đời, dù trong hình thức nào, ai cũng mong cầu và tìm kiếm hạnh phúc. Nhưng vì quan niệm về hạnh phúc không giống nhau nên con người có những khuynh hướng tìm cầu hạnh phúc khác nhau: hoặc vật chất, hoặc tinh thần, hoặc cả hai. Tuy nhiên, do hạnh phúc là một trạng thái thuộc tâm hay tâm lý, nên khó có một định nghĩa hạnh phúc thỏa đáng. Phật giáo không trực tiếp định nghĩa hạnh phúc, mà chỉ xác định rằng khi nào không có khổ thì khi đó có hạnh phúc. Đó là lý do Phật giáo nhằm chỉ ra sự thật khổ mà con người đối diện, rồi chỉ ra nguyên nhân của nó để đoạn trừ. Nguyên nhân của khổ được nói chính là “tham ái”, đưa đến chấp thủ: cái này ‘là của tôi’, ‘là tôi’, ‘là tự ngã của tôi’. Để đoạn trừ tham ái và chấp thủ ấy, phương pháp thường được Phật giáo Đại thừa nhiệt tình khích lệ là hãy sống buông bỏ vì hạnh phúc của người khác, hãy hy sinh lợi ích của riêng mình cho đến chỗ vô ngã (chỉ còn hành động hy sinh mà không thấy có mình trong đó). Phật giáo Nguyên thủy cũng cho rằng làm lợi ích cho mình là làm lợi ích cho người khác, và ngược lại. *Kinh Tương Ứng (S.v,168)* dạy: “Trong khi hộ trì cho mình, này các Tỷ-kheo, là hộ trì người khác. Trong khi hộ trì người khác, là hộ trì cho mình”. Phật giáo cho rằng không có một cái gì tồn tại độc lập trong cái thế giới duyên sinh này.

Hạnh phúc thực chất là tất cả những gì trong thế giới xung quanh ta. Một nỗi buồn nào đó bỗng nhiên ập đến khiến cho tất cả những niềm vui đang có vụt biến mất.

Giàu có thôi vẫn không đem lại hạnh phúc. Liệu tầng lớp giàu có ở Trung Quốc có an lòng không khi đối diện với thống kê rằng người dân Trung Quốc không kính trọng họ? Theo Lu Xueyi, nhà nghiên cứu của Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc, các nhà triệu phú nước này có “cảm giác bất an” là “do xu hướng của xã hội vừa ghét vừa ghen tị với những người giàu”. Đây thật ra chỉ là đánh giá bề ngoài. Vấn đề căn để là ở chỗ “Họ có chánh mạng không (cách làm giàu)?” và “Họ có lòng trắc ẩn đối với tầng lớp nghèo khổ không?”. Nói cách khác, trong mắt người dân, cách làm giàu và cách sử dụng đồng tiền của họ là không đáng được kính trọng. Thật là không ổn khi tìm thấy hạnh phúc của mình trên khổ đau của người khác. Nếu họ có hạnh phúc thì ắt hẳn đó là những thứ hạnh phúc vị kỷ, đề tiện và

tạm bợ; còn sự bất an thì lại quá rõ ràng khi họ luôn mang trong mình tâm trạng rằng thế giới xung quanh đang rình rập. Tự đặt mình biệt lập với con người và thế giới xung quanh, người ta càng cảm thấy hoang hốt và bi thảm khi kết thúc cuộc đời bằng nhận thức rằng tất cả (những gì ‘của tôi’, ‘là tôi’) đều trở thành của ‘thiên hạ’. Sống một cuộc sống bất an thì chết cũng chẳng lành.

Zuckerberg đã làm giàu bằng chính công sức và trí tuệ của anh (chánh mạng), đồng thời sẵn sàng mở lòng san sẻ những gì anh có cho người khác. Cả hai mặt, anh đều đáng được tôn kính.

Anh hẳn đã hơn người trong việc tìm cầu hạnh phúc. Hạnh phúc của anh không dừng lại ở sự giàu sang và hưởng thụ; hạnh phúc của anh không dừng lại ở tuổi trẻ tài cao; hạnh phúc của anh không dừng lại ở đứa con cưng Facebook; hạnh phúc của anh không dừng lại ở danh tiếng trọng vọng; và có lẽ hạnh phúc của anh cũng không dừng lại ở công tác từ thiện. Nhưng anh có tất cả. Và tất cả đã tạo ra cho anh một hạnh phúc bao la, không biên giới.

Có lẽ đối với anh thế giới này là một thực thể duyên sinh nên anh đã và đang tìm cách kết nối thành một mối tương quan sinh tồn, điển hình được thấy qua mạng xã hội Facebook mà anh làm chủ, cũng như qua công tác từ thiện mà anh đã dẫn thân. Nếu nhìn được như vậy, anh đúng là đang thực hành Bồ-tát hạnh, và lấy con người và thế giới này làm môi trường tốt để nuôi dưỡng cho mình một hạnh phúc cao cả.

Không phải vô cớ mà chàng trai 26 tuổi Zuckerberg được tạp chí *Time* (Mỹ) ưu tiên dành cho danh hiệu “Nhân vật của năm 2010” dù tên tuổi của anh được truy cập trên xa lộ thông tin online thua xa Julian Assange, chủ trang Wikileaks, người đã làm xáo trộn ngoại giao quốc tế. Điều này cho thấy cái thiện được tôn vinh. Đáng nói là danh hiệu đó của anh được hầu hết cư dân mạng tán đồng và hết lòng ngưỡng mộ. Hạnh phúc chân thật đang chào đón những ai sống với tâm từ bi và trí tuệ như ông chủ Facebook này.

Chú thích:

1. Cấu uế ngoại lai là những pháp sanh khởi do sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) tiếp xúc với sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) đưa đến những cảm thọ vui - buồn, lạc - khổ, ưa - ghét, v.v. Những pháp ấy hoặc bị tham đắm hoặc bị ghét bỏ do được ưa thích hoặc không được ưa thích; hay nói cách khác chúng là điều kiện làm phát khởi tham, sân, si. Con người do vậy trở thành bị trói buộc và vẫn quanh các cảm thọ vị kỷ và các chấp thủ cá nhân. Những pháp như thế do duyên từ bên ngoài mà có, nên chúng được gọi là những cấu uế từ ngoài vào. Việc buông bỏ bất kỳ những gì ‘mình có’ chính là buông bỏ cấu uế từ ngoài vào, và đó là con đường đưa đến chứng đắc Bồ-đề. Buông bỏ tỷ lệ nghịch với trói buộc và tỷ lệ thuận với thăng hoa hạnh phúc. ■



Không làm hại

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Ngay khi chúng ta khởi lên ý tưởng “không làm hại” và duy trì được nó trong cuộc sống, ngay khi đó, chúng ta có tình thương, bình an và hạnh phúc.

Không làm hại là một cột trụ chính yếu của đạo Phật. Đến độ nếu sự không làm hại biến mất trong thế giới này thì chúng ta cũng có thể kết luận rằng đạo Phật đã biến mất. Ngày nay với sự phổ biến của đạo Phật trên khắp thế giới, chúng ta thấy thái độ “không làm hại” cũng phổ biến.

Ngược lại, nếu xã hội nào có nhiều người làm hại và nhiều người bị làm hại, cho đến nặng nhất là giết hại, chúng ta biết rằng xã hội đó chưa thấm nhuần đạo Phật đủ sâu, đạo Phật chỉ ở trên bề mặt của một vài lĩnh vực của xã hội đó.

Chỉ lấy riêng kinh *Pháp Cú*, chúng ta đã thấy rất nhiều câu kệ nói đến sự không làm hại:

Ai cũng sợ gây gộc - Tất cả đều sợ chết - Lấy ta suy ra người - Chớ giết, chớ bảo giết.

Ai cũng sợ gây gộc - Ai cũng quý sự sống - Lấy ta suy ra người - Chớ giết, chớ bảo giết. (phẩm *Gây gộc*)

Người hiền không hại ai - Thân thường được chế ngự

- Đạt trạng thái bất tử - Đến chỗ không ưu sầu. (phẩm *Sân hận*)

Gây tổn hại chúng sanh - Không phải bậc cao quý - Không hại mọi hữu tình - Mới được gọi cao quý. (phẩm *Chánh hạnh*)

Kinh Tương Ưng Bộ, chương III, phẩm *Hoàng hậu Mallika*, Đức Phật nói:

Tâm ta đi cùng khắp - Tất cả mọi phương trời - Cũng không tìm thấy được - Ai thân hơn tự ngã

Đối mọi người, tự ngã - Thân quý hơn tất cả - Vay ai yêu tự ngã - Chớ hại tự ngã người.

Ở đây chúng ta không nói đến định luật nhân quả: khi thân tâm chúng ta phát ra một lực dù tốt dù xấu, thì không sớm thì muộn, lực ấy sẽ còn đó, phản động vào thân tâm chúng ta. Giống như định luật bảo toàn năng lượng của vật lý học vậy. Với định luật nhân quả này, đạo Phật không cầu viện đến một Thượng đế thưởng phạt.

Chúng ta thấy “không làm hại” là nguyên tắc vàng của mọi nền văn hóa, mọi tôn giáo (Phật giáo, Khổng giáo, Lão giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo...). Nguyên tắc vàng ấy có thể diễn tả đơn giản là: “Cái gì mình không muốn, chớ làm cho người”.



Đạo Phật thì áp dụng sâu rộng nhất, có cơ sở lý luận vững chắc nhất. Nó áp dụng cho toàn bộ mọi loài có sự sống, kể cả thực vật, thậm chí cho đến loài không có sự sống (không làm hư hoại thiên nhiên một cách khinh suất, vô cớ). Ngày nay, chúng ta đều biết ngành sinh thái học hiện đại mới có từ nửa cuối thế kỷ 20; trong khi đó, như vậy thì quan điểm bảo vệ môi sinh đã xuất hiện trong đời sống Phật giáo ngay từ thuở ban đầu. Với đạo Phật, nguyên tắc vàng này không chỉ là một lời khuyên hay lời răn đe, mà nó chính là đời sống đích thực của con người. Đời sống đích thực, chân chánh của con người là Tám Chánh Đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Để nguyên tắc vàng ấy trở thành hiện thực, tất cả mọi mặt của đời sống Phật giáo đều được huy động: giới, định, huệ, nhận thức luận, bản thể luận, tâm lý học, luận lý học... và mọi khoa học của đời sống hiện đại mà Phật giáo gọi là Ngũ minh.

Ngay khi và trong khi có ý nghĩ “không làm hại”, khi ấy có hiểu biết, tình thương và an vui; vì khi ấy toàn bộ Phật pháp được huy động. Mà toàn bộ Phật pháp được sử dụng thì chúng ta càng thấm nhập, càng đi sâu vào Phật giáo. Suốt cả ngày chúng ta phải sống bằng thân, khẩu, ý, thế nên, khi thân khẩu ý không làm hại, thì suốt ngày chúng ta có hiểu biết, tình thương và hạnh phúc... tức là những nội dung của Phật pháp.

Chỉ giữ ý nghĩ không làm hại một giờ thôi, chúng ta sẽ thấy một giờ ấy được chuyển hóa thành bình an và hạnh phúc, thậm chí bình an và hạnh phúc không thể nghĩ bàn. Khi bước đi, chúng ta ý thức, “tôi không muốn dẫm đạp một côn trùng nào, tôi cầu mong cho chúng được an ổn hạnh phúc. Khi dắt xe ra, “tôi không muốn

cán chết một côn trùng nào, tôi không muốn làm cho ai bị tổn hại, tôi cầu mong cho mọi chúng sanh được an ổn và hạnh phúc”. Khi nhìn một cái cây, “tôi không muốn chặt một cành nào của nó, không muốn những tổ chim, những tổ kiến... trên đó phải rớt xuống, tôi muốn mọi thứ được an ổn và hạnh phúc”. Khi nhìn một người nào, “tôi mong muốn cho bạn không gặp khổ đau, được an ổn và hạnh phúc”. Khi nhìn sự vật gì, “tôi không muốn làm hư hại nó, cầu mong cho nó được an ổn và hạnh phúc”... Cứ như thế, chỉ trong một giờ, chúng ta trực tiếp thể nghiệm tình thương là cái gì, lòng từ là cái gì. Chúng ta sẽ biết Bồ-tát Quán Thế Âm nhìn cuộc đời như thế nào, và hạnh phúc như thế nào khi nhìn cuộc đời như vậy. Kinh *Pháp Hoa*, phẩm *Phổ môn* nói về Bồ-tát Quán Thế Âm: “Mắt từ nhìn chúng sanh” (Từ nhãn thị chúng sanh).

Khi ấy chúng ta mới biết bình an và hạnh phúc là điều dễ dàng. Chỉ vì cả ngày mình phản bội bình an và hạnh phúc, chống đối, trái nghịch với bình an và hạnh phúc. Bằng cách chỉ nghĩ đến mình để thành cái hại cho người. Chỉ nghĩ đến mình là đã vô tình gây tổn hại cho người khác, cho sự vật, cho thiên nhiên. Huống gì là cứ nuôi dưỡng một tâm làm hại.

Khi đó, chúng ta biết thế nào là xây dựng Tịnh độ cho ta và cho người ở trên cõi đời này: đó là một xã hội không còn bị thống trị bởi ác ma ‘làm hại’ nữa.

Ngược lại với làm hại là làm lợi. Nếu sự làm hại là không cùng vì có thể xảy ra bất cứ lúc nào và nơi nào và tạo ra khổ đau không cùng của chính mình và xã hội thì sự làm lợi cũng không cùng vì có thể làm bất cứ lúc nào và nơi nào và tạo ra hạnh phúc không cùng cho chính mình và xã hội. ■



Mười mùa thu trôi qua...

THÍCH NGUYỄN THÀNH

Trung thu năm nay, Tân Mão 2011 là mùa Trung thu thứ 10 kể từ khi Hòa thượng *thượng* Thiện *hạ* Siêu viên tịch. Mười năm qua vẫn phảng phất hình bóng Ôn tại những khoảnh đất Đạo và trong lòng chư Tăng Ni, Phật tử xứ Huế cũng như nhiều nơi khác trong nước. Di ảnh của Ôn được lưu giữ ở nhiều nơi như Tổ đình Từ Đàm, Tổ đình Thiên Tôn, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế, và nhiều chùa, nhiều tư gia khác...

Gần bảy thập niên sinh hoạt ở thiền môn, Ôn đã là một Tăng sinh xuất sắc, là vị Thầy cao cả, bậc Đại sư trí tuệ và đạo hạnh tuyệt vời, nhà giáo dục mẫu mực, nhà nghiên cứu và dịch thuật kinh điển Phật giáo lỗi lạc... của Phật giáo Việt Nam thời hiện đại. Nhưng nổi bật hơn hết, Ôn là một con người hiền hòa, từ ái, tràn đầy sức cảm hóa mọi người.

Gần mười năm học tập từ Sơ, Trung, Cao đẳng Phật học, Ôn tốt nghiệp hạng ưu Đại học Phật giáo, rồi sớm trở thành vị giảng sư nổi tiếng tại các trường Phật học cũng như tại các giảng đường khác. Sau đó, song song với việc giáo dục Tăng Ni, giáo hóa đồ chúng, Ôn lần lượt được đề cử nhiều chức vụ quan trọng như Trú trì Tổ đình Từ Đàm, Chánh Hội trưởng Tỉnh hội Phật giáo Thừa Thiên, Đốc giáo Phật học đường Trung Việt, Phó

Đại diện Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất miền Vạn Hạnh, Viện trưởng Viện Cao đẳng Phật học Hải Đức, Trú trì Tổ đình Thiên Tôn Huế, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học, Phó Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Đại biểu Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế.

Dù bận bịu nhiều Phật sự, Ôn vẫn luôn đảm nhiệm hai phần việc chính kéo dài liên tục là giảng dạy Phật pháp và nghiên cứu, biên khảo, dịch thuật kinh điển Phật giáo. Các tác phẩm đã xuất bản của Ôn gồm hơn 20 tập, trong đó có những tập dày nhiều ngàn trang và phải mất năm bảy năm mới hoàn tất như *Trí Đức Văn Lục*, *Đại Trí Độ Luận*... Ngoài ra, Ôn còn là cây bút chủ đạo của nhiều tạp chí Phật giáo như *Viên Âm*, *Phật giáo Việt Nam*, *Liên Hoa*, *Giác Ngộ*, *Tập Văn*...

Suốt gần bảy mươi năm, Ôn không hề ngưng nghỉ các Phật sự: biên soạn sách vở, giáo dục đồ chúng, thuyết giảng cho Tăng Ni, Phật tử, lãnh đạo Giáo hội, chuyên trách ngành Giáo dục Tăng Ni... Ôn vẫn giữ nếp sống bình dị, thiền định trong tứ oai nghi, tụng kinh lễ Phật đều đặn các thời khóa hàng ngày.



Cố Đại lão Hòa thượng Thích Thiện Siêu

Năm 1995, sau lần cùng Hòa thượng Thích Minh Châu dẫn phái đoàn chư Tăng và Phật tử Việt Nam lần đầu tiên sau ngày đất nước thống nhất xuất ngoại chiêm bái Phật tích tại Ấn Độ, khi trở về Ôn rất hoan hỷ và bảo rằng ước nguyện ấp ủ bấy lâu của Ôn đã thành hiện thực. Trong những năm cuối thập niên 90 của thế kỷ XX, Ôn thường bảo với đồ chúng rằng Ôn mong ba điều sẽ hoàn mãn là đại trùng tu Tổ đình Thiên Tôn, thành lập Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế và hoàn tất bản Việt dịch *Đại Trí Độ Luận* của Ngài Long Thọ qua bản Hán dịch của Ngài Cưu-ma-la-thập. Cả ba điều này đều đã trở thành hiện thực trước khi Ôn viên tịch. Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế được khánh thành và khai giảng khóa I vào năm 1997 và năm 2001 Ôn chủ tọa Lễ Tốt nghiệp và trao văn bằng cử nhân Phật học cho Tăng Ni sinh; 5 tập Việt dịch *Đại Trí Độ Luận* được xuất bản vào tháng 2 năm 2001 và việc đại trùng tu Tổ đình Thiên Tôn hoàn tất vào tháng 3 năm ấy. Bảy tháng sau, ngày 3/10/2001, tức ngày 17/8/Tân Tỵ thì Ôn nhẹ gót về Tây. Thế là mọi Phật sự lớn nhỏ của Ôn đã được thành tựu viên mãn.

Ôn ra đi đã mười mùa thu, để lại nhục thân yên nghỉ trong ngôi bảo tháp ở thôn Ngũ Tây, xã Thủy An, bên cạnh tháp Tổ sư Liễu Quán mà Ôn đã tôn tạo từ năm trước. Cả hai ngôi tháp đều ở gần Tổ đình Thiên Tôn,

thuộc vùng núi Thiên Thai, im ắng với rừng thông, với đất trời chốn linh địa.

Hôm nay nhân sắp xếp lại mấy chồng sách báo, tôi tình cờ thấy được di ảnh của Ôn đang đứng dưới cội bồ đề trong sân chùa Từ Đàm được đăng trên ảnh bìa của *Tập Văn* số 16 năm 1990. Dáng Ôn uy nghi với bộ đại y, nét mặt thanh thần, hiền hòa. Cội bồ đề có thân to lớn, cành vươn mạnh mẽ, lá tỏa sum suê. Tôi liên tưởng đến trí tuệ và từ tâm của Ôn, đến công lao xây dựng và phát triển đạo Phật, giáo hóa Tăng Ni Phật tử Việt Nam trong nhiều thập kỷ qua và còn ảnh hưởng đến các thế hệ mai sau. Tầm ảnh bìa ấy đã khiến lòng tôi lắng xuống, tôi trầm tư, tưởng niệm đến Ôn, bậc Trưởng lão Hòa thượng, đấng Tông tượng của Phật giáo Việt Nam. Thế rồi sau đó, nghĩ đến ngày giỗ thứ mười của Ôn sắp đến, tôi lên tháp Ôn dâng nén tâm hương.

Trong khuôn viên bảo tháp, thấy mình lòng thanh thần và tưởng như nhận được nguồn cảm ứng thiêng liêng, tôi nhớ đến câu trong phẩm Phương Tiện của kinh *Pháp Hoa* mà Ôn giảng dạy: “Nếu người có tâm tán loạn, đi vào trong tháp miếu Phật, xưng một tiếng Nam mô Phật, thì đều sẽ thành Phật đạo”. Tôi thầm nói trong lòng: “Trước tháp Ôn, con đê đầu đánh lễ, tưởng niệm Ôn, kính xin Ôn gia hộ cho con vững bước trên lộ trình giải thoát của chư Phật”. ■



Ai mà tin được

TẤN NGHĨA

Câu chuyện tiền thân Macch-Uddana (Jataka III, 288) kể lại về một loạt những sự kiện liên quan tới việc cúng dường cho các vị thần. Chuyện kể rằng:

Ngày xưa, khi Bramadatta là vua xứ Benares, Bồ-tát sinh ra trong một gia đình điền chủ. Lớn lên, Bồ-tát trở thành một người giàu có. Ngài có một người em trai. Chẳng bao lâu sau cha họ mất. Hai anh em quyết định sắp đặt công việc của cha. Điều đó đưa họ đến một ngôi làng, nơi đây họ được trả một ngàn đồng.

Theo thuyết nhân quả, sự giàu có của Bồ-tát và người em là kết quả của việc nuôi dưỡng tâm chia sẻ bố thí trong những đời sống trước. Do đó, khi sinh ra họ đã giàu có. Nếu theo các quan niệm thông thường thì con người ta “không chọn cửa để mà sinh ra”. Theo quan niệm ấy, Bồ-tát và người em “gặp may”. Những người sinh ra nghèo khổ, tay chân không lành lặn là “gặp rủi”. Và, điều đó là “bất công xã hội” hay “bất công của ông trời”. Tuy nhiên, theo Phật học, con người ta đã “tự chọn cửa sinh ra” bằng lối sống của mình trong quá khứ.

Có nhiều người, ngay cả những Phật tử, cũng băn khoăn hỏi “sao người ấy ăn ở hiền lành mà lại gặp toàn chuyện xui, còn người kia ăn ở dữ ác mà lại gặp toàn chuyện hên”. Theo Phật học, “người ấy” ngày xưa ăn ở dữ ác mới gặp xui rủi ngày nay. Còn cái “ăn ở hiền lành” ngày nay của “người ấy” thì sẽ được kết quả tốt trong

tương lai. Còn “người kia” ngày xưa ăn ở hiền lành mới gặp “hên” ngày nay. Còn cái “ăn ở dữ ác” ngày nay của “người kia” thì sẽ dẫn tới kết quả xấu trong tương lai. Nếu bổ sung thời gian đầy đủ cho thắc mắc thông thường ấy, ta sẽ có một câu khá... kỳ lạ: “sao người ấy (ngày nay) ăn ở hiền lành mà lại gặp toàn chuyện xui (do hậu quả hồi xưa), còn người kia (ngày nay) ăn ở dữ ác mà lại gặp toàn chuyện hên (do hậu quả hồi xưa)”.

Trên đường về, trong lúc chờ thuyền bên sông, họ lấy cơm bới ra ăn. Bồ-tát ném phần thức ăn thừa xuống sông Hằng cho cá và hồi hướng công đức cho vị thần sông. Nữ thần sông Hằng rất vui lòng tiếp nhận vì điều ấy làm tăng thần lực của bà, và khi nghĩ đến việc được gia tăng năng lực, nữ thần thấy được sự việc đã xảy ra. Bấy giờ, Bồ-tát cởi áo ngoài trải trên cát rồi nằm xuống ngủ.

Ở nước ta, khi đến các đền, chùa, miếu, mọi người thường bố thí cúng dường để cầu tài, cầu tự... lại còn phải đến nơi đặc biệt và thường là phải đến vào một khoảng thời gian đặc biệt. Muốn cầu Bà Chúa Xứ phải lên núi Sam với lễ hội tháng Tư, muốn cầu Bà Chúa Liễu Hạnh phải ra đền Phủ Giầy với lễ hội tháng Ba. Đem cúng cũng phải có món đặc biệt. Tại đền Bà Chúa Xứ, người ta “mượn” con heo quay mang vào cúng; chỉ một lát sau, con heo quay đó lại được đưa ra ngoài cho người khác mượn. Con heo quay này có thể gọi là “đồ cúng luân lưu”.

Sự cúng dường của Bồ-tát rất khác. Địa điểm không đặc biệt, chỉ là chỗ bến đò. Thời gian không đặc biệt, vào lúc ăn trưa bình thường. Nghi thức không đặc biệt, vì chẳng có bần thờ, chẳng có hia mũ đặc biệt gì để mặc vào làm lễ. Thực ra Bồ-tát không cúng dường, ngài chỉ bố thí cho cá và hồi hướng công đức đến vị thần. Như vậy, Bồ-tát cúng dường công đức. Một điểm rất khác nữa của Bồ-tát là ngài... không cầu gì cả, không cầu tài, không cầu lộc, không cầu tự... Sự cúng dường này lại làm nữ thần sông Hằng vui lòng và... làm tăng năng lực cho thần. Đây cũng là một điểm rất khác. Các vị thần thường được dân gian xem là có năng lực hơn con người, cúng dường cho họ để họ vui lòng dùng năng lực ấy giúp mình, nghĩa là “thần giúp người” với ý nghĩa “thần cao hơn người”. Trong khi đó, câu chuyện này cho thấy, một con người với nếp sống tốt, làm nhiều công đức, vẫn có địa vị không kém gì các vị thần. Khi người đó cúng dường thì giúp gia tăng năng lực cho các vị thần, nghĩa là “người giúp thần” với ý nghĩa “người cũng có thể cao hơn thần”. Chuyện cũng cho thấy sự cúng dường có thể thực hiện ở bất cứ nơi đâu, chỉ cần với suy nghĩ thiện lành.

Người em có tính gian tham. Anh ta muốn lấy tiền của Bồ-tát mà giữ riêng cho mình. Thế là anh ta gói một gói đá trong giống như gói tiền rồi mang cả hai gói đi. Hai anh em lên thuyền. Khi ra giữa sông, người em làm bộ ngã vào mạn thuyền rồi cố ý để gói đá văng ra khỏi thuyền. Thực ra anh ta đã làm vì đó chính là gói tiền. Anh ta la lên: “Anh ơi! Gói tiền rơi mất rồi, làm sao đây?”. Bồ-tát trả lời: “Chúng ta biết làm sao được? Thôi việc gì đã qua thì cho qua luôn, đừng nghĩ tới nó nữa!”. Kể gian tham kia về nhà khoai chí về thủ đoạn gây ra cho anh mình, nhưng khi mở gói ra chỉ thấy có sỏi và đá mà thôi! Lòng héo hắt, anh ta ngã vật xuống giường, nằm ôm lấy ván!

Phản ứng của Bồ-tát trong trường hợp mắt của này cũng rất khác thường. Lê ra, tiền của phải được quản lý kỹ càng, không giao phó cho ai. Ở đây, Bồ-tát giao cho người em, rồi nằm ngủ... phè trên bờ sông. Tới lúc tiền rơi xuống nước, Ngài cũng không thấy đau xót. Nếu là tiền của người khác, phản ứng như vậy sẽ bị đánh giá là... vô tình, không có trái tim. Nếu là tiền của mình bị mất mà chẳng phản ứng gì cả thì dễ bị coi là... bất bình thường. Ngay cả một người theo Phật học thì cũng phải biết giữ gìn tài sản của mình để khỏi bị trộm cắp. Tuy nhiên, khi lỡ bị mất mát thì họ cũng không lấy làm buồn vì biết rằng tiền của chỉ là vật ngoại thân. Bồ-tát đã có thái độ như thế.

Nhưng vị thần sông nghĩ rằng mình đã nhận được sự cúng dường và được gia tăng năng lực nên bà quyết định giữ gìn của cải cho Bồ-tát. Do thần lực của bà, một con cá miệng rộng nuốt lấy gói tiền và gìn giữ cẩn thận. Bấy giờ, mấy ngư phủ quăng lưới. Do năng lực của vị thần sông, con cá kia rơi vào lưới. Các ngư phủ mang về phố bán với giá “một ngàn đồng bảy hào”. Ai cũng cợt nhạo: “Kia kia, con cá với giá một ngàn đồng”. Họ cười âm lên.

Giá “một ngàn đồng” thời đó chắc là lớn lắm. Chuyện không nói cho ta biết là các ngư phủ biết trong bụng con cá có “một ngàn đồng” hay không? Hay những người này không định bán con cá, chỉ muốn đùa chơi cho vui? Tất cả đều diễn ra theo nghiệp lực.

Các ngư phủ mang con cá đến cửa nhà Bồ-tát và hỏi ngài có mua cá không. Bồ-tát hỏi: “giá bao nhiêu đây?” Họ đáp: “Xin trả bảy hào để lấy cá”. “Các ông đòi những người khác bao nhiêu?”. “Nếu là những người khác thì chúng tôi đòi một ngàn đồng bảy hào. Nhưng với ngài, ngài chỉ phải trả bảy hào thôi”. Bồ-tát trả bảy hào để lấy cá, rồi giao cho người vợ. Người vợ mổ cá và thấy gói tiền! Bồ-tát được gọi lại, ngài nhìn vào, nhớ các dấu vết và biết đó là tiền của mình. Bồ-tát lấy làm lạ về sự việc này. Lúc ấy, vị thần sông bay lên ẩn mình trên không và nói: “Ta là thần sông Hằng đây. Người đã cho lũ cá ăn phân còn thừa và đã cúng dường ta, do đó mà ta giữ gìn của cải cho người”. Đoạn bà đọc đoạn thơ:

*Người cho lũ cá ăn
Cúng dường ta có phần
Ta ghi công đức ấy
Và đạo tâm vẹn toàn.*

Như vậy, nguyên nhân của câu chuyện lạ lùng là sự cúng dường cho nữ thần sông Hằng. Điều mà Bồ-tát không nghĩ tới khi cúng dường là sẽ được bảo vệ tài sản. Ngài cúng dường với tâm chia sẻ thành thật, và điều đó đã đem lại lợi ích cho nữ thần sông Hằng và cho bản thân ngài.

Thế rồi Thần kể lại thủ đoạn gian manh của người em. Bà còn nói thêm: “Hắn ta nằm kia, lòng héo đau sâu khổ. Chẳng có lợi lộc gì dành cho kẻ gian lận. Ta mang lại cho người sở hữu của riêng người, đừng để cho mất đi, đừng đem cho đứa em gian tham kia. Hãy giữ lấy cho mình”. Tuy nhiên Bồ-tát nói: “Không thể như thế được”. Và người liền gửi cho người em năm trăm đồng.

Thông thường, nếu Thần linh đã phán như thế nào thì con người sẽ tuân theo. Ở nước ta thời gian vừa qua, có những trường hợp các “vong” nhập vào một người rồi “phán” nhiều điều. Những người chứng kiến, kể cả những người duy vật, đều rất là tin và làm theo lời “phán” ấy. Các “vong” phán mà còn tin theo, hướng gì là một vị thần lớn như là thần sông Hằng. Bồ-tát đã không làm theo. Theo quan điểm thông thường thì Bồ-tát là người tốt bụng, thậm chí hơi... khờ khờ. Thần đã gợi ý, tiền người em làm mất. Vậy giữ hết quá là hợp lý! Tuy nhiên, Ngài đã làm theo nhân quả: làm điều tốt sẽ gặp điều tốt. Không cần phải nghe lời của nữ thần, nếu điều gì thấy tốt, đem lại lợi ích cho mình, cho người khác thì làm. Nếu điều gì xấu, đem lại hậu quả xấu cho mình, cho người khác thì không làm. Số tiền kia phần mình một nửa thì nhận đúng một nửa. Lấy quá phần của mình sẽ gây hại về sau. Người hành động theo nhận thức nhân quả khác rất nhiều với người hành động theo các quan niệm thông thường của xã hội. ■

Viết cho ba

TIỂU TRÚC

Lúc trước, mỗi khi nghe hai nhỏ em họ của mình kể về kỷ niệm tuổi thơ của chúng tôi vẫn thường gãi đầu, gãi tai “than thở”: “Chết rồi, sao chị chẳng nhớ gì tuổi thơ của mình hết?”. Hai đứa liến tròn xoe mắt nhìn tôi: “Thiệt hả chị?”, rồi một đứa ra vẻ hiểu biết: “Chắc tại tuổi thơ của chị bình yên quá, nên chẳng có dấu ấn gì để nhớ”. Tôi cũng chẳng biết tại sao, đành ậm ừ cho qua chuyện. Thật ra, nhiều khi tôi cũng muốn tìm cho mình một chiếc vé để trở về tuổi thơ nhưng “lực bất tòng tâm”, nên đành tự an ủi mình – Phật đã dạy rằng: “Quá khứ không truy tìm...”, thôi thì không nhớ cũng chẳng sao...

Và có lẽ, ký ức tuổi thơ của tôi sẽ cứ mãi ngủ yên ở đâu đấy, nếu như không có một ngày...

Tôi đang đi làm. Chuông điện thoại reo, số di động của ba hiện lên trong máy. Nhưng đầu dây bên kia không phải tiếng ba tôi. Lỗi tai tôi lúng búng: “Ba con bị ngắt ở trường...”. Cũng may, chỗ tôi làm cách trường ba dạy không xa. Tôi chạy bộ, mà thấy mình như đang lơ lửng ở đâu đấy.

Đường Sài Gòn xe cộ đông đúc, mặc cho tiếng còi xe cứu thương hú vang dội nhưng tốc độ chiếc xe vẫn không thể nhanh như tôi muốn. Thấy ba như gắng sức để thở, tôi sợ quá, cứ hỏi cô y tá: “Sao ba em thở mạnh dữ vậy chị? Có sao không chị?”. Tôi hỏi đến lần thứ ba, cô y tá không còn đủ kiên nhẫn để an ủi tôi nên trả lời cộc lốc: “Không thở được mới nguy”. Khi ấy, tôi mới giật mình: “Sao mình điên thế nhỉ?”.

Mẹ ở quê chưa xuống kịp. Một mình tôi trước phòng cấp cứu, hết đứng, lại ngồi... Trong lúc hoang mang và đầy lo sợ ấy, tôi lần tìm chiếc điện thoại trong giỏ xách, bấm số của Thầy, thì thào: “Thưa Thầy, xin Thầy cầu an dùm cho ba con”. Mặc dù, trước giờ, tôi thậm chí không “ủng hộ” việc cầu an, cầu siêu này lắm. Bởi tôi cho rằng, người bình – nước bình, không ai có thể làm cho mình an được, nếu như Tâm mình cứ bị dính mắc, không an. Nhưng giờ đây, đứng trước cái ranh giới mong manh của sự sống và cái chết của người thân, tôi chỉ còn biết đặt trọn niềm tin của mình vào Đấng từ bi.

Ba tỉnh lại. Bác sĩ bảo, không có gì nguy hiểm lắm, nhưng phải nằm lại vài ngày để theo dõi. Tôi thở phào nhẹ nhõm, mới hay chân mình vẫn còn chạm đất. Đêm ấy, ở lại trong bệnh viện với ba, nằm trên chiếc ghế bố ngoài hành lang, mặc dù rất mệt, nhưng sao tôi chẳng thể nào chợp mắt được. Bỗng dưng, tôi nhớ...

Ngày ấy, khi tôi còn nhỏ, có một lần đang chơi, không hiểu vì sao tự dưng tôi chui vào trong góc tủ gỗ im thin thít trong ấy mặc cho mọi người réo gọi, kiếm tìm. Khi gần như tuyệt vọng, ba tôi bèn ra sau hè, chỗ có cái giếng sâu, ông khóc, gọi to: “Con ơi, con ở đâu?” thì bấy giờ tôi lững thững từ trong tủ chui ra: “Ba ơi, con đây nè!”. Mọi người vỡ òa, nhẹ nhõm, bảo rằng, có lẽ tôi bị “ma giấu”. Còn ba, ông ôm tôi vào lòng, nghèn nghẹn: “Con làm ba sợ quá!”.

Ba mẹ chỉ có mình tôi nên ít khi dám cho tôi đi chơi đâu đó. Suốt ngày, tôi chỉ lẩn quẩn trong nhà. Tôi có một con nhỏ bạn thân duy nhất nhưng nhà nó cách nhà tôi một khoảng đất trống với những bụi cây cối rậm rạp. Cho nên, mỗi lần muốn nó sang chơi với tôi thì ba tôi phải đi đón nó sang bằng đường vòng; và những buổi tối, ông lại phải đốt đèn để đưa nó về; có khi trời mưa, ông còn phải cõng nó trên lưng... Nhưng ba vẫn không nề hà, miễn tôi vui là được rồi.

Tôi vào lớp một, mới tập đánh vần, ghép chữ nhưng ba đã háo hức mua



về cho tôi những quyển truyện, những tập thơ. Lúc ấy, tôi chẳng biết văn chương là gì, nhưng quyển sách nào ba cũng để lời tặng: “Tặng con gái yêu văn thơ của ba”. Cho đến bây giờ, tôi cũng chưa một lần hỏi ba xem vì sao ông lại ghi như vậy nhưng trong thâm lặng, tôi biết, ba muốn truyền tất cả tình yêu văn thơ của ông sang tôi – đứa con gái duy nhất mà ông mong rằng sau này sẽ nối nghiệp “đưa đờ” của ông. Chỉ tiếc là, cho đến bây giờ, tôi đã không thực hiện được ước mơ của ba một cách trọn vẹn bởi tôi mãi mê chạy theo những hoài bão của riêng mình.

Và những năm tháng ngồi dưới mái trường tiểu học, tôi đã được bạn bè đặt cho biệt danh là “Tiểu thư”. Bởi vì, mỗi khi tới phiên tôi trực nhật, ba đều vào trường để quét lớp cho tôi. Bị bạn bè chọc quá, tôi về nhà khóc, không chịu cho ba vào quét lớp cho tôi nữa. Ba cười, an ủi: “Để tuần sau, ba đi thiệt sớm vào quét cho con, khi ấy sẽ không ai nhìn thấy đâu”.

Niềm vui của ba là mỗi khi ba chấm bài cho học sinh mà có tôi ngồi kế bên, để ba đọc cho nghe những đoạn văn hay của các anh chị. Rồi một ngày kia, khi cầm xấp bài kiểm tra, ba đã “thất kinh” khi phát hiện tôi đã chấm “sạch sẽ” không sót bài nào. Mà bài nào cũng “10 Giỏi” hết trơn (!). Mẹ hăm he, ba cười trừ: “Chắc chắn lớn lên nó sẽ làm cô giáo đấy”.

Tôi có một đặc điểm rất giống ba nữa, đó là mê cải lương. Tuồng cải lương mà ba và tôi rất thích là tuồng “Kim Vân Kiều”. Nghe riết, đâm ra thuộc lòng. Một buổi tối cúp điện, cả nhà đang ngồi đờng trước hóng mát, tự dưng tôi đứng dậy ra điệu bộ giống hệt nữ nghệ sĩ thủ vai Kiều trong tuồng hát: “...Vâng, Kiều đây, Vương Thúy Kiều đây, nhưng Kiều hôm nay đã là đệ tử của nhà chùa. Ngần ngủi một năm thôi mà trời đất đã có đến bốn mùa...”. Sau cái giây phút bất thành linh đầy sống sờ ấy của cả ba và mẹ, mẹ chỉ biết lắc đầu, còn ba tôi cười ngất, “Ừ, có phước lắm mới được làm đệ tử của nhà chùa nghe con”. Khi ấy, tôi chẳng hiểu “phước” là gì nhưng cũng gật đầu, ra vẻ hiểu biết lắm.

Đường như trong suốt khoảng đời thơ ấu của mình và cả sau này, tôi chưa bao giờ bị ba đánh đòn. Có một lần chỉ “xém” bị mà thôi. Tôi rất mê chạy xe đạp. Nhưng ba mẹ lại sợ tôi té, sợ xe cộ ngoài đường nên cấm không cho tôi tập chạy. Cấm ở nhà thì vào trường, tôi lên mượn xe thằng bạn tập. Với một chút máu “liều lĩnh” trong người, khi vừa chạy được, tôi đã cả gan chở hai nhỏ bạn phía sau yên xe. Con đường mòn phía trước trường học ít xe, nên ngày nào, “bộ ba” chúng tôi cũng chạy qua, chạy lại. Nhưng xui, lần ấy ba đi dạy về ngang trường; từ phía xa, ông đã nhìn ra tôi và khi chiếc xe chở ba vừa chạy qua, tôi cũng đã thoáng kịp nhận ra ông. Tan học, tôi trở về nhà với gương mặt lấm lét. Vừa thấy tôi, ông đã xách cây roi: “Vào đây. Con làm ba muốn đứng tim con có biết không?”. Tôi đứng chết trân. Ba quát: “Rồi bộ muốn bị đòn hay sao mà còn

đứng đó, không chịu chạy?”. Tôi liền co giò chạy sang nhà ngoại – nơi trú ẩn an toàn nhất của tôi. Một lát sau, mẹ sang gọi tôi về ăn cơm, ngoại cần nhân: “Tụi bây làm gì mà đánh con nhỏ vậy?”. Mẹ cười: “Trời ơi, ảnh xách roi rồi kêu nó chạy, chứ có đánh hồi nào đâu.” Ngoại cười tủm tỉm: “Ừ, vậy thì được”... Nhưng kể từ đó, con đường mòn trước cổng trường học, vắng mặt bộ ba chúng tôi, bởi không phải tôi sợ ngọn roi trên tay của ba, mà tôi sợ làm ba phải đứng tim.

... Tôi lớn lên, vào đại học. Ngày đưa tôi xuống ở trọ cùng với bạn, ba cứ chần chừ không chịu về. Tôi từ nhỏ đến lớn cũng chưa hề đi xa gia đình, nên cũng bịn rịn. Cuối cùng, có lẽ, lấy hết “can đảm” ba mới quay xe đi. Nhưng vừa về đến nhà, ăn vội miếng cơm trưa, ba lại quay xe trở xuống Sài Gòn để chở tôi về. Còn tôi, sau khi bị bạn bè “dụ dỗ” ăn cơm trưa xong, đợi tụi nó ngủ say, tôi cũng lên ra bến xe, đón xe về nhà... Và kể từ đó, suốt bốn năm ròng tôi học đại học, dù mưa, gió lạnh lẽo đến đâu, 4 giờ rưỡi sáng, ba cũng đều dậy đưa tôi ra bến xe, đón xe cho tôi đi học. Leo lên xe rồi, bao giờ ngoái đầu nhìn lại, tôi cũng thấy ba còn đứng đó, nhìn theo...

Biết tôi học hành vất vả, những khi ba đi giặt đồ của mình, ông thường hay giả đồ ôm thau đồ đi ngang phòng tôi, hỏi bâng quơ: “Có ai gửi gì không?”. Giờ thì vì công việc, tôi phải đi làm xa nhà. Có khi đang mệt mỏi, căng thẳng vì công việc, lại thấy tin nhắn của ba: “Hôm nay con có về không? Ba có để dành sấu riêng cho con” hoặc là “Trời mưa, đi làm nhớ mang áo mưa, kéo bệnh” v.v... Những tin nhắn rất ngắn gọn nhưng bao hàm cả một tình thương rộng lớn. Tôi nghe trái tim mình se thắt lại. Ba là vậy đó. Còn tôi? Sáng nay khi bác sĩ hỏi về tiền sử bệnh trạng của ba, tôi lại “ú ớ” cái biết, cái không. Tôi tự thấy ăn năn, hổ thẹn với chính mình và cảm thấy có lỗi với ba nhiều quá.

...

*“Mưa muôn đời vẫn từ trời rơi xuống
Nước chảy xuôi và lệ chẳng ngược dòng”*

Từ thuở nằm nôi cho đến ngày khôn lớn, tôi, bạn và chúng ta đã vươn mình đón nhận biết bao giọt Mưa Nguồn ngọt ngào trong mát từ mẹ, từ ba, ấy vậy mà một “cuộc ngược dòng” để chúng ta đến tạ những thâm ân sao vẫn cứ bị lãng quên, trễ muộn trong tất bật dòng đời?! Như bài viết này của tôi chẳng hạn. Dù biết rằng chỉ là “ghi lời mộng” đó thôi nhưng cũng là một chút lòng muốn bày tỏ với ba nhân mùa lễ Vu lan năm nay, vậy mà chần chừ, bận bịu, đến giờ thì... cũng trễ. Nhưng tôi tự an ủi mình và tôi cũng tin rằng, đối với mỗi người con, Vu lan không phải chỉ có một mùa, mà tôi, bạn và tất cả chúng ta – những ai còn diễm phúc được cài bông hồng đỏ thắm trên ngực áo thì sẽ luôn nhớ, nâng niu, trân quý những tháng ngày còn được giữ sắc hoa ấy trong tim của mình trên mỗi bước đường ta đi... ■

Sinh lão bệnh tử

HOÀNG TÁ THÍCH

Buổi sáng ngồi uống trà ở hiên nhà, tôi có thể nhìn thấy những bầy chim từ đầu bay về đậu trên một cây cổ thụ trong khu vườn của hàng xóm. Chung quanh thật yên tĩnh để tôi có thể nghe cả những tiếng chim ríu rít với nhau trên những cành rất cao dù cây cổ thụ kia cách chỗ tôi ngồi đến hàng chục mét.

Vào mùa đông, cây chỉ còn trơ lại cành cành dễ nhìn thấy những con chim đậu trên đó hơn. Buổi sáng nhìn chim như một cái thú, và dần dần như một thói quen, hễ ngồi dưới hiên nhà là mắt ngược lên cây tìm những con chim trên đó. Lúc những lá xanh bắt đầu lác đác trên cành cây thì tôi biết là mùa xuân đã đến. Mùa hạ lá xanh càng nhiều che hết các cành cây nên phải để ý mới có thể thấy những con chim đậu lẫn với lá. Tháng Chín mùa thu, lá lại bắt đầu rụng và qua tháng Giêng đông về, cây cổ thụ lại trụi lá để tôi có thể nhìn thấy dễ dàng những đàn chim đến rồi đi mỗi buổi sáng.

Ở Sài Gòn, nếu nhìn thời tiết trong thành phố thì chỉ thấy hết mùa mưa xong lại đến mùa nắng. Trừ những buổi sáng khoảng cuối năm trời trở lạnh thì ở đây chỉ có hai mùa, mưa và nắng. Rồi lại nắng và mưa. Bốn mùa không về giữa thành phố, nhưng lại có những xuân hạ thu đông trên các cành cây. Vậy mà mấy năm qua tôi chỉ nhìn những đàn chim mà không hề nghĩ đến bốn mùa trên đó.

Hôm nay, tôi vừa viết thư chia buồn khi được tin mẹ của một người bạn ở Mỹ qua đời. Buổi sáng ngồi nhâm nhi tách trà, nhìn đàn chim lác đác bay đi bay về trên cây cổ thụ, bỗng nhiên tôi nghĩ đến bốn chữ Sinh Lão Bệnh Tử. Ngày xưa Đức Phật cũng vì bốn hiện tượng đó của con người mà Ngài đã từ bỏ ngai vàng tìm con đường giải thoát cho chúng sinh. Sinh lão bệnh tử đâu chỉ dành cho con người, mà còn cho cây cỏ vạn vật. Trăm năm sinh lão bệnh tử dành cho con người, có thể hàng ngàn năm cho

vạn vật và từng thời kỳ với một giới hạn thời gian nào đó cho các hành tinh, vũ trụ. Đó là căn nguyên của lẽ vô thường.

Đã là kiếp người thì phải trải qua sinh lão bệnh tử. Thường con người chỉ có sợ chết, nhưng chết lại là giai đoạn nhanh chóng nhất của bốn thời kỳ. Sinh ra chưa có trí khôn thì cũng chỉ vài ba năm là đã bắt đầu có ý thức. Đến khi luống tuổi, lúc nào thấy được mình không còn sức vui thú với tuổi già thì mới bắt đầu nghĩ đến cái chết. Chết chỉ là một khoảng thời gian ngắn ngủi nhất để lia đời. Bệnh thì trái lại, vừa sinh ra thì đã có mầm bệnh. Kéo dài cả cuộc đời cho đến tuổi già vẫn còn bị bệnh. Chỉ có chết đi mới hết bệnh mà thôi. Xem ra bốn chữ sinh lão bệnh tử chỉ có bệnh làm nên nghiệp con người.

Người ta xây nhà, làm cầu thang cũng tính đến những bậc khớp với Sinh Lão Bệnh Tử: Bắt đầu với Sinh và chấm dứt cũng với bệnh, hay không lựa chọn hơn được thì cũng cố gắng khớp với



Lão. Thực ra chẳng ai muốn quan niệm rằng Sinh ra chỉ là bắt đầu một cái nghiệp để dần dần đi đến Tử, và trong quãng đường quá ngắn mà quá dài đó, bệnh là cái nghiệp nặng nề khổ đau nhất của kiếp người. Có người sinh ra đã có bệnh, và căn bệnh có thể kéo dài cho đến lúc chết. Có người lúc già yếu phải nằm một chỗ và không tự mình sinh hoạt được, mà phải nhờ đến những người thân chung quanh. Ấy là cái nghiệp của mình lây lan ra cho người khác, cha mẹ, anh em, vợ chồng, con cái... Tuy là tình nghĩa, bốn phận, hiếu đạo để chia sẻ sự đau khổ của người thân, nhưng vô hình chung họ cũng bị mất bớt một phần vui sống cuộc đời. Có những người nằm bệnh năm này qua năm khác, đau khổ nhìn những người thân nhọc nhằn vì mình, những muốn chết đi cho rảnh, nhưng không tự mình quyết định được. Một khi nghiệp chướng còn nặng, không sớm ra đi được, thì hậu quả là tình cảm của những người thân dần dần phai nhạt, không còn những tự nguyện mà chỉ còn lại những bốn phận phải hầu hạ săn sóc...

Tuy nhiên không chỉ có bệnh về thân xác, mà con người còn có những căn bệnh do những tục lụy đời thường gây ra cũng rất khó lòng chữa trị. Những căn bệnh này không làm cho bản thân đau đớn, nhưng lại làm cho những người khác chịu những đớn đau do mình gây ra. Đó là những bệnh quyền lực, bệnh kiêu ngạo, bệnh ham mê vật chất của cải, bệnh trộm cắp lường gạt v.v. Người ta gọi đó là bệnh bởi vì ai cũng có thể mắc phải. Bệnh quyền lực bắt mình phải triệt hạ đối thủ để củng cố địa vị, gây ra oán thù. Bệnh kiêu ngạo

làm tổn thương người khác. Bệnh ham muốn vật chất dẫn con người đến tội ác. Bệnh trộm cắp lường gạt làm hại n h ữ n g



người chung quanh. Có những người phần thể xác đã bị nhiễm bệnh nặng, có thể chết bất cứ lúc nào, nhưng phần tinh thần lại bị tác hại bởi những bệnh quyền lực, danh vọng mà vẫn không hay là thời gian chẳng còn bao lâu. Chưa kể có những con người không mang trong người một thứ bệnh tật nào, nhưng lại nhiễm một thứ bệnh được gọi chung chung là bệnh hoạn, bệnh hoang tưởng... có thể làm bất cứ việc gì mà trí óc không thể nào kiểm soát được.

Trong bốn thứ Sinh Lão Bệnh Tử, thì Bệnh đúng là điều phải làm cho con người sợ hãi nhiều nhất mới phải.

Nói thế không phải là quá bi quan với cuộc đời này. Trăm năm kiếp người là khoảng thời gian con người phải sống không có lựa chọn. Nếu có thể lựa chọn là lựa chọn cách sống làm sao để mong thoát được phần nào sự khổ đau ông Trời dành cho con người, đi đến thân tâm an lạc và có thể đem nguồn vui đến cho những người chung quanh. Lựa chọn là làm thế nào để cuộc đời có ý nghĩa mà thôi.

Vì thế mà đối với Phật giáo, bệnh là cái nghiệp của con người. Bệnh hành hạ thân xác, làm cho con người đau khổ, không ai tránh được, nhưng những căn bệnh do chính con người tạo ra nếu không cố gắng tránh để bị mắc phải thì chính mình thế nào cũng nhận một hậu quả làm tổn hại đến mình. Chết chưa hẳn đã dứt được nghiệp vì con người còn phải trải qua luân hồi. Kiếp này chưa dứt được nghiệp thì kiếp sau vẫn còn phải trả.

Phương thuốc có thể chữa được mọi thứ bệnh tật là cố gắng tu tập để giác ngộ, để có thể hiểu được cái lẽ vô thường của cuộc đời, đi đến thân tâm an lạc.

Trong cuộc sống hiện tại, con người phần đông chịu rất nhiều áp lực của công việc, tinh thần luôn luôn căng thẳng, hậu quả là lúc nào cũng tính toán, suy nghĩ, âu lo, gắt gỏng, nóng nảy. Đó là những nguyên nhân làm phát sinh những chứng bệnh do tinh thần tạo ra.

Xem như vậy thì bệnh tật của con người không chỉ do vi trùng, vi khuẩn trong thiên nhiên mà có, mà còn do chính con người tự gây bệnh cho mình chưa kể những chứng bệnh vô cùng nguy hiểm do hoàn cảnh xã hội, cuộc sống tạo ra.

Hiểu được lẽ vô thường của Phật giáo, cố gắng tu tập thân tâm đưa mình đến an lạc, luôn luôn thấy thân xác nhẹ nhàng, thì cũng sẽ cảm thấy bệnh tật nhẹ nhàng hơn phần nào. Thân tâm an lạc cũng làm cho mình bớt được những hỷ nộ ái ố do những căng thẳng cuộc sống gây nên, cũng bớt được một số bệnh tật.

Hiểu được lẽ vô thường của cuộc đời, sẽ thấy quyền lực, danh xưng chỉ là những ảo vọng mây khói, chỉ lôi cuốn con người vào vòng tục lụy không lối thoát, sẽ tránh được một số bệnh.

Tuy vậy, con đường dẫn ta đến thân tâm an lạc không phải dễ dàng gì, nếu không cố gắng tu tập. ■

Bồ-tát đạo

GESHE LANGRI TANPA
HOANG PHONG dịch và giới thiệu



Geshe Langri Tanpa (1054-1123) là một vị Lạt-ma nổi tiếng ở Tây Tạng trong thế kỷ thứ XI. Lịch sử Phật giáo Tây Tạng cho biết tư tưởng Phật giáo Đại thừa đã được ngài Atisha mang đến từ Ấn Độ vào cuối thế kỷ thứ X và sáng lập dòng truyền thừa Kadampa. Langri Tanpa là đại đệ tử đời thứ năm của dòng này. Sinh thời, Langri Tanpa đã được người đời kính ngưỡng nhưng ngài luôn có thái độ khiêm hạ. Ngài hành trì hạnh bố thí suốt đời và kết quả là Phật tử đã cúng dường ngài cả một tự viện rộng lớn để ngài có thể nuôi dạy hai ngàn Tăng sĩ và giúp đỡ những người nghèo khó. Ngài luôn chấp nhận mọi thua thiệt và dành mọi vinh quang cho người khác. Ngài cũng nhận lấy mọi khó khăn để nhường người khác những thuận lợi. Thái độ sống đó đã được ngài cô đọng trong tám bài thi kệ dành để luyện tâm, được dịch ra tiếng Việt từ một bản tiếng Pháp, như dưới đây:

- 1. Nguyện mang lại an vui,
Cho tất cả chúng sinh.
Tôi xin yêu thương họ,
Với tất cả lòng tôi.*
- 2. Trong tất cả chúng sinh,
Nguyện làm người kém nhất.
Cầu xin cho tất cả,
Chúng sinh đều hơn tôi.*

- 3. Nguyện canh chừng trong tôi,
Xúc cảm nào bồn loạn?
Quyết tâm tôi diệt bỏ,
Tinh khiết đáy lòng tôi.*
- 4. Chúng sinh nào hung dữ,
Gieo đau thương mệnh mỏng,
Tôi xin yêu thương họ,
Như kho tàng vô giá.*
- 5. Những ai ngược đãi tôi,
Nhục mạ, vu khống tôi,
Nhấn nhục tôi chịu đựng,
Vinh quang này hiến dâng.*
- 6. Những ai dù vô cớ,
Làm tổn thương cho tôi,
Tôi xin biết ơn họ,
Như vị thầy tối thượng.*
- 7. Nơi muôn ngàn thế giới,
Chúng sinh đều là mẹ.
Khổ đau nào con gánh,
Hạnh phúc này con dâng.*
- 8. Giữa cuộc đời ảo giác,
Con đường tu không hoen.
Vững tâm tôi cất bước,
Một cõi nào trống không?*

Thái độ sống đó chính là con đường của bậc Bồ-tát, được biểu trưng bởi tám lời nguyện ước và các hành động như sau:

Thi kệ 1: Nguyện yêu thương và mang lại an vui cho tất cả chúng sinh. Đây là mục tiêu tiên khởi và quan trọng nhất của người Bồ-tát.

Thi kệ 2: Nguyện làm người kém cõi nhất và xem tất cả chúng sinh đều hơn mình. Đây là cách luyện tập sự khiêm tốn và nhún nhường.

Thi kệ 3: Nguyện kiểm soát tâm thức mình không để cho bất cứ một xúc cảm bồn loạn nào xuất hiện. Đây là cách luyện tập sự chú tâm và cảnh giác giúp chủ động tâm thức, không cho các tác ý tiêu cực hiển hiện mang lại các hành động tai hại.

Thi kệ 4: Nguyện xem tất cả chúng sinh hung dữ là những kho tàng vô giá, vì nhờ họ mà mình phát huy được lòng tha thứ.

Thi kệ 5: Nguyện nhẫn nhục chịu đựng trước sự ngược đãi, nhục mạ và vu khống của người khác, hầu tập cho mình xóa bỏ hận thù.

Thi kệ 6: Nguyện đối xử với những ai vô cớ làm tổn thương cho mình như những vị thầy quý giá nhất, vì chính họ đã dạy cho mình sự nhẫn nhục.

Thi kệ 7: Nguyện xem tất cả chúng sinh đều là mẹ của mình, hầu đủ sức gánh chịu tất cả khổ đau của họ và hiến dâng hạnh phúc của mình cho họ.

Thi kệ 8: Nguyện giữ con đường tu tập không bị hoen ố bởi những lo toan thế tục và để nhận thấy mọi hiện tượng đều là ảo giác, hầu giúp mình đạt được giác ngộ để phục vụ chúng sinh hữu hiệu hơn. ■

Cha tôi, người đi để lại bóng hình

BÙI QUANG HUY

Tròn năm mươi tuổi, tôi trở thành Mồ côi. Đó là điều mà mấy năm nay tôi biết rằng sẽ đến nhưng khi sự kiện ấy đã thực sự xảy ra, tôi vẫn thấy lòng bàng hoàng, xót xa.

Tôi không biết, những người Mồ côi từ tấm bé cảm nhận như thế nào? Chắc là lúc còn quá nhỏ, như đứa cháu ngoại của tôi, trong lòng trẻ Mồ côi chưa dọi lên những nỗi đau thương tột cùng.

Còn những ai như tôi? Thật không thể nào tưởng tượng nổi!

Đã bao ngày qua, tôi vẫn không thể nghĩ mình đã mất Cha. Lúc nào tôi cũng thấy hình ảnh của Người khi còn sống, nhất là những tháng năm cha tôi đang khỏe mạnh; còn những hình ảnh lúc Người đã khuất thì lại chỉ thoáng qua, như một điều không có thật.

So với nhiều người, tôi thật hạnh phúc, vì năm mươi tuổi mới trở thành Mồ côi. Nhưng Mồ côi thì trẻ, già, lớn, bé vẫn là Mồ côi. Tôi viết hoa chữ này, vì có lẽ không thân phận nào đau đớn bằng Mồ côi.

Người xưa cảnh báo:

Còn Cha gót đồ như son

Mai sau Cha chết gót con đen sì.

Không hẳn vậy đâu! Cha tôi đâu còn khỏe mạnh nữa để bảo bọc như hồi tôi còn thơ bé? Tôi sướng hay khổ là do mình đấy chứ.

Cha mất, tôi bỗng thấy mình bơ vơ, không còn nơi nương tựa trên cõi đời mê mông này. Lòng tôi trăm nỗi đắng cay. Đó là hình phạt lớn thứ nhất mà Trời Đất đã giáng xuống đầu tôi. Hóa ra, năm mươi như tôi hay sáu mươi như anh tôi, mất Cha cũng đều bơ vơ như đứa trẻ mới lên chín, lên mười. Tôi nói, không thân phận nào trên đời đau đớn bằng Mồ côi là vậy.

* * *

Từ ngày Cha mất, căn nhà tôi bỗng trở nên lạnh lẽo. Tất cả như là của một thế giới khác. Xác xơ, héo hắt. Mỗi khi trở về, lòng tôi càng thêm đau đớn, vì căn nhà đã xác tín Cha

tôi không còn nữa. Tôi không dám nhìn thẳng mặt chị tôi bởi từ xưa đến giờ chị là người *mau nước mắt*. Và, tôi biết, chị tôi ít chữ nghĩa, không diễn đạt thành lời, nhưng lòng đau đớn bội phần, vì suốt bao năm qua, từng ngày, từng giờ, chị luôn ở bên cạnh Cha. Khi Cha tôi không còn nói được, chị trở thành người phiên dịch cho cả nhà. Sáng sớm hôm Cha mất, tôi chuẩn bị đến sở làm thì nghe điện thoại của chị, một lời ngắn ngủi: *Cha mất rồi em ơi!* Sau tiếng kêu thất thanh ấy, chị tôi khóc òa. Đó là tiếng kêu hoảng hốt nhất mà tôi nghe được từ nhỏ đến giờ. Bây giờ, làm sao tôi dám nhìn thẳng vào mắt chị?

Anh tôi Mồ côi.

Chị tôi Mồ côi.

Em tôi Mồ côi.

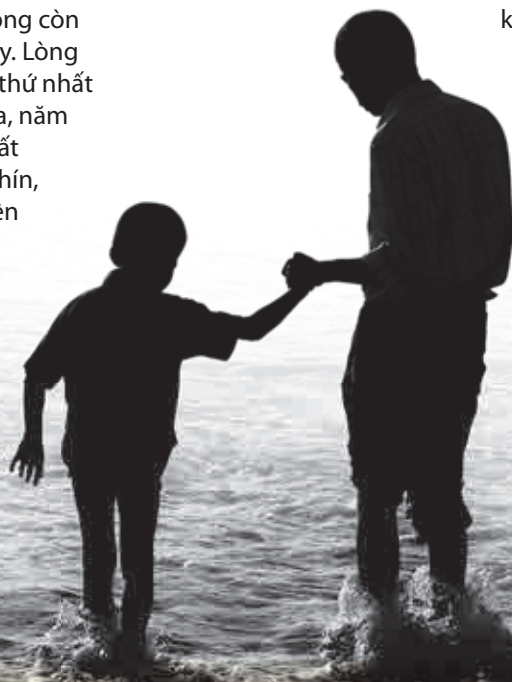
Chúng tôi là những đứa trẻ mất Cha.

Phật dạy: dương thế là cõi tạm.

Cha tôi đã đi vào cõi vĩnh hằng, sẽ tiêu diêu miền cực lạc. Chúng tôi khóc lóc, khổ đau hẳn sẽ khiến Người bịn rịn, bởi suốt một đời Cha đã yêu thương, dưỡng dục, chở che chúng tôi. Không một đứa con nào của Cha chứng kiến được giây phút sinh ly tử biệt, kể cả chị tôi. Phải chăng, đến giây phút cuối cùng của cuộc đời, Cha vẫn không muốn làm các con mình khổ đau?

Bây giờ, làm sao chúng tôi có thể cắt đứt được nỗi thâm sâu này?

Tất cả chúng tôi đành là những đứa con bất hiếu, vì ích kỷ, cứ mãi khóc than làm cho Cha mình phải buồn thương, day dứt. ■





Cần lắm một điều thôi:

Tấm lòng

NGUYỄN MẠNH HÙNG

Tôi có mặt tại Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo và Trẻ em khuyết tật TP.HCM vào một buổi sáng mát trời và bình yên. Tiếp tôi tại văn phòng Hội là hai vị Phó Chủ tịch: chị Nguyễn Thị Mẫn và nghệ sĩ Kim Cương. Tôi đến với mục đích xem mình và các đồng nghiệp có thể đóng góp được những gì để gánh vác việc xã hội cùng các chị.

Điều ấn tượng nhất của buổi sáng hôm ấy là câu chuyện được nghe về người phụ nữ có tên là Trần Ngọc Trân cả đời đi bán thuốc lá. Khi về già, bà lấy toàn bộ số tiền chắt chiu được là 70 (bảy mươi) lượng vàng mang góp cho Hội. Góp xong bà xin vào chùa Khánh Vân Nam Viện ở Chợ Lớn để làm công quả. Câu chuyện cứ làm tôi suy nghĩ mãi. Tôi nghĩ về ý nghĩa cuộc đời và những tấm lòng. Suy nghĩ về sự cống hiến và tinh thần phụng sự.

Cùng đi với tôi là một đồng nghiệp tại văn phòng Thái Hà Books TP.HCM. Nghệ sĩ Kim Cương nói với người bạn ấy rằng từ nay ra đường nên để ý đến những người tàn tật xem họ có cần được đào tạo nghề hay không, nếu cần, có thể giới thiệu họ đến đây để họ được đào tạo; đi đâu mà thấy người nghèo hồng mắt thì nên giới thiệu về đây để họ được mở mắt. Tất cả đều miễn phí. Chị nói rằng chị và Hội sẵn sàng tiếp nhận những trẻ em khuyết tật, những mảnh đời khó khăn, những hoàn cảnh cần giúp đỡ... để được dang tay góp sức.

Kế đó, hai chị Phó Chủ tịch Hội tự hào nói với chúng tôi về trung tâm dạy nghề cho người khuyết tật đặt ở Hóc Môn. Tôi nghe và cảm nhận được cả quá trình biến hai mẫu đất trũng thành trung tâm đào tạo nghề cho gần 200 em khuyết tật. Chị Mẫn cũng cho biết thêm, lúc nào ở đó cũng có khoảng 100-150 em thường trú.

Các em ăn ở, sinh hoạt, học hành tại đây luôn.

Chị Kim Cương thì khoe “Có mấy đôi yêu nhau và lấy nhau rồi đó em. Chúng nó hạnh phúc lắm”. Tôi cười mừng cho những cặp uyên ương đặc biệt này. Tôi vui hơn khi nghe các chị kể rằng nhiều em đã tốt nghiệp đi làm và mang những tháng lương đầu tiên về để góp sức cho các bạn còn đang tiếp học tập tại Trung tâm.

Tôi rất nhớ ý của hai chị nói, rằng thành công lớn nhất của Trung tâm dạy nghề cho trẻ khuyết tật không phải là ở việc làm mà là ở tinh thần. Vào đây, các em có môi trường tốt. Từ đó, các em có tự tin, có tình cảm, được bình đẳng hơn và thấy cuộc đời có ý nghĩa hơn.

Khi được hỏi về kinh phí hoạt động, các chị cho biết mỗi tháng Trung tâm chi phí hết khoảng 300 triệu và tiền đó được các nhà hảo tâm đóng góp. Người góp ít, người cho nhiều. Quan trọng là những tấm lòng.

Chị Kim Cương còn dẫn chúng tôi qua thăm phòng khám bệnh miễn phí tại ngay trụ sở của Hội ở số 33B Phùng Khắc Khoan, quận 1. Phòng rất sạch đẹp, do Javdo tài trợ. Các ngày thứ Ba, thứ Năm, và thứ Bảy thì tổ chức khám bệnh miễn phí. Khám chữa răng thì theo lịch sắp xếp. Các bác sĩ là những người làm thiện nguyện. Ngay trong lúc chúng tôi có mặt tại đó thì có nhóm mấy bác sĩ là Việt kiều từ Mỹ đến thăm, cũng có tâm nguyện muốn khám và chữa bệnh miễn phí cho người nghèo và trẻ khuyết tật. Thật là vui!

Chị Mười Mẫn cho tôi biết thêm rằng mới đây có một bác đến thăm rồi nằng nặc xin được dạy về kỹ thuật làm ghép tranh gỗ và làm đồ mỹ nghệ cho các cháu khuyết tật đang học ở Trung tâm dạy nghề miễn phí của Hội. Các chị vừa mừng vừa lo. Mừng vì có những tấm lòng tốt như vậy. Còn lo là làm sao chuẩn bị được cơ sở vật chất để lớp học sớm được bắt đầu.

Được biết hiện dưới Trung tâm đang đào tạo khá nhiều ngành nghề, từ may, vi tính rồi kim hoàn... Các chị cũng cho biết, hiện Trung tâm đang hoàn tất thủ tục xin thành phố cấp thêm cho hai hecta đất nữa để làm xưởng sản xuất. Điều đó có nghĩa là các cháu khi

tốt nghiệp có thể sang bên xưởng để làm việc, để sản xuất ra các mặt hàng cung cấp cho thị trường. Như vậy có những cháu sẽ xin việc ở bên ngoài nhưng những cháu khác sẽ có việc làm tại nơi đây.

Lúc này các chị cũng đang tất bật lo Trung thu cho các cháu. Được biết một năm Trung tâm có đến 5 dịp “lễ hội lớn” là Tết âm lịch, ngày Bảo vệ và chăm sóc người khuyết tật 18/4, ngày Thiếu nhi 1/6, ngày Trung thu rằm tháng 8, và Ngày của người khuyết tật thế giới 3/12. Các chị cho biết rằng ngày cuối năm này là lễ hội lớn nhất cho “các con” của các chị: các chị đưa 6.000 con đi Suối Tiên vui chơi cả ngày. Khu du lịch Suối Tiên thường xuyên bao toàn bộ ngày hội. Các chị chỉ phải lo ăn sáng và xe đưa đón.

Chị Kim Cương kể rằng, có lần chị gặp lãnh đạo của một doanh nghiệp lớn chuyên sản xuất bánh để vận động cung ứng suất ăn sáng cho các con. Vị giám đốc ấy bảo điều gì kia chứ, còn suất ăn sáng thì chỉ là chuyện nhỏ. Nhưng khi chị nói số lượng suất ăn là sáu ngàn thì anh ta lác mắt. Tiền đâu mà tài trợ được sáu ngàn suất. Chị nói với anh rằng anh cứ tài trợ một phần là được rồi. Chị bảo vui nhất, và cũng khá lo, là chuẩn bị đủ sáu ngàn cái áo và nón đồng phục cho lễ hội đặc biệt này!

Khi tôi chào ra về, chị Kim Cương mới hỏi tôi có biết chị Mười Mẫn là ai không? Hóa ra chị là Phó Chủ tịch thường trực của Hội và lại là cháu ruột của Anh hùng Nguyễn Thị Định, người mà chị Kim Cương gọi thân mật là cô Ba Định. Chị Mẫn suốt nhiều năm theo và phục vụ cô mình – Anh hùng Nguyễn Thị Định. Sau khi về thành phố, chị làm nghề mới là nuôi con liệt sĩ. Từ năm 1981, chị bắt đầu chuyển sang nuôi trẻ mồ côi. Suốt 13 năm nay, từ ngày về hưu, chị cống hiến đời mình cho trẻ tàn tật và người nghèo mà không nhận một đồng lương. Hiện chị là người lo hương khói cho cô Ba Định.

Tôi ra về mà lòng lâng lâng. Tôi nghĩ, mình đóng góp cho xã hội ít quá. Có lẽ phải gấp rút làm thêm nhiều việc thiện. Làm thêm thật nhiều nữa. Và làm ngay bây giờ. Đời là vô thường. Phải làm nhanh kẻo không kịp. ■



Ảnh minh họa. Nguồn: thanhnienviet.vn



Người cựu chiến binh Suel Jones bên cạnh tượng Phật.

Tượng Phật đến từ phương trời xa

JULIA O'MALLEY
NGUYỄN HOÀNG và CAO HUY HÓA dịch

Julia O'Malley là nhà báo nữ chuyên viết các vấn đề về đời sống và chính trị tại thành phố Anchorage và tiểu bang Alaska. Với tư cách phóng viên, bà đã theo dõi hệ thống tòa án và đề cập rộng rãi về cuộc sống tại Anchorage, kể cả những thay đổi lớn trong những cộng đồng dân tộc ít người.

Năm 2008, bà đã được giải thưởng Ernie Pyle của Scripps-Howard Foundation về những bài viết xuất sắc giàu tính nhân bản ở Mỹ.

Dưới đây là bài dịch từ nguyên tác "From another world, an icon moves to G Street" của Julia O'Malley trên báo mạng Anchorage Daily News ngày 16/8/2011.

Cách đây vài năm, một người thợ cơ khí trước kia làm việc tại Công ty Xăng dầu BP tên là Suel Jones đã say mê một pho tượng Phật nặng 700 cân Anh¹ tạc bằng đá hoa cương, là tác phẩm của một nhà điêu khắc ven đường vùng Ngũ Hành Sơn, bên ngoài thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

"Khi nhìn thấy pho tượng, không hiểu sao tôi thích quá, có thể là vì nét mặt, có thể là vì thứ đá". Ông thuật lại: "Tôi nói: 'Đó, tôi thích pho tượng kia, pho tượng nằm đằng kia kia'."

Pho tượng này gợi lại ký ức một thời ông là lính thủy quân lục chiến ở đất nước ấy, một kinh nghiệm vẫn còn làm ông day dứt. Ông nhớ lại một ngày của bốn mươi

năm trước, khi ông và những người lính thủy quân lục chiến khác đến một ngôi làng nhỏ, tên là Cam Lộ.

Ông nói: *"Có một ngôi chùa nhỏ tại làng đó bị bom phá tan tành"*.

Trong đồng đồ nát của ngôi chùa, ông thoáng thấy một bức tượng Phật, vững chắc và tinh khôi, nằm giữa cảnh hoang tàn. Điều đó làm ông liên tưởng đến cái cách thức mà cuộc chiến tranh ấy đã nghiền nát tất cả mọi thứ ở Việt Nam, cả một dân tộc, cả những truyền thống lâu đời. Giờ đây bức tượng Phật trắng tại Ngũ Hành Sơn này trông có vẻ rất quen thuộc. Có cái gì đó nơi nụ cười, cứ như Đức Phật của 40 năm trước bằng cách nào đó đã quay lại với ông. Ông thấy thích pho tượng, thích như chưa bao giờ thích đến thế.

Jones đã mua pho tượng đó với giá 500 đô-la. Ông đã phải trả hơn gấp đôi số tiền ấy để gửi pho tượng về Alaska bằng tàu thủy. Ông có ý định đặt pho tượng trong khu vườn cạnh ngôi nhà gỗ nhỏ của ông trong vùng Glacier View, nằm cách Anchorage chừng 100 dặm dọc theo quốc lộ Glenn Highway.

Khi pho tượng về đến nơi, trong vài ngày liền, ông đã lái xe quanh thành phố Anchorage với pho tượng được đặt phía sau chiếc xe tải nhỏ. Bất cứ nơi nào ông đến, pho tượng Phật cũng gây nên sự xôn xao. Khi xe dừng ở những chỗ đèn đỏ và tại các trạm xăng, nhiều người xa lạ chạy đến tận nơi. Họ đều tò mò. Ông kể: *"Họ đi bộ ngược lại để được sờ tay vào pho tượng đặt ở sau chiếc xe tải của tôi"*.

Ông chở pho tượng Phật xuống phố đến quán cà phê Side Street, nơi ông là khách hàng thường xuyên từ hơn 20 năm nay, để hai vợ chồng người chủ quán là George Gee và Deb Seaton được nhìn thấy. Theo Seaton, pho tượng giống như một cổ vật trong viện bảo tàng. *"Tôi nhìn mà muốn khóc. Tượng sao mà đẹp như vậy!"*

Jones lại bắt đầu nghĩ rằng có lẽ pho tượng không nên được đặt trong một khu vườn ở nơi xa vắng. Cứ nửa năm ông lại về Glacier View và nửa năm còn lại ông sống tại Việt Nam, nơi ông đang làm việc với các tổ chức thiện nguyện của các cựu chiến binh, thực hiện những dự án như tháo gỡ mìn và xây dựng những sân chơi an toàn. Ông quyết định sẽ nhượng lại pho tượng này để lấy tiền thu được sử dụng cho công cuộc từ thiện ở Việt Nam. Gee và Seaton đề nghị ông có thể đặt pho tượng ở cửa hàng để dễ tìm người mua hơn.

Pho tượng đã được xe nâng hàng đặt vào xe tải; giờ đây, họ không có xe nâng hàng để đưa pho tượng ra khỏi xe, Jones phải huy động bạn bè đến giúp. Họ đã xoay sở để đưa được pho tượng xuống đất và đặt ngay trước quán cà phê. Nhưng không cách nào đưa tượng vào trong quán được. Tượng nặng quá!

Vừa lúc ấy, một nhóm người đi xe mô-tô Harley lực lưỡng, bận y phục bằng da, rầm rộ chạy qua. Cái quang cảnh hi hục với pho tượng Phật đã khiến họ dừng lại. Họ quay đầu xe, dựng những chiếc mô-tô lên và xung phong vào giúp.

Jones kể lại, *"Họ hầu như chỉ cần nhấc tượng lên rồi nhẹ nhàng đặt vào trong quán"*.

Vậy là pho tượng Phật đến cư ngụ tại quán cà phê Side Street, tọa vị trong một góc giữa cái tủ lạnh và chiếc bàn có khắc bàn cờ vua trên mặt. Hai năm trôi qua như thế.

Jones nói: *"Chúng tôi đã chẳng có dịp may nào để bán được pho tượng. Có vẻ như pho tượng đã quyết định là không rời bỏ nơi này"*.

Khách hàng quen thuộc, ở Side Street thì nhiều lắm, đã trở nên quyến luyến pho tượng. Họ đến vãn về nếp áo của pho tượng. Các dấu tay làm cho hai vai tượng không còn bóng láng nữa. Dần dần, quanh pho tượng đã có một cái bệ thờ nho nhỏ luôn có nến và hoa.

Khi tôi hỏi điều gì đã khiến pho tượng thu hút được nhiều người như vậy thì Jones bảo: *"Nước Mỹ của chúng ta hiện đang trải qua một cơn khủng hoảng. Khủng hoảng kinh tế, khủng hoảng chính trị. Cựu chiến binh từ hai cuộc chiến trở về phải cố gắng lắm mới tìm ra ý nghĩa của cuộc sống"*. Jones nói thêm, *"Nơi đâu mang lại cho chúng ta cái tâm bình yên và tinh lặng thì chúng ta cần nơi đó lắm chứ!"*.

Mỗi sáng, Gee dậy sớm, vẽ những bức hình minh họa và viết vài chữ lên tấm bảng trắng để quảng cáo cho những món đặc biệt trong ngày. Ông đã trở nên quen thuộc với việc có được pho tượng Đức Phật ở đó vào những giờ phút tĩnh lặng trầm tư nhất trong ngày. Ông bảo quán cà phê luôn luôn có một sinh lực riêng của nó. Pho tượng Đức Phật ở đây thật quá hợp.

"Pho tượng này vốn đã có sẵn một phẩm chất kỳ diệu. Phẩm chất này đã quyến rũ những người chạy mô-tô để họ phải rời khỏi xe. Phẩm chất này đã khiến cho một người gởi 700 cân Anh đá hoa đi nửa vòng trái đất".

Cách đây chừng một tháng, có người dám mua pho tượng. Đám khách quen chuyển tai nhau rằng sẽ không còn pho tượng ở quán cà phê nữa. Một hôm, vào hai tuần trước, một khách hàng mở ví giống như ông ta vẫn hay làm khi trả tiền và rút ra 3.000 đô-la. Seaton bảo ông ấy muốn mua pho tượng Đức Phật, với điều kiện là pho tượng sẽ ở lại với quán.

Jones đã chấp nhận. Số tiền sẽ được đưa tới Việt Nam.

"Cô biết không, tôi ngạc nhiên vô cùng, nhưng rồi tôi hiểu. Tôi hiểu rằng ông khách ấy muốn chia sẻ pho tượng".

Và thế là pho tượng vẫn còn đó, không phải trong chùa, mà trong một quán cà phê trên phố G, nhìn những khách hàng vừa chờ cốc cà phê sữa vừa dán mắt vào điện thoại di động, với nét mặt hiền từ và nụ cười thanh thản quen thuộc.

Chú thích:

1. Cân: pound, tương đương 0,454kg. Tượng nặng khoảng 317kg.

Chú thích ảnh: Người cựu chiến binh Suel Jones bên cạnh tượng Phật. ■

VỀ XÃ ĐOÀI thăm vườn cam

HOÀNG THỊ NHƯ HUY

Chiều nay tôi về Xã Đoài thăm vườn cam. Sau những ngày âm u do ảnh hưởng những trận lụt tháng Mười âm lịch ở các tỉnh miền Trung, trời xứ Nghệ hôm nay đã hé lên những tia nắng vàng dịu. Tôi khởi hành từ Vinh, theo dòng người xuôi về phương Bắc. Dọc con đường, sự phát triển của vùng đất đã hồi sinh sau chiến tranh thể hiện rất rõ nét. Con đường quốc lộ được mở rộng với hai làn xe, những mảnh ruộng, những mảnh vườn thu hẹp lại bởi sự xuất hiện của những dãy nhà cao tầng với mái ngói đỏ ong. Tôi chạnh lòng lo lắng cho những vườn cam!

Tôi đang đi - tôi cũng đang hồi tưởng về những ngày xưa cũ - ngày tôi còn bé tí tẹo và sau những lần

cúng Phật, mẹ nhường cho con quả cam vàng, có vị ngọt, mùi thơm mà tên gọi là cam Xã Đoài xứ Nghệ. Cái vị ngọt, cái mùi thơm, cái sắc màu vàng tươi thắm ấy đã vương vấn trong tôi theo năm tháng của cuộc đời; để hôm nay, khi dừng chân nơi xứ Nghệ, tôi không thể không một lần ghé thăm.

Tôi đã đi qua một đoạn đường khoảng chừng 15km, đến ngã ba Quán Hành, theo lối chỉ, rẽ về phía tay trái để đi sâu vào một vùng đất thuộc xã Nghi Diên, huyện Nghi Lộc. Con đường không êm bởi có những ổ gà. Những khu vườn không rợp bóng những hàng cam như tôi mong đợi, nhưng trong gió thoảng, tôi đã ngửi được đầu dây hương của cam. Cái hương mộc mạc của

miền quê mà ở đó, thiên nhiên đã ưu ái cho họ những thổ sản ngọt ngào.

Hương cam đã quyến rũ hồn tôi. Tôi đi nhanh vào một khu vườn bên đường mà ở đây tôi đã nhìn thấy những quả cam vàng đang đong đưa trên cành. Người chủ nhà ra đón tôi với một sự thân thiện và đầy tự hào khi biết tôi là khách phương xa muốn về đây chiêm ngưỡng những vườn cam của quê mình. Tên anh là Nguyễn Văn Hương, nhà thuộc xóm 9 Nghi Diên. Nhà anh đã có ba đời trồng cam. Nhưng nay nghề trồng cam chỉ còn là kinh tế phụ, bởi theo sự phát triển của nền kinh tế thị trường, cuộc sống nơi đây cũng đã có lắm sự đổi thay. Anh buồn lòng tâm sự về số phận những quả cam trong vườn nhà: do đất thu hẹp dần vì nhà phải nở rộng cho các thế hệ con, cháu.. kế tiếp nhau ra đời. Đất cỗi dần vì sử dụng bừa bãi các loại hóa chất diệt cỏ, diệt sâu bệnh và phân hóa học; rồi những lợi nhuận cao hơn từ những nguồn thu có được do buôn bán hoặc những ngành nghề khác... đã khiến nhiều con dân Xã Đoài dần xa với cái nghề trồng cam truyền thống mà tiếng thơm của nó đã vang danh khắp bốn phương trời. Anh đưa tôi ra từng gốc cây, chỉ cho tôi cách chọn quả. Cam Xã Đoài có hai loại giống: một loại quả có hình quả nhot, phần đầu hơi nhô lên, cuống nhỏ. Anh gọi bằng cái âm giọng địa phương là quả Cam Lót. Một loại quả khác có hình quả bầu tròn, hơi dẹt và phần đầu lõm xuống. Tên được gọi từ hình tượng: cam Bầu - hay cam Bù theo âm giọng xứ Nghệ. Tùy theo độ tuổi và loại giống, vỏ cam có màu vàng đỏ, đỏ sẫm, vàng chanh... Vỏ bên ngoài không trơn bóng hoặc không quá xù xì.

Tôi nâng một quả cam trên tay, đưa lên mũi để hít lấy hương thơm. Anh nhìn tôi mỉm cười rồi giải thích thêm: bên ngoài vỏ cam có lớp the mỏng, nếu làm xây xát sẽ to ra mùi hương mà những năm gần đây các nhà sản xuất bia rượu, kẹo, bánh... đã tranh thủ chiết lấy loại tinh dầu này để làm hương liệu tăng thêm phẩm chất và hương thơm cho sản phẩm. Người dân địa phương thì lại làm theo kiểu thủ công, phơi khô vỏ cam, ngâm vào rượu trước khi dùng, sẽ tạo nên một mùi hương đặc trưng rất tuyệt hảo.

Những quả cam vàng đang đong đưa trong nắng có vẻ như cũng ngấm kiêu hãnh khi chúng được gắn với câu chuyện diệu kỳ trên con đường đi đến cái thương hiệu lừng danh. Từ xa xưa, theo bước chân người lưu dân tiến vào vùng đất xứ Nghệ, hạt cam cũng có mặt. Quả cam, không biết tự bao đời đã xuất hiện trên mảnh đất này qua bàn tay chăm bón của con người khai phá. Năm 1940, một người đàn ông tên Đậu Đình Văn rời đất Cửa Lò lên Nghi Diên lập nghiệp. Cụ trồng dăm ba cây cam trên mảnh đất vườn ven sông chợ Cầu, Nghi Diên để lấy quả ăn cho vui. Nhân có hội chợ của ba nước Đông Dương mà nhà nước Bảo hộ Pháp tổ chức tại Vinh, cụ Văn khăn gói đi Vinh tham quan và mang một ít cam ra bán tại khu vực bày bán hoa quả của hội chợ nhằm lấy tiền làm lộ phí.

Một cơ duyên đã đến, cả sáu quả cam của cụ, mỗi quả đều to hơn cái chén tống, đã được người mua chọn tiến dâng cho vua Bảo Đại thưởng thức. Hương vị của loại cam này đã được nhà vua quan tâm và sắc phong cho cụ Đậu Đình Văn hàm Cửu phẩm. Từ đó cụ Văn được gọi tên là Cửu Văn và quả cam Xã Đoài bắt đầu lên ngôi để trở thành một thương hiệu. Miếng ngon được truyền miệng và nó trở thành quà biếu giữa vua-quan, giữa những người giàu có... tạo cho dân Xã Đoài cơ hội tăng gia sản xuất để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ lớn, mang lại cho quả cam vàng Xã Đoài điều kiện tăng năng suất và nâng phẩm chất của loại quả này lên đến đỉnh cao.

Chủ nhà lựa hái mấy quả cam vàng, cắt bỏ làm sáu mời tôi thưởng thức. Tôi nhìn kỹ từng múi cam với sắc màu vàng óng rồi đưa lên miệng ăn chậm chậm để thưởng thức hết cái vị ngọt thanh, hương thơm dịu... Ăn xong, nơi bờ môi như còn đọng một chút kết dính ngọt ngào của mật ong.

Có khác với hương vị của quả cam năm nào chăng?

Vâng, có hơi khác. Tôi bày tỏ những cảm nhận của mình và chủ vườn cam cũng đồng tình với ý kiến đó. Phẩm chất quả cam hôm nay không còn bằng phẩm chất ngày xưa. Tại sao? Tại vì nhiều lý do. Trong đó, ta hãy nhìn lại đất, nhìn lại giống cây trồng, nhìn lại sự cần mẫn chăm sóc của người lao động, và nhìn lại khí hậu đổi thay thất thường của thiên nhiên trên toàn cầu trong thiên niên kỷ mới... tất cả điều ấy đều tác động đến thân phận của từng quả cam nhỏ bé nơi làng quê Xã Đoài bình dị này.

Chất đất (thổ nhưỡng) là một yếu tố hàng đầu đã làm nên tiếng thơm cho loại quả lừng danh này. Chỉ cần đem cây cam giống Xã Đoài đến một miền đất kế cận, hương vị quả cam cũng đã đổi thay. Vậy ta phải nên bắt đầu từ mảnh đất này để đầu tư phục hồi phẩm chất của những vườn cam mà bao đời qua nó vốn có. Nhiều nhà khoa học đã kết hợp với địa phương, đã, đang nỗ lực và cũng đã đạt được nhiều thành công mong đợi. Tôi đã nhìn thấy điều ấy khi đi qua những vườn cam ngút ngàn trên vùng đất cát ven biển Nghệ An. Tôi đã nhìn thấy những hệ thống tưới tiêu hiện đại. Tôi đã gặp những nhà khoa học trồng cam... Tôi ra về với một niềm tin tương lai của quả cam vàng Xã Đoài trên thương trường quốc tế. Tôi ra về không quên mang theo một túi cam làm quà của người dân Xã Đoài dung dị và hiếu khách.

Biết bao giờ tôi mới có dịp trở lại Xã Đoài? Nhưng vị ngọt, hương thơm và sắc màu của quả cam vàng óng ấy sẽ đi theo tôi mãi trong cuộc đời này. Và cái tình người ở hai miền đất Nam Phổ quê tôi và Xã Đoài quê bạn mãi vẫn là:

"Cam Xã Đoài gửi vô thì cau Nam Phổ đóng bồ gửi lại.

Hàng lại trao hàng xa ngái quản chi!

Cam chị ngọt thì cau em cũng nỏ ai bì!

Chỉ cốt sao cho tình nghĩa Bắc Nam ruột thịt dẫu cho ai làm chi cũng nỏ sờn!" ■

Vui buồn chuyện được mất

PHAN MINH ĐỨC

Vợ chồng tôi buôn bán thức ăn nhanh cho học sinh dưới mái hiên nhà của một người quen đã lớn tuổi ở gần trường học. Ông cụ ngoài 80; tôi trẻ hơn cụ đến mấy mươi tuổi, nhưng ông thích gọi tôi là “người bạn trẻ” và tự xưng mình là “ông bạn già”. Thôi thì cũng phải chiều ông cụ. Kể ra, trong tình bạn, trong nghĩa tri âm, thì tuổi tác chẳng can hệ gì, người ta gọi đó là tình bạn vong niên. Tôi cũng biết câu “kính lão đắc thọ”, không dám xem một người đáng tuổi cha mình là bạn. Thông thường người ta chỉ xem là bạn khi tuổi tác bằng nhau hoặc không chênh lệch nhau nhiều. Nhưng với những người không thích câu nệ, không thích theo thể nhân thường tình, có tinh thần phóng khoáng thì lại khác. Như ông cụ được coi là người bạn già của tôi vậy.

Nhà ông bạn già của tôi xây dựng lại. Do nhà quá xuống cấp, con cháu muốn cất lại để ở, chứ một người gần đất xa trời như ông thì còn cần chi nhà cao cửa rộng, chỉ mong sao được khỏe mạnh, cuộc sống vui vẻ và thanh thản tâm hồn là đủ rồi.

Nhà lên thêm hai tầng, năm gần lộ xe nên chỉ xây cái nền móng vững chắc thôi cũng mất cả tháng, thời gian dự trù để hoàn thành toàn bộ ngôi nhà cũng khoảng trên ba tháng. Thế là tôi không có chỗ bán, phải thất nghiệp nghỉ ở nhà. Thấy hoàn cảnh tôi khó khăn, nay lại thất nghiệp, ông bạn già cũng lo ngại cho tôi, cứ gọi điện hỏi thăm tình hình cuộc sống thế nào, có tìm được chỗ nào bán tạm trong vài tháng không?

Không buôn bán được thì không thu nhập đủ chi tiêu, tiền nhuận bút viết bài cho báo đâu đủ xoay xở. Phải hạn chế tối đa nhu cầu mới tiết kiệm đủ tiền thuê nhà, tiền điện nước, tiền đóng học phí cho con, tiền chợ mỗi ngày và tiền thuốc men nữa. Mà tôi thì ngày nào cũng phải uống thuốc vì lỡ mang đủ thứ bệnh trong người. Mỗi lần gọi điện qua hỏi thăm, nghe tôi trả lời chưa tìm được chỗ buôn bán mới thì ông bạn già lại lo lắng thở dài. Tôi chỉ cười bảo với ông: “Cũng tốt, mất cái này thì được cái khác”. Quả vậy, ở nhà không có tiền nhưng có thời gian nghiên cứu, suy gẫm, chiêm nghiệm, có thời gian viết nhiều hơn, có nhiều ý tưởng mới, nhiều

bài viết hay có giá trị hơn. Hơn nữa, dùng thời gian thất nghiệp này để nghỉ ngơi, xem như bảo dưỡng một cái máy mà nó còn phải hoạt động dài dài, chứ bắt nó chạy hết công suất hoặc hơn thế nữa thì có ngày nó sẽ rã ra thành phế liệu. Mà cái máy hư còn có thể dùng tiền mua lại cái mới được, chứ cái thân này mất rồi khó tìm lại được thân. Đức Phật đã dạy: “Nhân thân nan đắc, Phật pháp nan văn” (Thân người khó có được, Phật pháp khó được nghe). Dầu nằm trên đồng vàng mà bệnh tật hành thân hành xác, tâm tư khổ não thì của cải có ý nghĩa gì đâu? Cả đời bận bịu với cuộc mưu sinh, quần quật suốt tháng quanh năm, lao tâm khổ trí, nhọc hình hài chỉ để kiếm ra tiền, mà tiền đâu thể mua được sự thanh thoi, tiền đâu mua được sức khỏe, và nhất là tiền không mua được thân mạng. Nếu dành trọn cả đời cho cuộc mưu sinh thì quả là uổng phí. Được làm người, một cơ hội quý báu, nếu dành cả cuộc đời cho việc tìm cái ăn cái mặc thì thật vô vị, chỉ có thể nói là tồn tại chứ không là sống. Con người khác với các loài động vật khác ở chỗ biết làm cho sự sống có ý nghĩa. Vì thế phải làm điều gì đó có ích cho bản thân và cho cuộc đời. Hơn nữa, sau đời sống này vẫn còn đời sống khác nữa. Thân thể trở về cát bụi nhưng phần tinh anh, nghiệp thức vẫn còn. Mọi sự vật hiện tượng đều biến dị, từ dạng này sang dạng khác chứ đâu mất hẳn hoàn toàn, đâu trở thành hư vô. Bị cuốn theo dòng xoáy cuộc đời, đôi khi con người quên bằng những điều này, cũng may còn có lúc dạt ra khỏi dòng xoáy ấy - như tình trạng mất chỗ buôn bán của tôi chẳng hạn - con người mới có thời gian nhìn lại mình, mới có thời gian bình tâm để mà nhìn cuộc đời bằng con mắt trong trẻo hơn. Xem ra việc mất chỗ buôn bán của tôi cũng không hẳn là mất.

Chuyện được mất đôi lúc khó nói lắm. Bởi vậy khi buôn bán dặt tôi cũng không mừng, khi buôn bán ế tôi cũng không nặng lòng cho lắm. Buôn bán quá dặt chắc chắn sẽ có người nhảy ra cạnh tranh, giành giật khách hàng, tìm cách quấy phá. Những ai thuê mặt bằng buôn bán còn có khả năng bị lấy lại mặt bằng, vì chủ cho thuê động lòng tham khi thấy người thuê buôn bán phát đạt. Họ lấy lại mặt bằng rồi nhảy ra buôn bán mặt hàng mà



mình từng bán tại đó, số khách hàng của mình bấy lâu nay cũng trở thành của họ. Thời buổi con người háms lợi thì miếng mồi ngon luôn là đối tượng bị tranh giành. Tôi vốn không quen lối sống tranh giành chộp giật. Buôn bán ế tuy không có được nhiều tiền nhưng khỏi phải bận tâm lo, có thể duy trì lâu dài, yên ổn. Tôi đâu mong làm giàu, chỉ cần đáp ứng được các nhu cầu cơ bản của cuộc sống là đủ rồi.

Được hay mất? Điều này còn tùy thuộc vào quan niệm, nhận thức của mỗi người. Được cái gì? Mất cái gì? Cái nào quan trọng hơn? Có người xem cái này là quan trọng nhưng người khác lại không xem như thế. Nhìn sự việc ở phương diện nào, góc độ nào, đây cũng là vấn đề. Có khi do cách nhìn, cách nghĩ của mình mà nó quan trọng hay không quan trọng.

Người xưa hay nói, trong họa có phúc, trong phúc có họa, sự được, mất cũng như thế. Ví như dành dụm tiền mua được chiếc xe mới. Xe tốt thì chạy ít hao xăng, không hư hỏng lặt vặt, sử dụng an toàn hơn. Nhưng từ khi mua chiếc xe mới rồi thì ăn ngủ không yên vì sợ kẻ trộm. Chiếc xe chỉ đáng giá mười mấy triệu, không phải là số tiền to, nhưng đối với một lao động nghèo như tôi thì dành dụm chắt chiu lâu lắm mới có. Mất chiếc xe thì lấy gì làm chân đi lại, đâu thể đi bộ gần 20 cây số đến chỗ làm. Căn phòng trọ chật hẹp, ban ngày phải để xe ở ngoài, mặc dù đã khóa cẩn thận nhưng vẫn không yên tâm mà làm việc, lâu lâu phải để mắt xem chừng. Mang chiếc xe mới đắt tiền đi đâu cũng bất an vì sợ bị đánh cắp. Rõ là trong cái được có cái mất chẳng sai.

Trước kia mỗi lần nghĩ về mình, tôi buồn bã và chán nản lắm. Từ nhỏ tôi đã sống chung với bệnh, bây giờ cũng chẳng khá hơn, đau ốm liên miên, ngày nào cũng uống thuốc. Hiếm khi tôi có được một giấc ngủ sâu, một bữa ăn ngon miệng, hiếm khi tôi có được một trạng thái tinh thần phấn chấn. Không có niềm vui vì bệnh tật hành thân hành xác, không làm được việc gì cả, cuộc sống hết sức nhạt nhẽo, vô vị đến mức tôi chẳng thiết tha bất cứ điều gì. Nhưng rồi nhờ trải nghiệm nhiều những gian khó trong cuộc đời mà tôi "trưởng thành" hơn, "khôn lớn" hơn; mà có khi sống lâu, tuổi cao nhưng chưa chắc đã trưởng thành! Nhờ "thân chứng" sự thật về khổ mà tôi giác ngộ được bản chất cuộc đời, bản chất kiếp nhân sinh. Tôi nghĩ, nếu tôi không rơi vào hoàn cảnh bệnh tật, nghèo khó, cuộc đời không lắm nỗi thăng trầm, liệu tôi có tiếp cận Phật pháp hay không? Thật là khó đoán. Biết đâu giờ đây tôi còn mãi mê trong vòng tranh danh đoạt lợi, buông mình trong xa hoa trụy lạc, lối sống bê tha. Như thế thì nỗi khổ mà tôi mang rất có ích.

Cho nên đối với lẽ được, mất cần bình tâm không dao động. Sự đời vô thường, thay đổi khôn lường, đó là quy luật, chỉ khi nào giữ được sự bình thản trong tâm hồn trước mọi biến cố thăng trầm, được mất thì chúng ta mới có được niềm an vui nội tại. ■



“Trong như tiếng hạc bay qua...”

HUỲNH VĂN

Đồ chơi trẻ con xưa đã vắng bóng. Đó là một cuộc chia tay “một đi không trở lại” với chúng ta.

Đồ chơi của trẻ con làng An Định, hồi cách nay vài ba thế hệ, có thể chia thành mấy nhóm:

Nhóm tạo tiếng

Tiếng súng: Súng gồm một ống trúc làm thân, có một thanh trúc vót tròn làm ống thụt, giống như cái pít-tông, bắn “đạn” trái nổ hái ngoài bờ rào, hoặc mảnh giấy nhai ướt, vò viên to bằng trái nổ, nhét chặt vào nòng súng. Khi bắn, ống thụt đẩy viên đạn ra khỏi nòng là có được tiếng nổ nghe *đùng*; súng này chỉ bắn phát một.

Lại có ống thụt nước không gây tiếng nổ mà vẫn gọi súng, súng nước. Súng cũng có hai bộ phận nhưng phần pít-tông cần khít với vỏ súng. Lắp “đạn” là kéo pít-tông để hút nước, bắn là đẩy mạnh pít-tông, cho nước vọt mạnh vào “kẻ địch”.

Súng liên thanh là súng bẹ chuối chẻ dọc làm 3 phần, cầm lặc, bẹ chuối đập vào nhau *tạch... tạch...* liên thanh. Lũ trẻ con xóm Miếu Tây cái, bảo cái này gọi là pháo liên thanh thì đúng hơn, vì súng thì phải nhằm mà bắn.

Tiếng trống, đàn, kèn: Trống phất da ếch, hoặc bong bóng lợn... Cắt ống tre dài chừng 20 phân làm *tang trống*. Phất một mặt hay cả hai mặt cắt của tang trống, đoạn đem phơi nắng. Khi trống khô thì mặt trống căng ra, cầm dùi gỗ, trống kêu *tu...m...tu...m...* Cần chú ý phất mặt trống thật căng, cho tiếng trống giòn, nhờ mặt trống dòn thì tiếng trống *nhão* là không hay. Tôi có lần *phải dai*, sáng ngày ngủ dậy, thấy mặt trống dòn, nòn nóng đem hơi lửa để kịp mang theo đến trường đựng thì đấu với bọn cùng lớp. Bị lửa, mặt trống phồng lên, nổ *bụp*, thế là “*trống thủng khó hàn*”.

Trống rung giống như cái kính lúp ở phòng thí nghiệm, phất giấy bóng hoặc da ếch hoặc bong bóng lợn, đeo hai bên tang trống hai viên đất sét lớn bằng hột đậu xanh (hoặc vài hột cơm khô) bởi một sợi dây chỉ mảnh. Khi chơi, đặt cán trống giữa lòng hai bàn tay mà xe tròn, trống

rung kêu *rinh... rinh... rinh* do va đập hai viên đất sét vào hai mặt trống. Hễ rung mạnh thì nhịp trống nhanh, tiếng kêu to, rung yếu nhịp chậm, kêu nhỏ. Tết là mùa của trống rung, nhà có trẻ con là có tiếng trống rung *rinh... rinh... rinh*. Có được như vậy là nhờ trong xóm, trong làng có nhiều nhà làm lợn ăn Tết, ném cái bong bóng lợn ra cho trẻ con làm trống rung.

Bạn hàng xóm của tôi có mấy đứa là con cái nhà thợ mộc. Chúng làm được cây đàn thập lục trên lưng nửa ống tre khô chẻ dọc; cũng làm được cây đàn nhỏ, cây sáo trúc. Chúng còn có sáng kiến bứt đuôi ngựa để làm sợi dây kéo đàn cò, cho được tiếng đàn mà anh Hai Trí (học College Quy Nhơn) mỗi lần về, nghe được đều khen: “*Trong như tiếng hạc bay qua*” (Thơ Kiều – Nguyễn Du).

Kèn dứa, kèn lá chuối được nhiều chú bé chơi say mê lắm. Loa kèn to, thổi tiếng to. Nhiều nhóc cứng chơi nghịch, lén kê loa kèn vào tai người lớn mà thổi mạnh, cho giật mình, điếc tai để có dịp thích chí cười, dẫu cho có lần bị chụp tay, véo đau một cái.

Có đứa trẻ nhỏ nào chẳng thích âm thanh? Rạp hát Cửu Ba trong làng, cứ chiều về rao quảng cáo đêm hát. Kê trống trên cổ xe ngựa, chạy rao khắp làng với đám trẻ nhỏ bầu theo tự nguyện đánh trống: *bùm cắc bùm, cắc tang...* Thế là chủ rạp mừng lắm, vì không cần phải thuê người đi rao quảng cáo. Mỗi lần, hương chức làng cho xả *phèng la: phèng... phèng...* gồm ba hồi chín tiếng để gọi phu phen làm tạp dịch, liền có trẻ nhỏ đến vây lấy, nhận dùi đánh thay chú Mỗ.

Nhóm tạo hình

Dùng đất sét mà nặn các con vật. Nặn voi thì chú ý cái vòi, lấy cọng cỏ may làm ngà; nặn trâu ráng vuốt cặp sừng cho cong, nhọn; ngựa thì lấy râu bắp hoặc tước lá chuối dán lên làm bờm, làm đuôi, cắt mo nang làm yên; gà vịt thì bẻ chân nhang làm chân. Két, nhồng, sáo, cưỡng... con dang cánh thì cột dây chuối treo, con đậu thì đứng trên đôi chân cũng nặn bằng đất sét.

Nặn cối xay bột, cối giã gạo, chậu, thau, ông táo, hũ bưng binh... bằng đất sét. Những “tác phẩm” này để



Ảnh: Đặng Đức Cường

ngắm chơi mà cũng để làm *đồ hàng* chơi buôn bán. Nhiều chú nhỏ cũng thích thú chất hộp quẹt diêm thành ngôi nhà gạch, đặt trước cửa con chó đất sét giữ nhà, con gà cổ đất sét rướn cổ mà không gáy lên tiếng...

Cũng dùng giấy để thả con chim, chiếc thuyền, chiếc tàu bay... Chơi thuyền giấy thì thả xuống dòng nước mưa trong sân mà vỗ tay *hò khoan*... *ừ ư khoan hò*... Chơi tàu bay giấy thì leo cao, ném lên trời, cho tàu bay đảo qua đảo lại, nghiêng cánh nhòm mấy lượt, rồi đậu xuống đất "an toàn" như có phi công lái, nhẹ như một chiếc lá khô rơi.

Nhóm "cơ khí"

Chỉ cần một đoạn trúc thẳng, dài chừng 1 mét, làm cán, kẹp một trái vòng đồng khô làm bánh xe là có được một cỗ xe đẩy đi chơi khắp xóm.

Một hôm, thằng Tí bảo, còn phải có chiếc xe hòm kín, như xe của ông Đốc học hôm lái về thanh tra trường An Định. Vậy là tôi và Tí đã ra bờ sông đào đất sét để nặn xe hòm. Nặn hòm xong, chọn mảnh chai trắng làm kính xe, lấy bốn đồng *xu lữa* (tiền Đông Dương bằng kim loại đồng) làm bốn bánh xe. Thế là hai thằng Cu đã "sản xuất" xong và "xuất xưởng" sớm một chiếc ô tô con, rồi thay phiên nhau "lái" đi chơi.

Nhóm ngẫu hứng

Trẻ xóm Miếu Tây, xóm Miếu Nam lân cận, hôm nào tụ họp được năm bảy đứa thường không khỏi bày cuộc chơi. Chơi hát bội, tức thì chằm mũ lá mít, lá xoài, dán râu ngô (giá như có mặt nạ bây giờ) thương giáo là cành tre, cán trúc vạt nhọn, chuốt láng, (chứ có đầu đồ chơi súng gươm gắn mắt điện tử, chạy pin của trẻ con thời nay). Hòn bi ve hiếm lắm, cái quả bóng tròn làm gì có. Trẻ con làng An Định muốn có hòn bi chơi thì nặn đất sét; muốn có quả bóng tròn thì làm banh quả bưởi, banh nhồi rơm ràng rịt chặt chĩa bằng dây chuối. Các "cầu thủ" ôm "banh" ra sân, chia hai đội, đá... *bịch bịch*... không hề có cú banh bổng. Cũng có trọng tài thổi còi lá dứa cho trận đấu. Bé gái bắt chước chị đeo bông tai hoa ổi tàu; nhẵn cổ chỉ, cổ gà; bé trai không chịu thua, "lên đời" đeo cà rá, đồng hồ, kính râm, kính lão lá dứa. Nhiều bữa, khách đi trên đường

làng, thấy lũ nhỏ sắp một hàng dài trước gió nồm rộ. Mỗi đứa đưa một chong chóng dứa ra gió, chong chóng quay tít, cười thích chí lắm. Máy chú mê chơi vụ, tìm khúc gỗ *bỏ lồi* (có tiếng u dài) ngồi tần mẩn đẽo gọt cho thành một cái vụ, rồi thả vụ trong túi quần với vẻ hí hửng, chờ *phen* chơi thi với bạn "cho rõ mặt anh hào".

Trẻ nhỏ hồi xưa khan hiếm đồ chơi lắm, cho nên gặp cán chổi, tàu cau, bẹ chuối, cán cuốc, cán trang... thì tay cầm, dứt thót lên (kẹp vô háng), làm kỳ sĩ ngồi lưng ngựa, thúc ngựa phi nước đại, hết trong sân ra ngoài ngõ. Mỗi năm cứ đến tháng Chạp, các thợ thủ công vùng thành Hoàng Đế, làm đồ chơi: cái trống rung bịt giấy bóng, sơn tang đỏ; con cò trắng đậu trên cành trúc vàng, con gà cổ đất sơn vôi trắng, gắn lưới gà ở đít, để kê miệng thổi, gà gáy ó o o... Hàng đó đem bán ở các chợ Tết. Nhưng đa số trẻ con tự làm lấy đồ chơi. Anh em nhà tôi, mỗi lần đến Tết Nguyên đán thì nặn đồ hàng bằng đất sét, làm đèn xếp; Tết Trung thu, làm đèn trái ấu bằng khung nan tre, phất giấy gương ngũ sắc.

Trẻ con ngày nay, nhất là trẻ ở các thành thị, có cả một kho, một núi đồ chơi ở trong nhà. Những đồ chơi ấy phong phú đề tài, đa chủng loại, tự động, chạy pin, chạy dây cốt, được sản xuất trong những nhà máy công nghệ hiện đại, và phần lớn nhập từ nước ngoài. Hàng xóm tôi, có cặp vợ chồng trẻ hôm nọ mua cái bong bóng kỳ lân với giá 100.000đ cho quý tử chơi. Chơi mười phút, bé hò, bong bóng xì hơi, bị ném trên nền nhà, bẹp như cái bánh tráng nhúng. Có ông nội hôm đi siêu thị mua cho thằng cháu *đích tôn* cái banh nhựa, to bằng trái banh da thật ở World Cup. Cả tháng rồi, ngày mấy bận đều đặn, thằng cháu vẫn một tay ôm banh, một tay kéo ông nội ra *sân nhà*, để ông cháu *chuyên bóng*, sút bóng cho nhau.

Chuyện trẻ con hồi xưa chơi đồ chơi, chắc ngàn, vạn làng không khác mấy làng An Định của tôi. Xưa, ông cha, và cả thế hệ chúng tôi (nay đã đầu hai thứ tóc) sống tuổi thơ của mình thiếu thốn, nghèo nàn, lây lất quá! Chẳng biết đầu óc của những ông Hai Lúa nổi tiếng thời nay có phải được sinh ra và nuôi dưỡng từ hồi xưa đó không? ■



Ăn chay ở Cần Thơ

Bài & ảnh: TRƯƠNG THANH LIÊM

Khác với trước đây, hiện nay ngay cả những người không theo đạo Phật ở thành phố Cần Thơ cũng đã có chiều hướng thích ăn chay trong bữa ăn hàng ngày. Có khá nhiều buổi tiệc mà chủ nhà đãi khách hoàn toàn bằng các món ăn chay.

Chị Diệp Hạnh hiện đang công tác tại một công ty thiết kế xây dựng cho biết "... ăn chay vừa ngon vì thay đổi khẩu vị vừa yên tâm vì thức ăn có nhiều chất dinh dưỡng và rất lành, không chóng ôi thiu; vậy là cả nhà cùng ăn chay xen kẽ với các bữa ăn bình thường...".

Điều đáng chú ý là nhiều bạn trẻ, trong số đó có các vị công chức trẻ và nhất là học sinh, sinh viên... cũng bắt đầu làm quen với những món ăn chay lạ lẫm, vừa ngon miệng lại vừa phù hợp với điều kiện kinh tế của mình.

Em Trương Hoàng Ngân, sinh viên Trường Đại học Cần Thơ vui vẻ kể "... mới đầu chưa quen nên em cảm thấy ăn chay hơi nhạt miệng, nhưng đã được biết về lợi ích của việc ăn chay thì em cứ cố tập dần. Giờ thì em rất thích ăn chay do các món chay cũng phong phú; em cũng đã học được nhiều cách chế biến nhanh gọn, lúc rảnh rỗi thì em tự nấu nướng ngay tại ký túc xá; khi bận, em có thể ghé các quán ăn chay đã được mở nhiều hơn, cũng hợp với túi tiền của mình và tiện lợi về thời gian...".

Hiện tại trên địa bàn Cần Thơ đã có khá nhiều quán ăn chay được nhiều người biết đến như: quán Cường ở số 09 đường Đề Thám, quán chay chùa Thới Long, các quán chay trên đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, ở đại lộ Hòa Bình, ở đường Nguyễn Thái Học... Ngoài ra, trong các chợ quận, huyện như ở Phong Điền, Ô Môn, Bình Thủy, Cái Răng... đều có mở những nơi bán thức ăn chay.

Vào những lúc cao điểm như trong các ngày 14, rằm, 29, và 30 âm lịch hàng tháng, số người đến các quán chay tăng lên rất cao, có lúc các quán ăn không đáp ứng được hết nhu cầu của người dân. Vào các dịp lễ lớn như: lễ Phật đản, lễ Vu lan báo hiếu, các ngày rằm tháng Giêng, tháng Bảy, tháng Mười thì có thể thấy tất cả các quán đã không

còn đủ sức chứa. Nhiều người đã chọn phương án nấu chay tại nhà riêng hay vào dùng bữa chay ở các chùa.

Cũng có một nhu cầu thực sự là việc học cách nấu những món chay. Nhiều người cho biết rất muốn tham gia các chương trình dạy nấu ăn, chế biến các loại thức ăn chay nhưng chưa được đáp ứng. Hầu hết họ chỉ được những người đã quen nấu ăn chay chỉ bày theo kinh nghiệm riêng. Một thực tế khác là số lượng những người nấu ăn chay chuyên nghiệp ở Cần Thơ hình như không nhiều.

Theo chủ nhân các quán ăn chay lớn tại Cần Thơ thì nhu cầu về thực phẩm chay ngày càng tăng; ngoài ra, thực khách cũng có những yêu cầu thay đổi thực đơn. Vì vậy, ngoài các món ăn truyền thống như: cơm, cháo, hủ tiếu, mì, phở,... các quán còn phải chế biến nhiều dạng, nhiều loại thức ăn khác nhau như: tàu hủ ky quay, gỏi tuyệt nhĩ, mì trộn nấm đông cô, sữa chua cuốn xốp, bún tàu kho tương, lẩu thập cẩm, canh rong biển...

Để phục vụ cho những người muốn tự nấu cơm chay tại nhà, các quán còn cung cấp các loại thực phẩm khô đóng gói được trình bày bắt mắt và hợp vệ sinh, tiện lợi cho những người thích ăn chay cả gia đình mà không muốn kéo nhau ra quán.

Đến nay, ăn chay không còn là một biểu hiện thuần túy về tôn giáo. Mọi người đã nhận biết được những lợi ích của việc ăn chay. Về mặt cá nhân, ăn chay dễ tiêu hóa nhưng cũng mang lại đầy đủ chất bổ dưỡng cho cơ thể, và với cách ăn chay đơn giản thì ăn chay tiết kiệm được chi phí thực phẩm đáng kể cho gia đình. Về mặt cộng đồng, ăn chay góp phần vào việc duy trì sự quân bình của hệ sinh thái, người ăn chay cũng lần lượt trở nên từ hòa hơn, góp được phần vào việc duy trì một cuộc sống hài hòa trong xã hội.

Chắc chắn ngày càng có nhiều người quen với việc ăn chay, nhất là khi đã có nhiều nghiên cứu cho thấy việc ăn chay còn có tác dụng trị liệu và làm tăng tuổi thọ. Có thể nói ăn chay là một cách thể hiện mình biết quý trọng cuộc sống của chính mình. ■

Lớn lên cùng những ước mơ

NGÔ THI HUONG QUẾ

Ước mơ của mỗi người thường thay đổi theo thời gian. Mỗi giai đoạn trong cuộc đời người ta lại nuôi một ước mơ và từng thời điểm những chi tiết của ước mơ đó cũng có thay đổi. Và cứ như thế ước mơ theo chúng ta lớn dần lên cùng năm tháng.

Thuở thơ bé, ước mơ của trẻ em thường giản dị nhưng mang nhiều ý nghĩa. Cuộc sống thiếu thốn và đói rách khiến trẻ em nghèo ước áo mới và những cái kẹo xanh đỏ. Bởi khó khăn, cùng cực người ta chỉ ước sao có cơm no áo ấm.

Những trẻ em nhà giàu với cuộc sống đủ đầy hơn thì ước những món đồ chơi đắt tiền như ô tô, máy bay, các hình mẫu siêu nhân... trong những cửa hàng sang trọng. Nhưng đôi khi chúng chỉ ước được bố mẹ dẫn đi chơi chứ không phải là cô giúp việc...

Lúc học cấp một hầu như em học sinh nào cũng ước sau này mình sẽ làm cô giáo, thầy giáo vì bấy giờ hầu như lúc nào thời gian ở trường cũng chiếm gần hết ngày sinh hoạt của đứa trẻ. Được nói chuyện, được tiếp xúc nhiều với thầy cô nên nghiêm nhiên thầy cô trở thành thần tượng của hầu hết học sinh. Ước được làm thầy cô giáo để được quyền uy, được tự hào như cô khi đứng trước bao cặp mắt xoe tròn ngày thơ đang lắng nghe như nuốt từng lời giảng...

Lên cấp hai ước mơ cũng nhiều hơn, bắt đầu có nhiều nhu cầu, ước mình học giỏi, ước mình có nhiều quần áo đẹp, cao hơn một chút, xinh hơn một chút...

Hình như càng lớn ước mơ cũng lớn dần theo, nhưng ý nghĩa thì có lẽ không được sâu sắc như lúc bé.

Cấp ba là lứa tuổi bắt đầu "phát sinh" ước mơ nhiều nhất và cũng có nhiều ước mơ vô lý nhất. Đang tuổi mới lớn, ước mình được như bạn này, bạn kia, ước mình không bị ba mẹ quản thúc như đứa trẻ nữa, được tự do làm theo ý của mình. Ước gì bạn ấy thích mình, chú ý đến mình; hình như ước mơ này là phổ biến nhất. Thế nhưng cái ước mơ "to lớn" nhất là thi đậu vào trường đại học chắc chắn là ước mơ có ý nghĩa nhất thì lại bị lơ là vì ham chơi và mơ mộng mà không chịu thực hiện.

Rồi một ngày kia sau bao khổ luyện dùi mài kinh sử cuối cùng kẻ có ước mơ cũng được trả công xứng đáng



bằng việc thi đậu đại học. Cuộc sống xa nhà mang nhiều màu sắc mới, nhen nhóm nuôi dưỡng ước mơ sau khi tốt nghiệp có được công việc ổn định ở nơi kẻ ấy từng thầm ngưỡng mộ, có một gia đình hạnh phúc... Cứ thế, cuộc sống với nhiều ước mơ màu hồng luôn luôn có mặt trong tâm tưởng con người.

Thế mà... Ra trường, xin được việc làm tại công ty có tiếng từng mơ ước. Làm đúng chuyên môn yêu thích đã được đào tạo suốt bốn năm lao tâm khổ tứ miệt mài tại trường đại học, cứ tưởng cuộc sống sẽ an nhàn... nhưng rồi ước mơ lại khác đi... Bởi khi trưởng thành, có một mái ấm nhỏ của riêng mình, người ta lại trần trở với bao lo toan bộn bề của cuộc sống như chăm sóc gia đình, nuôi con nhỏ, lương thưởng, rồi lại bảo giá, tết nhất đến nơi... Đôi lúc "ngọt ngọt" lại mong ước được được trở về tuổi thơ như cô bé con hôm nào rong chơi thoải mái vô tư lự mà không phải vướng bận những nghĩ suy...

Ước mơ cũng còn mang ý nghĩa ham muốn. Với những ước mơ thăng hoa, người ta có thể coi đó là những ham muốn chính đáng. Đó là khi ta ước mơ có một nhân cách ngày càng hoàn thiện hơn, có một cuộc sống ngày càng ý nghĩa hơn, có điều kiện để giúp đỡ được nhiều người hơn cho cuộc sống quanh ta luôn là một cuộc sống tươi đẹp. Nhưng nếu không có những mơ ước thăng hoa đó thì có khi chỉ có những ham muốn không chính đáng. Và khi ta không biết đủ, thì ngay khi đã đạt được điều này ta lại có những ham muốn khác, ngày càng đẩy ta đi đến chỗ khắc khoải thực hiện mọi ham muốn, khiến ta mãi khổ đau và có thể đi đến chỗ sa đọa.

Khi cánh cửa một ngày mới đang hé mở, mong cho mỗi chúng ta đều thực hiện được ước mơ thăng hoa của mình, để hoài bão cùng hạnh phúc ngọt ngào sẽ chấp cánh cho chúng ta bay cao hơn trong cuộc đời. ■



KHOẢNH KHẮC MONG MẠNH

NGUYỄN THỊ HẢI

Trời xanh

Thằng bé bốn tuổi của tôi vấp té khi đang chơi ngoài ngõ. Tôi và nó chơi với nhau cùng đợi cha nó đi làm về. Buổi chiều xanh xanh trên vòm trời và cả trong không khí. Cái chỗ nó nằm té cách tôi chừng mười bước chân, bên cạnh nó có chậu hoa giấy ra hoa màu trắng, màu trắng rậm hết cả cây tạo thành một lùm tròn tròn. Tôi cầu mong nó đừng khóc. “One, two, three”, tôi đếm thầm, nhưng nó quả không khóc thật. Tôi đi từng bước tới chỗ nó, cúi nhìn nó nằm bất động với đôi mắt mở to đen ánh. Nó đang nhìn một đàn kiến chạy thành hàng dưới chân chậu hoa giấy và thở đều đều. Tôi biết rằng nó ổn nên tôi đứng dậy và trong khi chờ nó thôi nhìn bọn kiến, tôi ngửa mặt lên trời gạt những vạt mây trắng mỏng sang hai bên để mức uống từng hớp trời xanh sâu thẳm.

Thời khắc

Phòng học trên lầu hai khu F nhìn ra vùng đất đá mờ bụi, nắng úa và cỏ hoang. Những chiếc xe tải chở đá chạy lên chạy xuống, những người thợ chẻ đá giờ búa, gió xô dạt trên những bãi cỏ, chim chóc bay ở lưng trời. Khung cảnh ngoài ấy mênh mông chìm lắng. Mọi âm thanh vọng lại đều mơ hồ, như bị hàng rào kẽm ngả nghiêng phía dưới ngăn lại. Lúc đó là ba giờ chiều. Vì

giáo sư môn Mỹ học đại cương ngồi giảng qua micro cái cao cả, cái bi, cái hài bằng chất giọng của vùng Nghệ An Hà Tĩnh. Mồ hôi tôi toát ra trên mặt và trán, tóc mai ướt đẫm. Gã bạn bên cạnh chống tay ôm trán, lặng thinh ghi chép. Vị thầy cũng đang trong tình trạng đổ mồ hôi rất dữ, vùng ngực áo và trên vầng trán hói rộng bóng loáng có thể nhận thấy được rõ ràng. Cơ hồ thầy càng nói thì càng đổ nhiều hơn. Dường như mỗi lời nói trong bài giảng của thầy bị thực tại ì trệ và chói gắt này nuốt chửng. Chúng tôi phải vật lộn với nó để duy trì tiết học kéo dài bốn mươi lăm phút. Tôi cảm tưởng không khí xung quanh như khối nham thạch đang in lấy những mẫu vật sống hòng vĩnh cửu hóa khoảnh khắc này. Tôi cố nắm bắt từng lời thoát ra từ thầy giáo, xác định chúng ở khía cạnh cú pháp và ngữ nghĩa rồi ghi lại vào cuốn vở kẻ ô như học sinh tiểu học. Một giọt mồ hôi rớt tong xuống mặt vở, tôi nhìn nó nhòe ra trên những con chữ định mệnh. Ba giờ chiều là thời khắc mòn mỏi, gắng sức và dễ hỗn loạn thần kinh. Thời khắc đóa phù dung chuyển sắc đỏ bầm, Lâm Đại Ngọc rơi lệ ở Tiêu Tương quán, Hamlet tồn tại hay không tồn tại, Roméo-Juliette tái hợp ở thiên đàng, Molière cười giễu, Thúy Kiều đem tình cầm sắt đổi ra cầm kỳ. Những con người bị tước đoạt mất vẻ thuần túy, chỉ còn là những biểu tượng với

vợ trong những phạm trù mỹ học lãnh đạm như một ông thầy già nua. Gã bên cạnh vẫn một mực ghi chép. Tập vở của tôi không ghi thêm được một chữ nào sau lúc giọt mồ hôi rơi xuống. Một lần nữa trong suốt giờ học tôi nhìn lảng ra ngoài. Vùng đất bên ngoài ấy dần trải mệnh mỏng đến tận đường chân trời.

Như tôi đứng đó

Bây giờ tôi tắm rửa và leo lên giường nằm, bộ quần áo đi làm máng ở góc phòng, vì một xui khiến nào đó tôi bỗng chú ý đến nó, nó lặng yên mặc tôi nhìn và nó cũng bắt đầu nghĩ ngợi. Một sự tĩnh lặng tỏa ra từ nó. Nó có dáng vẻ một người đàn ông ba làm tuổi. Nó là tôi cách đây mười phút trở về trước. Bụi đường và toàn bộ cuộc sống của tôi kí thác lên nó để tôi có thể thoát ra với một thân xác hồi tỉnh, sạch sẽ. Nó quá mỗi mệ, tôi nhủ. Những ống tay áo và ống quần thả xuôi rũ rượi. Nó ngủ im lìm sau một ngày bốn ba. Nó khiến tôi trần trọc. Nó như một tự sự trung thực và phản ánh chân xác nhất về tôi. Bây giờ tôi có thể ngủ vui trong chăn với tấm thân đã được tắm rửa, còn nó thì không. Nó vĩnh viễn đứng đó, như chính tôi đang đứng đó. Tôi nhìn một lúc rồi phủ chăn lên mặt, tôi sẽ ngủ như loài vật thoát xác, sáng mai tôi sẽ chui vào lại cái lột của mình.

Ngày mới

Người anh đánh thức người em. Dậy mau, mau, cứ ngồi ngay dậy, đừng suy nghĩ gì cả. Nào, đi đánh răng rửa mặt rồi ăn sáng, hôm nay chúng ta sẽ mệt lắm đây. Năng tung bùng, gió lồng lộng. Ra đây chúng ta sẽ

được giải thoát. Nhanh, nhanh, đừng để thừa ra một giây nào cả. Hôm nay chúng ta làm đất, ngày mai gieo hạt, ngày mốt tưới nước, nhật cỏ, ngày nào cũng có lắm việc để làm. Thế chính là cuộc sống.

Người em cười. Nụ cười trẻ trung. Bắt chước người anh, người em nói như hát, khuôn mặt chưa kịp lau ráo nước. Anh, ẹ lên, căn phòng của chúng ta thật đáng sợ, chúng ta phải mau thoát ra đồng. Năng sẽ cứu anh, cứu em. Chúng ta lao lực đổ mồ hôi sôi nước mắt. Cây sẽ mọc lên, hoa sẽ nở ra, anh được đến bù, em được chứng minh, chúng ta tồn tại.

Hai anh em chia tay nhau ở ngã tư. Anh đến công sở X, em đến trường đại học Y. Hôm đó trời không nắng mà mưa. Lại là mưa dầm u ám. ■



CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2011

Ban Biên tập Văn Hóa Phật Giáo đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2011, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo Văn Hóa Phật Giáo đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

- | | | |
|---|---|---|
| PT. Quỳnh Đình Nam : 100 cuốn/kỳ | Phật tử Phạm Thị Mỹ Loan : 5 cuốn/kỳ | BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ |
| Một độc giả : 81 cuốn/kỳ | Ô. Nguyễn Mạnh Hùng, | Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ |
| Ô. Lâm Hoàng Lộc, NS. Trí Tuệ | CTCP. ThaiHa Books : 5 cuốn/kỳ | Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ |
| : 50 cuốn/kỳ | Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ | Cô Kim : 1 cuốn/kỳ |
| Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 38 cuốn/kỳ | Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ | Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ |
| Ô. Phạm Văn Nga : 37 cuốn/kỳ | Thái Quang Hy : 5 cuốn/kỳ | Bà Đặng Nguyên Phương : 1 cuốn/kỳ |
| Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ | Anh Dũng : 5 cuốn/kỳ | Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 1 cuốn/kỳ |
| Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ | Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ | Ô. Võ Ngọc Toàn, Q. 7 : 1 cuốn/kỳ |
| ĐD. Thích Thiện Minh : 20 cuốn/kỳ | Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ | Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ |
| PT Chánh An & Chơn Hòa : 12 cuốn/kỳ | Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ | Thầy Hạnh Thông, TCPH ĐN : 1 cuốn/kỳ |
| Bà Phùng Kim Vy : 11 cuốn/kỳ | Chú Tiến, TP. HCM : 4 cuốn/kỳ | CTy Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ |
| Cô Nga : 10 cuốn/kỳ | Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ | CTy TNHH Thép Thiên Tâm : 1 cuốn/kỳ |
| Cô Cẩm Hà (USA) : 10 cuốn/kỳ | Bà Trương Thị Mai Anh : 3 cuốn/kỳ | Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ |
| PT. Tâm Hiến, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ | Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ | Cô Hồ Thị Phương : 1 cuốn/kỳ |
| Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ | Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ | Ô. Cao Dũng, Đà Lạt : 1 cuốn/kỳ |
| Ô Huỳnh Văn Lộc, Q. BT : 10 cuốn/kỳ | Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ | |
| Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ | Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ | |
| Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 10 cuốn/kỳ | BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ | |
| Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ | Chị Tuyên, | |
| Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ | CT TNHH Cơ khí Mè Linh : 2 cuốn/kỳ | |
| Phật tử Diệu Định : 8 cuốn/kỳ | Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 5 cuốn/kỳ | |
| Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ | Bà Kim Anh, Q. 2 : 2 cuốn/kỳ | |
| Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT : 5 cuốn/kỳ | Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ | |

Tổng số báo tặng kỳ này: 606 cuốn
 Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.**
 Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
Ban Biên tập



Hai tổ chim ri đã...

HOA SÀU ĐÔNG

Không biết từ bao giờ, cây nhãn già bao năm không ra quả trước nhà bà lão hàng xóm của tôi bỗng trở thành nơi ở lý tưởng cho lũ chim, đặc biệt là những chú chim ri. Loài chim này rất nhát người, hiếm khi chúng làm tổ gần nơi người ở. Tôi cũng chẳng hiểu tại sao chúng lại chọn cây nhãn già quanh năm xanh lá ấy làm tổ, nhưng có vẻ chúng rất thích thú nơi này. Tôi còn thường xuyên thấy chúng xà xuống sân mổ những hạt gạo do bà rắc cho chúng. Nhìn khuôn mặt húng khởi của bà khi thấy lũ chim riu rít nhặt từng hạt gạo mà lòng tôi bỗng quặn thắt. Một mình cô đơn trong ngôi nhà nhỏ, với bà, đàn chim ri đã trở thành những người bạn thân thiết của tuổi già...

* * *

Tôi nhớ, có lần bà đã rất lo lắng, cả ngày ngồi ngóng lên vòm cây xanh lá. Tỉnh thoảng bà lại chạy vào nhà lấy gạo rắc xuống sân cho chim ăn. Ngỡ bà bị lừa cảm, tôi hỏi thì bà kể: “Con không biết đấy thôi! Trên cây nhà bà có hai tổ chim ri đá cùng nở một ngày. Bà quan sát thấy mấy hôm đầu có hai đôi chim xuống sân kiếm ăn. Nhưng từ hôm qua, không hiểu sao chỉ còn một đôi chim xuống sân nhặt gạo. Lũ chim con thì kêu đói cả ngày. Bà nghi có chuyện chẳng lành, hỏi ra thì mới biết, lúc bà đi chợ vắng, bọn trẻ đánh bầy mất một đôi chim rồi! Bà lo lắng không biết rồi lũ chim con kia sẽ ra sao. Bà ra gốc cây ngóng lên trên xem lũ chim con ra làm sao. Tình cờ bà nhận ra đôi chim ri còn lại, mỗi con chui vào một tổ mới mỗi cho lũ chim con đang nháo nhác vì đói. Thương lũ chim con, thương đôi chim nhỏ, bà bắc thang lên cây



người mẹ đã vất kiệt sức mình. Mái tóc xanh ngày nào đã bạc. Khuôn mặt trái xoan ngày nào còn xinh tươi đã đầy những nếp nhăn. Và đôi mắt cũng đã mờ đục, tấm lưng đã cong rạp xuống...

Nuôi con vất vả một đời, chỉ mong con khôn lớn thành người. Nuôi con cũng chỉ mong đến ngày con đủ lông đủ cánh mà bay mà lượn. Và ước mong của người mẹ cũng thành hiện thực, hiện thực phũ phàng... Những đứa con của bà đã bay bằng những đôi cánh rất khỏe, khỏe đến mức chúng đã bay rất xa, không bao giờ quay lại cái tổ đã từng là nơi trú ẩn an toàn của chúng nữa. Chúng đã đi xây dựng cho mình những cái tổ mới, to đẹp hơn, quên mất ở cái tổ xưa cũ vẫn còn một người mẹ già đang ngày đêm mong mỏi những con chim con trở về...

* * *

Cha mẹ tôi mất sớm. May mắn cho tôi là khi cha mẹ mất đi cũng là lúc tôi đã đủ lông cánh để có thể tự bay lượn. Mặc dù tôi không muốn bay xa, tôi vẫn muốn được ngày đêm quán quýt bên cha mẹ. Nhưng, dường như cái nguyên lý Khổ đã tạo ra một quy luật của sự bất xứng ý bên cạnh sự trêu ngươi. Nó không chịu để cho bất cứ ai đầy đủ, bất cứ ai thỏa mãn. Nó luôn muốn con người ta phải thiếu để phải kiếm tìm, để phải quay quắt. Tôi muốn được ở bên cha mẹ để có thể ngày đêm săn sóc thì lại không còn cha mẹ để săn sóc. Người mẹ già kia muốn những đứa con của mình ở lại bên mình vui vầy thì chúng lại bỏ bà đi không một lần quay lại. Và cái nguyên lý ấy cũng không chịu dừng cuộc



định đem một tổ xuống nuôi, thì đôi chim kia cứ kêu gào thảm thiết, thế là bà lại thôi... Thấy chúng vất vả bay đi kiếm ăn, bà rắc gạo ra sân, rồi ngồi canh. Ngộ nhớ cho bọn trẻ con lại đến phá...". Vừa kể, nước mắt bà vừa lăn dài trên đôi gò má gầy nhẵn nheo. Nhìn đôi chim nhỏ bay lên bay xuống khoảng sân nhỏ, tất bật không ngừng nghỉ giữa trời nắng chang chang, bất chợt nước mắt tôi cũng chảy dài...

* * *

Cuộc đời bà rất vất vả. Chông mắt sớm khi tuổi đời còn rất trẻ. Bà ở vậy, thắt lưng buộc bụng, một nách nuôi hai đứa con nhỏ dại vất vả mũi còn chưa sạch. Tưởng như vậy đã là gánh nặng cho đôi vai gầy, vậy mà... Sự nhân từ của một người mẹ, lòng trắc ẩn của một người phụ nữ, đã đưa một đứa trẻ lang thang ở xó chợ về làm con của bà. Thời gian trôi đi, ba đứa trẻ ngày một lớn, người mẹ ngày một gầy đi. Đến khi cả ba tốt nghiệp, đi làm, rồi lập gia đình, cũng là lúc

chơi của mình. Nó khéo trêu ngươi lại để cho một đứa con mất cha mẹ ở bên một người mẹ bị con cái bỏ rơi. Nó còn cay nghiệt hơn khi để cho lũ chim ri đá chọn cây nhãn già quanh năm không bao giờ ra quả của bà lão làm ngôi nhà an toàn, để bọn trẻ con bắt mất một đôi chim bố mẹ đang nuôi đàn con nhỏ, để đôi chim bố mẹ còn lại động lòng trắc ẩn mà dốc sức nuôi đàn con mất bố mẹ. Nó để cho bà lão chứng kiến cảnh ấy để mà xót thương. Nó để cho tôi thấy cảnh ấy để mà lòng quặn thắt...

Đã có lúc, nhìn lên tổ chim trên cây, nhìn bà lão, nhìn lại mình, tôi thầm mong bà lão hàng xóm là mẹ mình. Tôi thầm mong mỗi khi đi làm về có một mẹ già như bà để hai mẹ con cùng quây quần bên nhau. Để bà có con. Để tôi có mẹ. ■



Trung thu, gợi nhớ những mùa trăng cũ

TRÀ KIM LONG

Đã thấy bánh trung thu bày bán từ sau ngày lễ Vu lan. Đến nay, đi trên đường phố, ngõ chợ nào cũng bắt gặp những cửa hàng đầy bánh với những thương hiệu nổi danh như Kinh Đô, Đồng Khánh... Những chiếc bánh trình bày thật hấp dẫn, dĩ nhiên, không rẻ tiền chút nào. Đi kèm với bánh trung thu là những chiếc lồng đèn đủ hình đủ dạng bày bán khắp nơi. Vậy là Trung thu lại đến nữa rồi.

Tôi đi trên đường phố Sài Gòn, đi giữa mùa Trung thu, chợt nhớ lại những mùa trăng cũ hồi còn ở quê nhà.

Thuở còn đi học, quê tôi mừng đón Trung thu thật vô cùng đơn giản. Không có những chiếc bánh thơm ngon. Không có những chiếc lồng đèn khác biệt. Người lớn chẻ những thanh nan tre đan thành hình ngôi sao năm cánh, phất giấy ngũ sắc thô sơ để “tặng” cho con cháu. Và hình như chỉ có trẻ con mới cầm lồng đèn đi chơi thành từng đoàn, từng nhóm. Người lớn không thấy có cảnh uống trà thưởng bánh ngắm trăng. Đêm thôn quê, trăng bàng bạc trải vàng trên ngàn cây nội cỏ. Ánh lửa từ những chiếc lồng đèn chập chờn tỏa ra hòa lẫn với những tiếng hồn nhiên vui cười của đám trẻ con đã vỡ òa cả đêm vắng.

Khi đã có gia đình, tôi thay người xưa chẻ nan tre làm lồng đèn cho các con. Màu mè khung vàng khung đỏ cũng chỉ là giấy ngũ sắc, cũng chỉ là hình ngôi sao năm cánh. Thêm vào mấy đường chỉ ngang dọc, mấy túm tụi treo nơi các đầu cánh đã là đổi mới. Bánh trung thu mua cho các con đơn thuần cũng chỉ là bánh ngọt rẻ tiền thường thấy.

Dần dần, Trung thu không còn là Tết dành riêng cho trẻ con nữa. Người lớn đã chen chân vào, chiếm

lĩnh cả sự hồn nhiên của tuổi thơ. Trẻ con trở thành phụ thuộc. Người lớn đã lợi dụng trẻ con để lấy lợi về mình. Bánh trung thu đủ loại hình tung ra thị trường. Lồng đèn đủ kiểu dáng hiện đại bày bán khắp nơi. Tôi lại cặm cụi làm lồng đèn cho các cháu. Không phải vì muốn ngoảnh mặt lại với trào lưu tiến hóa, mà vì bản thân không đủ khả năng để mua sắm. Tuổi già rồi thì còn làm được gì.

Tôi làm lồng đèn, nhưng không phải theo “bổn cũ soạn lại”. Tôi đã cải tiến bằng cách dùng lon sữa bò kết hợp lại mà thành.

Dùng dây kẽm cứng xuyên ngang qua hai đầu lon sữa bò, kết liền với một lon khác nằm dọc bên trên. Đầu dây kẽm buộc vào một thanh cây dài để nắm đẩy đi. Mỗi lần đẩy, chiếc lon bên dưới lăn tròn thì lon bên trên cũng quay theo tạo thành tiếng kêu lốc cốc nghe thật vui tai, đồng thời với ánh sáng phát ra từ chiếc đèn cây nhỏ xíu gắn bên trong, lung linh trông thật đẹp mắt. Các cháu tôi tha hồ đẩy lồng đèn đi chơi đêm Trung thu với bạn bè hàng xóm, không thấy đứa nào ao ước được có một chiếc lồng đèn thấp sáng bằng pin cả.

Sau này, tôi vào thành phố, các cháu tôi đứa lớn đã không còn ở lứa tuổi chơi lồng đèn nữa, đứa nhỏ chắc cũng chẳng chịu với chiếc lồng đèn bằng nan tre đan ngôi sao năm cánh phất giấy gương màu, nói chi đến lồng đèn bằng hai chiếc lon sữa bò kết lại? Thời xưa ấy chắc chẳng ai còn nhớ tới!

Ở thành phố, năm nào tôi cũng được ăn bánh trung thu. Những chiếc bánh đắt tiền, ăn miếng đầu thấy ngon, mấy miếng sau đã thấy ngán. Những lần như thế, tôi không sao quên được những mùa Trung thu xưa cũ ở quê nhà. ■



Hớt tóc chợ quê

TUÔNG LINH

Khi tôi đã là chú bé được cha mẹ cho đi hớt tóc thì tại chợ làng tôi có hai tiệm, một tiệm của ông Thơ và tiệm kia của ông Mười. Gọi là “tiệm” vì không tìm ra danh từ nào khác chứ cả hai ông đều hành nghề nhờ nơi gác hiên của tiệm buôn lớn. Sự bài trí tại tiệm của họ cũng rất đơn sơ: một chiếc ghế dựa cho khách ngồi, một chiếc bàn nhỏ phía trong có treo tấm gương soi lớn, trên bàn đặt những vật dụng linh tinh như tông-đơ, dao cạo, lược, kéo và nhất thiết phải có thêm cục đá mài để mài lại dao cạo.

Tôi thường đem đầu tới tiệm ông Thơ vì đây là một góc hiên tiệm buôn của cậu tôi. Ngồi chỗ này tôi được nhìn ra quãng sông rộng, đẹp, gió thổi lên mát rượi, bên kia là bãi cát làng ngoại của tôi.

Mỗi ông thợ nói trên đều có một cách riêng để câu khách đến với tiệm của họ. Như cái tên của mình, ông Thơ thuộc rất nhiều thơ, từ thơ Đường của Trung Hoa đến thơ luật Đường của Việt Nam, ông thuộc cả cuốn truyện bằng thơ như *Thạch Sanh*, *Lục Vân Tiên*... Khách ngồi vào ghế đưa đầu ra cho ông là được nghe ông “nói thơ” đến mãn cuộc.

Khách ở tuổi nào cũng thích thú khi cạo mặt xong được ông Thơ dùng cục phèn chua lớn thấm nước lã để xoa khắp mặt khách. Khách nhắm mắt để tận hưởng cái cảm giác rân rân trên mặt mình.

Ông Mười có biệt tài vừa hớt tóc vừa huýt sáo miệng nhưng ông không hề nhếch môi. Đến tận bây giờ tôi cũng không biết tại sao ông làm được như vậy?

Ông Mười kiếm đầu ra được chiếc lược có vòng tròn. Xong phần hớt tóc, ông dùng chiếc lược tròn ấy xoay khắp đầu của khách, tóc con bay tá lả, khách hưng phấn vì đầu đã ngứa.

Một lần vào ngày cận Tết, tôi đem cái đầu tóc rậm rạp quá thể đến tiệm ông Thơ, liền nghe ông than: - Đem qua, đứa xấu bụng nào đã rinh trộm chiếc ghế dựa kiếm cơm của tiệm ông, vậy con ngồi tạm trên ghế này.

Ông bảo tôi ngồi vào chiếc ghế dài ông mới mượn của ai đó. Đó không phải là ghế mà là một loại vật dụng

dùng để đội các bộ phận gỗ, bà con quê tôi quen gọi là “con ngựa”. Bề dài của nó chạm hết cả hai phía “tiệm”, không còn chỗ trống nào để đi qua.

Thấy nản quá, tôi định sang tiệm ông Mười nhưng kịp nghĩ, hành xử như vậy là không tế nhị nên đành ngồi xuống giữa “con ngựa” ấy và giao đầu cho ông. Ông Thơ nhấp nhấp chiếc tông-đơ thật điệu nghệ rồi bắt đầu đẩy một đường sát rạt trên đầu tôi và ông cũng bắt đầu “vỏ” thơ Lục Vân Tiên:

Trước đèn xem chuyện Tây Minh

Gắm cười hai chữ nhơn tình éo le

Ai ơi lẳng lẳng mà nghe...

Tới chỗ “ai ơi lẳng lẳng...”, ông vỗ vỗ đầu tôi như bảo lẳng lẳng mà nghe. Tôi còn biết làm gì khác nữa!

Miệng ông nói thơ, chân ông liên tục bước qua, bước lại chiếc ghế dài theo từng phía đường tông-đơ ông đẩy trên đầu tôi. Tôi thầm nghĩ rằng trên cõi đời này không thể còn có một cảnh hớt tóc nào kỳ cục và khổ sở cho cả bên thợ lẫn bên khách như thế!

Thời chín năm kháng chiến chống Pháp, đồng bào các vùng tạm chiếm tản cư lên làng tôi rất đông. Dân số làng tôi tăng đột biến. Trong mọi nhu cầu về đời sống của con người có khoản hớt tóc. Tiệm của ông Thơ và ông Mười quá tải. Giữa tình thế ấy, đầu chợ phía trong có mở thêm một tiệm hớt tóc bẽ thế. Tiệm này của chú Đặng cùng gia đình ở Hội An tản cư lên. Tiệm chú Đặng đầy đủ vật dụng, tông-đơ, dao, kéo toàn “made in Germany”. Chú Đặng vui tính lại hớt được nhiều kiểu mới. Ngoài kiểu húi cua, ca-rê, đờ-mi-cua, chú còn có kiểu rẽ ngôi tứ lục (bên 4 bên 6) hoặc song ngũ (5/5), khách lứa tuổi nào cũng rất khoái hớt tóc tại đây. Mặt ai có mụn còn được chú nặn cho. Những vị khách lớn tuổi càng nghiện tay nghề của chú Đặng, khi được chú bóp nắn hai vai và bẻ cổ nghe răng rắc...

Ngày nay chợ quê tôi đã thành thị trấn sầm uất. Các tiệm hớt tóc ở đây không thua gì các tiệm ở đô thị lớn cả về tay nghề lẫn trang bị. Chuyện hớt tóc chợ quê thuở xưa chỉ còn là một trong số những chuyện... vang bóng một thời. ■

Hạc vàng chuyển bến

NGUYỄN THỌ - BUI CÔNG TOA

Nguồn năng lượng
từ bi rải khắp
Vườn vô ưu hương ngát đạo vàng
Miền vạn hạnh
Người về chiêm bái
Tháp uy nghi
Dáng đứng vọng mùi phương.

Nhớ Ôn xưa dưới cội bồ đề
Mùa giông bão, cành cây rã rác gãy
Bảo đệ từ trời lên chống nạng
Băng bó vết thương như thể con người.

Tấm lòng hành giả thật tuyệt vời
Đến cả cỏ cây đều bình đẳng
Bao năm rồi hạc vàng chuyển bến
Cõi trần gian còn mãi tấm gương Ngài.

Bóng hạc chân mây

PHAN THÀNH MINH

Một vùng heo hút cỏ tranh
Lô nhô kiếp kiếp phù sinh vô thường
Mộ chồng phơ phất khói hương
Chân mây bóng hạc vô phương kiếm tìm

Biển đau một nỗi ba chìm
Đất đau vạn vạn nỗi niềm thương tang
Cũng người trần tục thế gian
Mà sao mẹ phải gian nan hơn người

Bao nhiêu cơ cực trên đời
Bao nhiêu cay đắng ngậm ngùi xót xa
Cũng là yếu liễu mềm hoa
Mà sao mẹ phải cực ra nhường này

Một manh áo bạc tháng ngày
Một đôi guốc mộc xước trầy nắng mưa
Rách lành vá nhật vá thưa
Ruộng sâu ruộng cạn sớm trưa tảo tần

Vì chồng héo hắt tuổi xuân
Vì con vất vả gian truân cây trồng
Mai rồi mưa nắng qua sông
Thương sao bóng hạc lại lờng chân mây.



Người kéo sợi

NGUYỄN ĐÔNG NHẬT

Kéo những vô danh từ ý sống
gom về từng lọn sắc tơ vui.
Chạm tay vào khoảng thành - hư ấy
tắm lụa đời oi cuộc tới - lui.

Nghĩa sống

Biển rơi giọng hát không lời
hỏi ngàn năm, tiếng cuộc đời có – không
Xưa – Sau, cuối nẻo lệ mòn
long lanh đọng ý vui tròn nỗi đau.

Tìm về

NGUYỄN VĂN PHI

Tôi về thăm lại bến xưa
Tìm câu hát cũ tiễn đưa ngày nào
Canh tàn phố thị xôn xao
Đêm về ai có chiêm bao nhớ người?
Tôi về cầu đã bắc đôi
Bến xưa heo hút vắng người yêu trắng
Tôi về... qua bến Mi Lăng
Còn vang đâu đó tiếng trống gọi thuyền...

Quê hương

NGUYỄN VĂN VŨ

Mãi ngập hồn tôi
mùi sữa mẹ tràn môi thơm giấc ngủ
mùi hương cau đầu hạ gọi ong về
mùi mít chín cuối vườn thơm mỡ quạ
mùi bùn non tháng chín nứu chân quê
mùi rạ khô tháng năm cay buổi lợ
mùi sấu đầu hoa tím rợp chân cầu
mùi bắp rang nằm ngửa cổ đếm sao
mùi cá kho lục nòi tìm cơm nguội
mùi mồ hôi bạc áo nhớ hơi cha...

Mãi réo tim tôi
con đường dài hun hút buổi chợ quê
ngóng dài cổ đợi mẹ về dưới bến
cây đa đầu làng mỗi mòn hết lớn
thấp dần theo năm tháng chờ mong
bờ ao mênh mông giông sào đuổi vịt
ham rong chơi cuối bãi quên về
bến đò chờ người năm tháng xa quê
treo hoài ước mơ bên bờ huyền thoại
trường học mái rơm bóng thầy đáng Phật
dạy đánh vần dạy đức độ lòng tin
dạy trang sử dựng nước giữ nhà bao thế hệ...
rền tiếng ve ran đuổi nắng trưa hè
tiếng hát à ơi giữa ngày hanh hực gió
ru lịm dần tiếng trẻ khóc đòi ăn
tiếng gà gáy trưa giục giờ tan học
nắng hè phơi khô trang vở che đầu...

Mãi ấm lòng tôi
bếp quê nghèo in bóng Mẹ đêm thâu
hình dáng Cha oai hùng nơi trận mạc
giữ núi rừng sông biển bao la
giữ trời xanh mây gió bạt ngàn
bài ca dao nghĩa tình nhân ái
giọng chân quê muôn thuở ngọt ngào...

Người yêu quê

NGUYỄN TRỌNG HOẠT

T rước đó và sau này thế nào không rõ, nhưng cùng lúa tời thì tất cả lũ trẻ trong làng đều biết lão Ngật khi còn để chòm. Lắm đứa chẳng gọi đúng tên người thân ngày ngày bỗng bết nhưng nghe nhắc đến ông hàng xóm là tỉnh ngay. “Nín đi, lão Ngật kia!”, “Có chịu ăn không, gọi lão Ngật nè?!”. Nghe các bà dọa thế là bọn trẻ khiếp hồn, nín bật. Đứa nào cương lắm thì cố ức ức thêm vài cái cho thỏa cơn đói rồi rậm rập làm theo người lớn.

Lão Ngật không vợ con; nghe nói hồi trước học giỏi lắm; bởi học quá nên bị loạn não, giờ tính tình thay đổi theo thời tiết. Người làng muốn dịch khế ước, gia phả có từ đời xưa ra Quốc ngữ hay viết văn bia, trướng liễn bằng chữ Nho đều nhờ lão. Sách chữ Nho nhà lão rất nhiều, xếp thành chồng ngay ngắn trên cái kệ gỗ lim đã xin màu, kê sát bàn thờ gia tiên. Lạ là bao bạn can qua, nhà tan cửa nát nhưng sổ sách quý ấy vẫn được giữ nguyên vẹn. Mỗi lần muốn đọc, lão Ngật lại rửa tay, ít ra thì cũng xoa xoa hai bàn tay vào nhau để phủ bụi rồi mới sờ vào sách. Giải thích cho sự cẩn thận thái quá ấy, lão nghiêm giọng: “Với chữ thánh hiền, phải thờ”.

Ngoài việc cưỡi cày, lão Ngật còn là thầy cúng. Cần ngày giờ như ý để cưới hỏi, dựng nhà, ma chay; cần chỗ đất để an cư hay an táng... người ta đều tìm đến lão. Những bài cúng lê thê, toàn từ cổ khiến người nghe chỉ hiểu loáng thoáng nhưng đem lại cho tín chủ sự yên lòng. Những lời phán bằng cái giọng ồm ồm như nói trong chum của lão được những kẻ thành tâm vòng tay, dõng tai đón lấy.

Khi xóm làng vận động xây dựng đời sống mới, kẻ tin những điều huyền bí dần xa lão Ngật. Dẫu vậy, lão vẫn nặng lòng với đức tin đã ngấm vào tâm trí. Với nhiều người, các lễ tế của làng chỉ còn trong kí ức nhưng với lão thì khác. Lễ ở đình làng vào tháng Giêng để tri ân những tiền nhân đã vượt biển băng đèo đến đất này khẩn hoang, mở cõi từ mấy trăm năm trước; lễ tế nghĩa quân trận vong thuộc đạo quân Cần vương dưới cờ của chủ tướng Nguyễn Duy

Hiệu ở làng năm xưa; ngày giỗ chung của đồng bào tân cư đến đây bị bom giặc thảm sát khi trước... lão đều nhớ. Vào những ngày ấy, lão lạng lẽ sầm lể, với khăn áo chỉnh tề, đến đình làng và các miếu thờ thấp hương, khẩn vái. Lễ có khi chỉ một ít hoa quả được hái từ vườn nhà nhưng bài cúng luôn tuần tự, đủ nghĩa. Đó là dịp bọn trẻ chúng tôi vây quanh lão, nóng lòng chờ được hưởng lộc. Bởi sau khi cúng, bao giờ chủ lễ cũng phát bánh trái cho cả bọn rồi hạ giọng: “Phải vỗ về để mát lòng người đã khuất thì xóm làng mới an lạc được”.

Sau ngày hòa bình không lâu, quê tôi tiến hành quy hoạch đồng ruộng. Theo đó, hàng ngàn mả mã cần di dời, vô số hố bom phải san lấp; tre trúc, cỏ lác phải dọn sạch để nhường chỗ cho khoai, lúa. Buổi họp thôn để bàn đại sự sôi nổi từ đầu tới cuối. Ai cũng mừng với viễn cảnh đổi thay của quê hương đang hiển hiện phía trước. Và rồi hàng loạt cánh tay giơ lên tán đồng chủ trương thuận với lòng người; riêng lão Ngật ngồi im. Những đôi mắt như dấu hỏi dồn về phía lão. Trả lời chất vấn của ông trưởng thôn, lão thủng thẳng: “Tôi cũng đồng ý nhưng trước khi làm, ta nên sắm cái lễ thưa với thổ thần. Nếu chẳng thế, ngài nổi giận thì không xong đâu!”. Không khí cuộc họp lắng lại. Bổng Dương - đội trưởng xung kích khai hoang của thôn cất lời tung hứng: “Ngày trước, Ngu Công dời núi cũng có cúng gì đâu!?”. Ai đó gạt ngang: “Về chuyện!”. Và sau cùng, trưởng thôn lựa lời từ chối thiện ý của lão. Mặc mọi người đã về, lão vẫn ngồi lại với vẻ bản thân, mắt đăm đăm nhìn về phía cánh đồng mờ ảo dưới trăng.

Hôm sau, người làng đồn ra đồng từ mờ sáng cùng xe xúc, xe ủi và quang gánh, cuốc xẻng. Ai cũng ngạc nhiên thấy lão Ngật lúi húi bèn mâm lễ cùng khói hương nghi ngút trên cái gò cao giữa đồng. Chẳng để ý xung quanh, lão- lúc giữa mặt giữa cao xanh, khi quì sát đất thành tâm kính cáo với thánh thần cái việc kinh động thiên địa sắp diễn ra. Khi tập vàng bạc, áo giấy đã hóa vàng, lão quay ra nhìn mọi người, mãn nguyện: “Phần tôi xong rồi, mời khởi sự”.

Đợt cải tạo đồng ruộng đã đào lên bao nhiêu là bom đạn giặc chui lủi trong đất. May là chẳng có quả nào phát nổ; ai cũng xuýt xoa, mừng. Lão Ngật thâm thĩ: “Nhờ ơn trên phù hộ đấy”. Dương cự lại: “Mấy quả đạn han gỉ từ tám hoành nên tịt ngòi, chẳng thêm nổ; chứ ma nào phù hộ?!”. Lão trừng mắt, đuổi theo Dương, chửi té tát: “Câm mồm, thần vận gãy cổ bây giờ!”. Chàng trai co giò chạy ra xa rồi quay đầu lại, nhe răng cười khiêu khích.

Bên niềm vui, lão Ngật còn có nỗi lo khi sắp đón dòng nước từ công trình thủy lợi Phú Ninh về với đồng ruộng. Việc chặt hai cây thị gần đình làng để con kênh đi qua khiến lão buồn ngẩn ngơ. Lão bảo, hai “cụ” thị này có từ thuở lập làng, linh lắm! Mỗi khi làng sắp có tai họa, hai “cụ” lại se mình, trút lá ào ào để báo trước. Nói thế thì biết thế, chứ ai nào kiểm chứng được. Riêng Dương, gân cổ cãi lại: “Cây mà gọi cụ, ông loạn ngôn đấy nhé?!”. Lão mắng cho rối lý giải về việc dùng từ khác thường của mình. Hôm xe ủi đánh bật hai gốc thị, lão gọi bọn trẻ chúng tôi lại hi hục vùi vào sát sân đình rồi chỉ chỗ đào hai cái hố to như hố bom, trồng lại. Lão làm giàn che hai gốc cây và ngày ngày tưới nước. Nhiều người đi ngang, đứng lại nhìn, lắc đầu, bảo lão sắp khùng tới nơi rồi. Nhưng lão không khùng và hai cây thị đã hồi sinh, giờ cành lá sum suê.

Năm tôi lên học cấp hai trên xã thì làng xảy ra đại họa. Đó là vụ đắm đò thăm khốc trên sông Ly, đã cướp đi mười hai con trẻ của làng. Thôn xóm bàng hoàng, chết lặng trong khăn tang và nước mắt. Không có

bà con ruột thịt gặp nạn nhưng chiều nào lão Ngật cũng thất thểu ra bến sông thấp hương, khẩn vái. Mấy ngày sau, lão tìm gạch đá, vôi vữa xây tấm bia to như tấm bảng ngay tại bến đò. Người bảo, chắc lão sẽ ghi tên mười hai nạn nhân lên đó; kẻo nói, hẳn lão sẽ viết những lời cảnh báo người qua sông. Nhưng không, trên tấm bia màu trắng hiện rõ đôi câu đối màu đen:

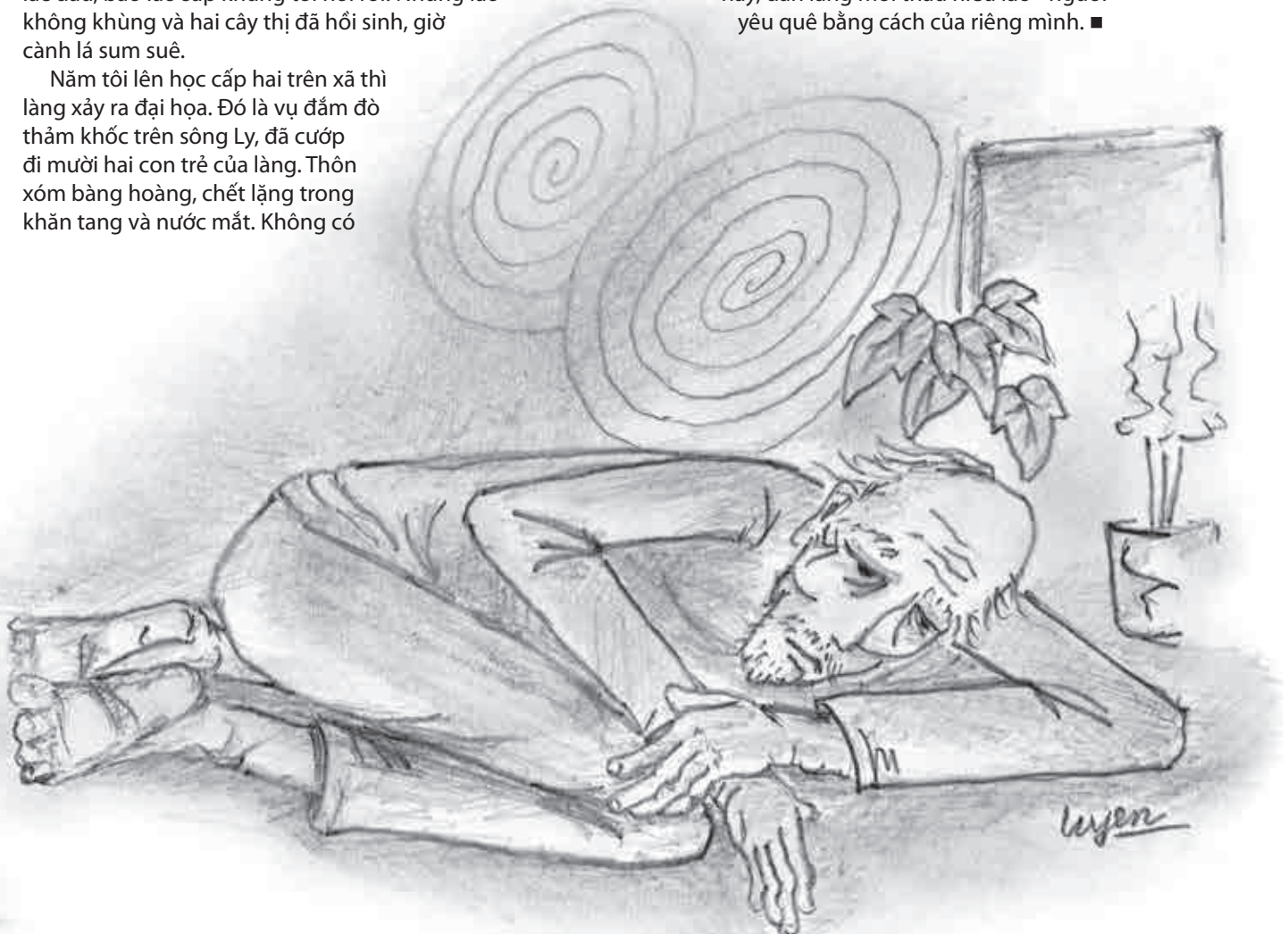
Chếch cánh bướm loan,

một thâm một sáu mươi lặn đận

Sảy tay chèo quế, ba chìm ba nổi sáu lênh đênh.

Nhiều lời khen, cho là những cung bậc đau thương diễn tả trong từng vẻ đối, nếu cộng lại đều là mười hai - đúng bằng số người gặp nạn. Và rồi, trước khi xuống đò sang sông, ai cũng dừng bước, dán mắt vào dòng chữ đen đến rợn người ấy. Chẳng rõ việc làm của lão Ngật có giúp được gì để người đi lại trên sông nước quê tôi sau đó mãi bình yên, dẫu bao phen sóng to lũ lớn.

Ngày lão Ngật mất, những người lập nghiệp ở xa quê như Dương và tôi cũng tìm về. Không có bà con thân tộc nên lão được Hội Người cao tuổi đứng ra lo hậu sự. Đám tang to lắm. Dường như đến lúc này, dân làng mới thấu hiểu lão - người yêu quê bằng cách của riêng mình. ■



Nơi ấy, Nam Đông...

THẢO NGUYỄN

Người xưa vẫn thường nói “Vạn sự khởi đầu nan”. Quả vậy, sự khởi đầu bao giờ cũng có một ý nghĩa thiêng liêng đối với mỗi người. Riêng tôi, sự khởi đầu cho công việc “trồng người” của tôi đã diễn ra ở mái trường Vinh Lộc thuộc huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên-Huế. Học xong đại học, tôi dự kỳ thi tuyển công chức và trở thành cô giáo dạy văn tại một trường cấp ba ở bên kia đầm Cầu Hai thuộc xã Vinh Hưng, huyện Phú Lộc. Còn nhớ lần đi dạy đầu tiên, nghe giọng Quảng của tôi, học trò ngạc nhiên lắm. Nhưng rồi dần dà các em cũng quen đi, và tôi chọn nơi ấy là quê hương. Bởi học xong ra trường là một lễ, còn tìm được việc làm là một lễ khác không hề đơn giản; nên dù ở đâu, có việc làm cũng là điều tốt rồi. Cầm quyết định trên tay, tôi với một đứa bạn thân người Huế đáp xe từ bến xe Đông Ba về Cầu Hai, xuống phà qua bến Vinh Hưng trong một chiều đầu tháng Chín, chạm phải cái nắng hanh vàng cuối chiều lơ đãng dọc những con đường. Mặc dù đây là đất khách quê người nhưng tôi vẫn cảm nhận được sự buông hờ của mùa thu quê tôi trong nắng, trong gió, trong sắc vàng trùng trùng của lá và sóng nước miên man. Bất chợt cơn mưa cuối chiều kéo đến ngập ngừng, như bước chân của người lữ khách nửa muốn đi, nửa muốn ở lại. Giữa tâm trạng dửng dăng ấy, chợt nghe một giọng Huế vang lên: “Các em vô quán chị tránh mưa cho khỏi ướt”. Học đại học ở Huế bốn năm, dĩ nhiên tôi nghe giọng Huế không biết bao nhiêu lần rồi mà lúc này tôi cảm thấy... ngỡ ngàng. Chị hỏi tiếp: “Rứa mấy em đến đây làm chi?”. Tôi trả lời: “Em về đây nhận công tác”. Chị lại hỏi: “Rứa em không phải người ở đây rồi, mà quê ở mô rứa?”. Tôi và đứa bạn cùng cười. Tôi cho chị biết mình ở Quảng Nam... Tôi nhớ mãi buổi chiều mưa ấy. Có lẽ hồn cốt, tình cảm mộc mạc, chân thành, nồng ấm của xứ Huế cứ làm tôi cảm thấy ấm áp lạ thường khi chỉ mới chạm vào mảnh đất... bên kia đầm Cầu Hai.

Dạy ở Trường THPT Vinh Lộc 4 năm, tôi làm chủ nhiệm cho một lớp trong ba năm liền. Các em lớp 10/1 rồi lên lớp 11/1 và cuối cùng là 12/1 thân yêu. Ngày ra trường, 45 gương mặt nhìn nhau, mắt ngấn lệ. Rồi hoàn cảnh gia đình “cho phép” tôi phải tạm biệt ngôi trường Vinh Lộc thân yêu. Chồng tôi chuyển công tác từ Quảng Nam ra Đài Truyền thanh – Truyền hình Nam Đông. Tôi tiếp tục nhận công tác tại Trường THPT Nam Đông (Thừa Thiên – Huế)...

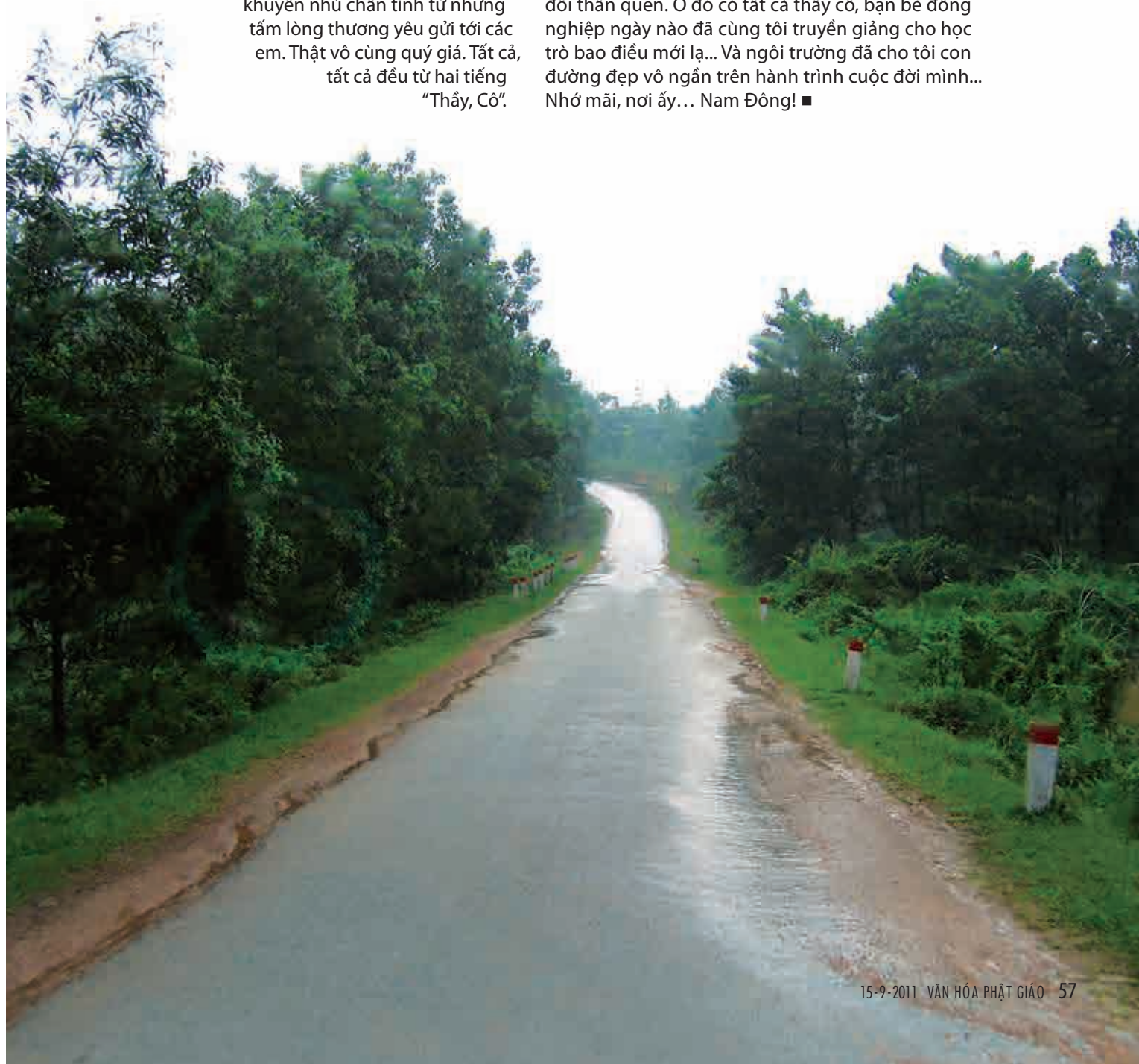
Mới đây thôi mà đã thối thoát gần mười năm rồi. Tôi còn nhớ mãi buổi đầu tiên ra mắt trước Hội đồng sư phạm nhà trường. Thật hồi hộp, phấn khởi, xao xuyến và cả một chút âu lo... Chao ôi, hai tiếng Nam Đông bây giờ gần gũi và thân thiết biết bao. Hơn bảy năm công tác tại ngôi trường này đã để lại cho tôi biết bao kỷ niệm. Học sinh gồm có người dân tộc Katu lẫn người Kinh... nhưng đều cùng trong một môi trường học tập và rèn luyện. Tôi dần dà quen với những suy nghĩ, cách ứng xử, lời ăn tiếng nói của các em. Là vùng núi, mọi điều kiện còn khó khăn nhưng các em đã vượt qua, đến trường đến lớp, tiếp thu kiến thức làm hành trang vào tương lai. Tôi yêu tha thiết những ánh mắt ngây thơ, no tròn pha lẫn sự thấp thỏm của các em học sinh lớp 10 mới chập chững làm quen với ngôi trường mới, thân thiện làm sao với những “sinh viên năm thứ hai” của trường trung học và thật gần gũi đầm ấm lẫn yêu thương đối với những học trò sắp rời xa trường. Và có lẽ, những năm dạy và chủ nhiệm các em lớp 12 đã đọng lại trong tôi những tình cảm thân thương nhất. Biết bao suy tư của các em về nghề nghiệp, tương lai, cũng như nỗi niềm trăn trở của các em trong những tháng ngày sắp rời xa thời học trò áo trắng, rời xa mái trường Nam Đông dấu yêu. Vâng, tôi hiểu mai này các em sẽ tự bắt đầu cuộc sống bên ngoài cổng trường... Bảy năm dạy học nơi này, một khoảng thời gian không dài nhưng cũng chẳng ngắn ngủi chút nào trong cuộc đời đi dạy của

tôi. Đến giờ, cái nôn nao hòa nhập vào môi trường mới vẫn còn âm ỉ cháy và nồng thắm lắm. Cảm giác quyện vào cái hỗn tình cảm thầy trò, đồng nghiệp luôn cháy bỏng trong tôi. Tôi biết, các đồng nghiệp của tôi vẫn tự tin và lạc quan trên bục giảng mỗi ngày. Và với ngôi trường Nam Đông, bây giờ với tôi là tình yêu và... nỗi nhớ.

Các đồng nghiệp của tôi, những bậc thầy cô thâm niên kính mến và cả những người mới vào nghề, dù cuộc sống bao bề bộn vẫn luôn hy vọng một tương lai tươi sáng cho những học sinh thương yêu và cho chính mình. Mỗi năm học mới lại thêm những ước vọng mới. Bao lo toan vất vả thường ngày sẽ qua đi để trong mỗi lời truyền giảng, trong mỗi lời khuyên nhủ chân tình từ những tấm lòng thương yêu gửi tới các em. Thật vô cùng quý giá. Tất cả, tất cả đều từ hai tiếng "Thầy, Cô".

Trong yên lặng của thời gian, tôi muốn nói, muốn gửi gắm thật nhiều nỗi lòng mình khi nhớ về ngôi trường Nam Đông và các thầy cô, đồng nghiệp nơi này. Xin tất cả những ai đó đã từng có sự bắt đầu từ mái trường Nam Đông và cả những ai đã ra đi từ mái trường này để bắt đầu cho một cuộc sống khác, hãy yêu quý những hạt nắng mùa thu ngày khai trường và nâng niu, gìn giữ những cánh phượng rực cháy của mùa hè chia xa.

Cho tôi mỗi ngày được nhớ lại ngôi trường Nam Đông yêu dấu, ước gì được đi dưới những tán phượng rực đỏ trong nắng hè và ngắm nhìn áo trắng tinh khôi của bao thế hệ học trò ra đi từ đây. Cho tôi được sống mãi cùng ngôi trường tuổi lên mười, dẫu có già nua theo thời gian năm tháng nhưng rất đổi thân quen. Ở đó có tất cả thầy cô, bạn bè đồng nghiệp ngày nào đã cùng tôi truyền giảng cho học trò bao điều mới lạ... Và ngôi trường đã cho tôi con đường đẹp vô ngần trên hành trình cuộc đời mình... Nhớ mãi, nơi ấy... Nam Đông! ■





CÓ MỘT THỜI ĐỂ NHỚ

CHÂU PHƯỚC KIM

Có một thời lãng đãng tuổi thanh xuân in dấu sâu đậm mà ta không thể nào quên, thời của những đam mê nồng cháy và yêu thương đại khờ chưa nguôi ngoai trong kí ức. Với tôi, đó là Huế trong những thập niên 60-70 của thế kỉ trước, đó cũng là những tháng ngày rong chơi phiêu lãng đẹp nhất còn sót lại ở trần gian thơ mộng này. Thời đó, bạn sẽ hạnh phúc biết bao khi cầm trên tay, đọc lui đọc tới thật thú vị những đoạn trong các tập truyện như *Ngày Qua Bóng Tối* của Nguyễn Thị Hoàng; *Thị Trấn Miền Đông* hay *Một Chỗ Nào Khác* của Viên Linh; rồi *Tượng Đá Sườn Non* hay *Gió Cuốn* của Võ Hồng; hoặc *Khóc Lên Đi Ôi Quê Hương Yêu Dấu* của Alan Paton; *Đêm Đêm Đèn Sáng* của Erskine Caldwell... *Mặt Trận Miền Tây Vẫn Yên Tĩnh*, *Một Thời Để Yêu Và Một Thời Để Chết*, *Bản Du Ca Cuối Cùng Của Loài Người Không Còn Đất Sống* của Eric Maria Remarque; hay *Trở Lại Thiên Đường* của Elia Kazan; và bên cạnh đó là mỗi nửa tháng với *Tạp chí Văn*

mà bạn chờ đợi mong ngóng từng ngày cho đến khi xuất hiện trên kệ sách của nhà sách Ứng Hạ, Gia Long. Bạn ôm sách phóng xe đạp về nhà rúc vô phòng với bao rộn ràng buồn vui qua từng trang sách. Ôi làm sao, làm sao cho ta còn gặp lại những giây phút yêu thương rộn ràng ngày ấy, những ngày nắng, ngày mưa xứ Huế, những ly cà phê nóng tại Lạc Sơn trong những chiều mưa lạnh với tờ programme của phim mới sắp chiếu ở Tân Tân, với hai vé xem phim mới chen vô mua và khúc bánh mì thịt nóng hổi mà hai đứa vừa nhai lặng lẽ vừa xem phim trong rạp.

Ôi, Huế của những ngày tháng đầy yêu thương với bao giấc mộng êm đềm tuổi thanh xuân qua những *Mối Tình Đầu* do Nathalie Wood đóng hay *Romeo and Juliet*, *Docteur Zivago*, *Love Story*, *Hào Hoa Đạo Tặc*, *Tình Thù Rực Nắng*, *Hải Âu Phi Xứ*, *Hoa Tàn Trong Nắng Hạ*...

Thuở ấy, có một dạo nhiều khi đang đạp xe trên đường, hay đi bộ dọc vỉa hè, tôi thường dừng lại tại



phòng vẽ của bà Maria Mộng Hoa ở gần cửa Thượng Tứ. Đứng và lặng lẽ thưởng thức những bức chân dung thiếu nữ đầm thắm với mái tóc thề, những gương mặt dịu dàng không thể nào quên. Một đôi lần trò chuyện với cô Mộng Hòa (con gái của bà Maria Mộng Hoa) đang ngồi vẽ hay ông bác Trần Mậu Dụng, những họa sĩ vẽ truyền thần nổi tiếng một thời của đất Thần kinh.

Nhắc đến nghề vẽ truyền thần tại Huế của những thập niên đó, những người đã từng lớn lên gần bó với bao vui buồn xứ Huế có ai mà không nhớ những phòng vẽ chân dung này, một nét văn hóa xưa của người Huế. Ngoài phòng vẽ của bà Maria Mộng Hoa ở gần cửa Thượng Tứ còn có các phòng vẽ như phòng vẽ Phi Long của họa sĩ Phi Long ở đường Trần Hưng Đạo; phòng vẽ số 5 ở đường Phan Bội Châu của các họa sĩ Thư Lang, Duy Hinh, Lê Vinh, Tuấn Cathy; phòng vẽ Ngọc Duy; phòng vẽ Quang Hy; phòng vẽ Bá Thiệu ở gần rạp hát bội Bà Tuấn của các họa sĩ Đặng Ngọc Lựu, Quang Hy, Bá Thiệu...

Trong trí nhớ mong manh sương khói những ngày xa xưa ấy, mỗi khi đi ngang qua rạp hát bội Bà Tuấn ở đường Phan Bội Châu (bây giờ là đường Phan Đăng Lưu) tôi vẫn còn nhớ dáng dấp ông họa sĩ Duy Hinh – người chuyên vẽ và trang trí phòng màn cảnh gà cho

các buổi diễn. Các bạn có còn nhớ không, các vở tuồng *Phạm Công Cúc Hoa*, *Thạch Sanh Lý Thông*, *Tấm Cám*? Tôi vẫn còn có thể mừng tượng như đã được in trong ký ức hình vẽ con cá bống nổi lên trên giếng nước khi cô Tấm buồn một mình ra trò chuyện và cho cá ăn, thật lạ lùng biết bao trong mắt tôi ngày ấy hình ảnh con cá bống như thật ấy vẫn còn xao xuyên lòng tôi cho đến tận bây giờ.

Đạo đó chẳng ai mà không biết những con người tài hoa ấy tại các phòng vẽ ở đường Phan Bội Châu: họa sĩ Thư Lang và người học trò Lê Vinh, các họa sĩ Bảy Lựu (tức Đặng Ngọc Lựu) Duy Hinh, Quang Hy, Tuấn Cathy, đó là những con người tài hoa tài tử, không qua một trường lớp mỹ thuật chính quy nào, nhưng đã góp phần không nhỏ trong việc làm đẹp hơn cho đường phố Huế thời bấy giờ. Cứ đều đặn hằng tuần, mười ngày nửa tháng các panô quảng cáo hát bội, xi-nê, tuồng mới, phim mới được trưng ra. Lâu lâu lại thấy xuất hiện một vài tấm biển hiệu mới của vài hiệu buôn, hiệu may mặc được thiết kế, trang trí thật mỹ thuật lạ mắt và hết sức lôi cuốn. Hồi đó, vào những năm 60-70 của thế kỷ trước, Huế tuy chỉ là một thành phố nhỏ dân cư thưa thớt nhưng có tới bốn rạp cinéma và một rạp hát bội (Hưng Đạo, Tân Tân ở đường Trần Hưng Đạo và Châu Tinh, LiDo ở đường Chi Lăng, rạp hát bội Bà Tuấn ở đường Phan Đăng Lưu). Công việc thực hiện các áp-phích quảng cáo cứ một tuần hoặc mười ngày là phải thay. Phim mới liên tục thay đổi; và để thực hiện các panô quảng cáo đó, chỉ là bột màu phủ lên một tấm vải căng rộng, ban đầu chỉ cần có hai người họa sĩ chính là Lê Vinh và Duy Hinh; sau này còn có thêm Hồ Công Thành, Lê Văn Mỹ, học trò của Lê Vinh, nhưng thật sự chủ đạo vẫn là Lê Vinh.

Nếu có sống ở Huế vào thời đó, một buổi chiều thứ Bảy mùa đông giá rét, bạn có thể đi ngang qua đường Trần Hưng Đạo để thấy mọi người tay trong tay đi lên đi xuống nhìn nhau, chờ tới giờ vô rạp xem phim; thú vị nhất là những ngày có phim mới và phim hay, bạn có thể qua ngồi ở cà phê Phấn hay Lạc Sơn (trước rạp Tân Tân) vừa nhâm nhi ly cà phê nóng vừa đọc lui đọc tới tờ programme của phim. Bạn ngồi đó và đôi khi bạn sẽ thấy Lê Vinh với điều thuốc trên miệng và ly bia trên tay, có khi ngồi khể khà với Trịnh Công Hà hoặc Trịnh Công Tĩnh (em ruột Trịnh Công Sơn) hay với bất cứ người quen biết nào sau một cái bắt tay.

Thật kỳ lạ, tôi vẫn luôn có ấn tượng sâu đậm về con người tài hoa này. Hồi đó, nếu bạn có dịp lên tầng trên, phía sau của rạp Hưng Đạo và quan sát kỹ mỗi khi Lê Vinh vẽ, bạn sẽ thấy rõ hơn tài nghệ phi thường và phong cách làm việc kiêu tài tử của anh ta. Chỉ dựa vào một mẫu hình nhỏ của các tài tử trong phim nhìn qua tờ quảng cáo, nhưng với nét viên phấn phác thảo và cái chổi màu to tướng nhúng vào trong mấy thau nước trộn sẵn bột màu. Lê Vinh vẽ như nhập thần, vẽ như ma đuổi, cặp mắt neho neho và điều thuốc trên miệng, anh ta



đứng và hươ từng nhát chổi lên khung vải. Cứ một chốc lại đứng ra xa nhìn lại, neho mắt và nhúng chổi màu bệt tiếp. Cứ như thế để chỉ một thoáng sau đã thấy gương mặt nổng nần của Brigitte Bardo hay Alain Delon xuất hiện; khi treo lên phía trước rạp chiếu phim, dù chỉ là ba hay bốn tấm panô ghép lại nhưng đứng xa cả nữa cây số vẫn thấy đôi mắt đa tình và nụ cười bất tử của hai tài tử gạo cội này. Thật là kì tài. Vào thời đó, không có những kỹ thuật vi tính phóng lớn hiện đại như bây giờ mà chỉ là thủ công. Với đôi bàn tay và cặp mắt nghệ sĩ cộng với cái nhìn sắc sảo của một bộ óc nhạy cảm Lê Vinh xứng đáng là bậc thầy của hội họa truyền thần, của tranh panô khổ lớn, một thời đã làm say đắm lòng người, góp phần không nhỏ cho ngành giải trí nghệ thuật thứ bảy của xứ Huế trầm lặng nhưng đầy thiết tha.

Tuy nhiên, cuộc đời cũng thật là nghiệt ngã khổ đau, thời gian sau này và cho đến khi nhắm mắt, những người quen sống ở Huế ai ai cũng biết Lê Vinh đã trải qua những tháng ngày trong tận cùng của thiếu thốn,

đói rách, đôi khi phải ngửa tay xin từng đồng bố thí của người thân, bạn bè, lê lết sống trong hẻm nghèo cơ cực cho đến tận cuối đời.

Thời gian qua mau nhưng cũng quá phũ phàng, cùng với những biến động thời cuộc và những đổi thay nghiệt ngã, chuyện đời biết bao dâu bể tang thương, dồn dập xô đẩy những phận người, những tâm hồn tha thiết với tình yêu cuộc sống; có một thời họ đã từng hiện hữu đã trải qua cùng chúng ta những ngày tháng đau khổ buồn vui ở xứ sở mấm rước thương yêu này.

Bài viết này như một nén nhang tưởng nhớ được thắp lên để cầu nguyện cho những phận người, những linh hồn thương đau đã từng tồn tại trên cõi đời này, đã từng thể nghiệm những khổ đau của kiếp người trong cuộc tồn sinh hữu hạn mà ngay giờ đây chúng ta vẫn đang tiếp tục trải qua.

Cầu xin sự bình an cho linh hồn những người đã khuất và cho cả chúng ta hôm nay. ■

Lời cảm ơn cuộc sống

Vào tháng 8-2011, tôi phải vào cấp cứu tại Bệnh viện C Đà Nẵng trong tình trạng suy thận và thiếu máu trầm trọng. Rủi thay, bệnh viện lúc này không có loại máu của tôi. Gia đình, bà con, bạn bè cũng không ai có vì máu tôi thuộc loại hiếm. Trước đây tôi có lần hiến máu cho một đồng nghiệp nữ nhưng vào lúc này chị ấy cũng đang nằm viện. Nghe tin tôi cần máu, chồng chị mang một số tiền đến để giúp tôi mua máu nhưng tôi dứt khoát không nhận. Nằm viện được một tuần thì có một đoàn học sinh từ Trường Cao đẳng Y tế Đà Nẵng đến thực tập. Thấy tình trạng ngặt nghèo của tôi như vậy, một em trong đoàn tên Trương Ngọc Hương nói em có cùng nhóm máu với tôi và có nhã ý hiến máu cho tôi. Việc hiến máu của em là hoàn toàn tự nguyện của cá nhân em, không có phong trào, không ai gợi ý hay thúc ép gì cả. Tôi mừng quá không nói nên lời. Sau khi hiến máu xong, thấy nước da em hơi xanh, tôi có ý định gói quà bồi dưỡng cho em nhưng em thẳng thắn khước từ mặc dù hôm sau em phải tốn tiền về thăm mẹ tận Quảng Bình. Thật là một nghĩa cử vô cùng nhân đạo và cao đẹp. Tôi xin gởi đến em Trương Ngọc Hương lòng biết ơn sâu sắc, và tin chắc em sẽ trở thành một cô điều dưỡng tận tụy vì người bệnh. Tôi cũng cảm ơn Trường Cao đẳng Y tế đã đào tạo những học sinh có đủ phẩm chất đạo đức thích hợp với nghề nghiệp. Tôi tin tưởng nhiều hơn vào thuyết nhân quả vì khi mình vô tư hiến máu không nghĩ rằng có lúc mình lại được người khác cho máu không chút đắn đo.

Trần Thanh Hùng, Thanh Khê, Đà Nẵng

Hôm ấy là một ngày thứ Ba. Theo thói quen, vừa dứt giờ làm ở sở, tôi vội xách xe chạy tới quán bia quen ở đường Đồng Đen (quận Tân Bình, TP.HCM) để lai rai với bạn bè. Đến nơi, anh chàng chủ quán chạy ra cho biết mấy người bạn của tôi đã chuyển qua một quán trên đường Âu Cơ, nhân tôi đến ngay. Tự nhiên thấy chán, tôi bảo anh ta lấy cho hai chai bia và một đĩa đậu phụng rồi xếp cho một bàn riêng ở một góc khuất. Đang rót bia ra ly, tôi thấy có bóng người trước mặt. Ngẩng lên thì là một người đàn ông mà diện mạo và dáng cách phải gần bảy mươi, đưa ra trước mặt tôi cái khay đựng leo tèo vài thanh kẹo sinh-gôm (chewing-gum) mời mua. Tôi khoát tay từ chối. Tự nhiên, ông ta hỏi, “Ông năm nay bao nhiêu rồi?”. Hơi ngạc nhiên nhưng tôi cũng trả lời, “Gần năm chục. Còn ông?”. Ông ta đáp: “Vậy tôi hơn ông cũng chẳng bao nhiêu”. Rồi như được bật nắp, ông ta nói: “Mấy năm trước, còn phong độ, chiều nào tôi cũng đi nhậu với bạn bè tôi thật say. Có khi còn ‘tăng hai’, ‘tăng ba’ nữa. Bữa đó xui quá, về tới gần nhà thì tôi hết kiểm soát nổi, đụng nhầm một bà già, bà té xuống bất tỉnh rồi chết luôn sau đó. Tôi bị tù nhưng rồi gia đình người ta bãi nại, nhân dịp có án xá, tôi được về sớm. Ra tù, nhà mất, vợ bỏ, con đi bụi đời, em gái tôi biểu tôi đi bán mấy thứ này, nó nuôi cơm và cho một chỗ về ngủ ban đêm!”. Rồi ông ta cáo từ, “Xin lỗi đã kể lể với ông, thôi, tôi đi bán”. Ngồi một mình, tôi nhớ lại những lần say rượu suýt gây tai nạn, chẳng hiểu sao vẫn thoát được trong gang tấc. Bất giác, tôi đưa tay nâng ly bia hớp một hớp. Vị bia tự nhiên đáng ghét. Bàn thần một lát, tôi gọi chủ quán tính tiền rồi ra về, không uống thêm một hớp bia nào nữa. Câu chuyện và hình ảnh của người đàn ông ấy cứ lờn vờn trong đầu tôi. Từ đó, mặc bạn bè rủ rê, tôi từ chối, nhất quyết không đến quán. Đã một năm trôi qua, tôi thật sự bỏ hẳn bia rượu, cảm thấy thoải mái hơn. Gia đình tôi nhờ vậy đã hết hẳn xáo xáo. Tôi cũng được thăng tiến trong công việc. Xin cảm ơn sự đưa đẩy khiến tôi đã nghe được những lời của người đàn ông nọ. Cũng cảm ơn ông ấy, trong một thoáng xúc động nào đó, ông ấy đã tâm sự với tôi.

Lê Trung Thành, Tân Bình, TP.HCM



Cải rổ xào

HOÀNG ANH - PHÚ XUÂN

Cải rổ còn gọi là cải làn, là một loại ngồng cải có cọng lớn, lá dày màu xanh thẫm, tập trung nhiều chất dinh dưỡng. Mặc dù có xuất xứ từ Trung Quốc nhưng ngày nay cải rổ được trồng nhiều ở Lạng Sơn và Đà Lạt nước ta. Cải rổ dùng để xào nấu có hương vị đặc biệt, rất giòn và mát.

Nguyên liệu:

- Cải rổ: 300gr
 - Nấm hương khô: 10gr
 - Thân boa-rô: 1 khúc
- Gia vị: muối, tiêu, nước tương, dầu ăn

Cách làm:

- Cải rổ: tước bỏ xơ cứng, thái lát xéo dày. Trụng nhanh trong nồi nước sôi già có dấm vào một chút muối, vớt ra ngâm vào

nước lạnh, để ráo (làm như vậy để rau được xanh và giòn).

- Nấm hương: ngâm nước một lúc cho nở, rửa sạch, vắt ráo. Ướp với chút muối, tiêu, nước tương, boa-rô băm nhỏ, để một lúc cho thấm.

Bắc chảo nóng với 1 muỗng súp dầu, phi thơm với boa-rô băm nhỏ. Bỏ nấm vào xào thơm, tiếp thả cải rổ vào xào nhanh tay.

Nhắc xuống.



Ảnh: Võ Lộc



CƠM GẠO LỨT - BROWN RICE
CHÂN NGUYÊN[®]
 Natural Food - Natural Life

Phục vụ các món ăn được chế biến hoàn toàn từ gạo lứt, mè, rau đậu hạt thiên nhiên theo phương pháp OHS&A.

96H Võ Thị Sáu - P. Tân Định - Q.1 - TP.HCM ĐT: (08) 38251659

184 Nguyễn Thiện Thuật, P.3, Q.3 - Tel. (08) 35377122

237 Trường Chinh, P. 12, Q. Tân Bình

C1 Đường số 4 Khu Dân cư Tân Trường, Đường Gò Ó Mồi, P. Phú Thuận, Q. 7



BUỔI TRÒ CHUYỆN
"CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG"
(QUALITY OF LIFE)

Lúc 14h00
 ngày 17/9/2011 (28/8 Âm)
 tại Nhà hàng Chay Mandala
 Vui lòng liên hệ đăng ký tham dự:
 Hoa Minh - 0913 808338



mandala
 VEGETARIAN RESTAURANT



PHONG CÁCH TÂY TẠNG - HƯƠNG VỊ CHAY VIỆT

110 Sương Nguyệt Ánh, Q.1, TP.HCM
 Tel: (08) 3926 0638
 Email: veg.mandala@yahoo.com



DU LỊCH TÂM LINH
NGỌC VIỆT TRAVEL

CHƯƠNG TRÌNH THAM DỰ ĐẠI LỄ QUÁN ĐÁNH
KALACHAKRA
CỦA ĐỨC DALAI LAMA THỨ 14
BỐ ĐẾ ĐẠO TRĂNG, ẤN ĐỘ
 Khởi hành ngày 31/12/2011 (7/12 âm lịch)

HÀNH HƯƠNG VỮ TRỤ TÂM LINH
TÂY TẠNG
 (9 ngày - 8 đêm)
 khởi hành ngày 16/10/2011 (20/09 âm lịch)

HÀNH HƯƠNG VỀ ĐẤT PHẬT
ẤN ĐỘ - NEPAL
 (11 ngày - 10 đêm)
 khởi hành ngày 20/10/2011 (24/09 âm lịch)

CHÙA VĨNH NGHIÊM
 339 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3
 Email: ngocviet_travel@yahoo.com
 Tel: (08) 38 48 33 88 - www.vietchay.vn
 Vui lòng liên hệ: Chánh Tâm - 0933 88 33 63



CÔNG TY TNHH
PHẬT NGỌC

Buddha Jade Co., Ltd

CÁC LOẠI VAN HÓA PHẨM PHẬT GIAO
ĐẶC BIỆT NHỮNG MÓN
QUẢ TÂM LINH ĐỘC ĐÁO

• 40 Cù Lao, P.2, Q. Phú Nhuận, TP.HCM
 ĐỐI DIỆN **QUAN ÂM TỰ VIỆN**
 Tel: 3517 2828
 Email: phatngoc38@yahoo.com

• 711 Lê Hồng Phong, Q.10, TP.HCM
 ĐỐI DIỆN **VIỆT NAM QUỐC TỰ**
 Tel: 397 97 168
 Email: phatngoc_vnqt@yahoo.com

• 94 Phan Đình Phùng, Q. Phú Nhuận, TP.HCM
CHUYÊN BÁN SỈ Tel: 3990 3888
 Email: trungtamphatngoc@yahoo.com

• 110 Sương Nguyệt Ánh, Q.1
 Tel: 3926 0637
 Email: phatngoc68@yahoo.com

PHÁP PHỤC LAM HIỀN®

Lam Hiền tỏa sáng bước trang nghiêm...

SẮP PHÁT HÀNH

CÁC LOẠI ÁO KHOÁC
DÀNH CHO TU SĨ
VỚI MÀU SẮC VÀ
Kiểu DÁNG PHÙ HỢP,
LỊCH SỰ
TRANG NGHIÊM

Tại **SIÊU THỊ PHÁP HOA**
 Chùa Phổ Quang
 64/3 Phố Quang, Tân Bình
 Tel: (08) 3845 1828



Chư Tôn Đức đến thăm Xưởng may pháp phục Lam Hiền ở Củ Chi

CHUYÊN CUNG CẤP SỈ VÀ NHẬN MAY SỐ LƯỢNG LỚN:
 Các loại y; áo hậu; áo tràng; áo nhật bình,
 vạt khách, la hân; túi, dây...
Call: 3990 3888 - 012345 80888

SHOP MAY & VÁN PHÒNG
CHÙA PHỔ QUANG - 64/3 Phố Quang, Q. Tân Bình - Tel: 399 77 200
XƯỞNG MAY
 Tại Ấp An Hòa, Xã An Phú, Huyện Củ Chi - Tel: 2247 3388



New Capital Residence
Căn hàng cuộc sống.

Giải pháp Đầu tư và An cư đích thực!
Giá trị đầu tư an toàn, hiệu quả và tăng trưởng.
Giá trị an cư thanh bình, yên tĩnh và tiện ích.





- Giáp ranh TP. HCM
- Mặt tiền Tỉnh lộ 10
- Nằm giữa Vành đai 3 và 4
- Cách Trung tâm Tp. HCM 18km



G-Globalland
Goodland for you
Member of Green Global Group

HỆ THỐNG SẢN BẤT ĐỘNG SẢN G-Globalland

- G-Globalland Trung Tâm: 13 Cao Thắng (lầu 1), P. 2, Q. 3, TP. HCM ĐT: 3929 3999
- G-Globalland Khu Đông: 151 Lương Định Của, P. Bình An, Q. 2 ĐT: 3740 7374
- G-Globalland Khu Tây: 237 đường số 7, Bình Trị Đông B, Bình Tân ĐT: 3817 2202

cs@globalland.com.vn - www.globalland.com.vn - www.globalgroup.com.vn

CÁC KHÓA THIỀN VIPASSANA
Do Thiền sư S.N. Goenka và các Thiền sư phụ tá
giảng dạy theo truyền thống của ngài Sayagyi U Ba Khin

○ Tại **TỈNH XÁ NGỌC THÀNH**
37/12 đường 41, khu phố 6, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, TP. HCM
Khóa 10 Ngày: Từ 2 đến 13/11/2011 (7/10 - 18/10 ÂL)
Khóa SATIPATTHANA (dành cho thiền sinh cũ): Từ 16 đến 25/11/2011 (21/10 - 1/11 ÂL)
Thời gian nhận đơn ghi danh: **từ nay đến 25/10/2011** (có thể ngưng khi đủ chỗ)
Trước khi nộp đơn, xin quý vị vui lòng *download* và nghiên cứu **Bản Nội Quy Cho Các Khóa Thiền**
<http://sites.google.com/site/vnvipassana/dhammadavinnu> hoặc <http://thuvienhoasen.org> (mục Tin tu học)
(có mẫu đơn và các tài liệu tham khảo)



○ Nhận trực tiếp mẫu đơn, nộp đơn (qua e-mail hoặc trực tiếp) và mọi chi tiết liên quan đến khóa thiền xin vui lòng liên hệ:
Ban Tổ chức khóa thiền Vipassana Việt Nam
Điện thoại: 08 3937 3410 - **Di động:** 09065 09483
E-mail: dhammadavinnu.ghidanh@gmail.com
Địa chỉ: Tỉnh xá Ngọc Thành (như đã ghi trên)
Thiền Đình Quan, 220/8 Nguyễn Trọng Tuyển, P.8, Q. Phú Nhuận, TP.HCM

QUÁN CHAY



pháp uyển

*Nơi thưởng thức ẩm thực chay
tốt sức khỏe, nhẹ tinh thần*

17/4 Nguyễn Huy Tường, Phường 6, Bình Thạnh, TP.HCM
website: www.phapuyen.com, email: lienhe@phapuyen.com
QUÁN CHAY PHÁP UYỂN - ĐT. 35 035 579

viet-art

HOA PHẨM : LOUVRE, LEFRANC, LIQUITEX, CONTÉ À PARIS
GIẤY HỘI HOA: CANSON, MONTVAL, MI-TEINTES, FIGUERAS

Địa chỉ: 158/29 Nguyễn Văn Đậu, P.7, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
ĐT: 84-8-3551 1942 - Fax: 84-8-3510 8212
Email: vietartsupply@gmail.com

❑ **Quý độc giả có nhu cầu QUẢNG CÁO**

- Xin vui lòng liên hệ: **Cô Thu Sương**
- ĐTDĐ: **0918 032 040**
- ✉ Email: thusuong69@gmail.com



VAN HÓA
PHẬT GIÁO

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.

Cuộc sống đích thực

VNPT



www.hue.vnn.vn

Tập Đoàn Bưu Chính Viễn Thông VIỆT NAM VNPT Thừa Thiên Huế

ĐC: 8 Hoàng Hoa Thám, Thành phố Huế
Tel: 054.3824008 / 3834499 * Fax: 054.3823474



ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH



INTERNET ADSL



ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH KHÔNG DÂY



ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG VINAPHONE



INTERNET CÁP QUANG



TRUYỀN HÌNH INTERNET ĐỘ NÉT CAO

- Độ nét cao Full HD
- Kho phim truyền, ca nhạc khổng lồ
- Xem lại các chương trình truyền hình
- Nhiều tiện ích khác

ĐIỆN THOẠI HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG (MIỄN PHÍ)

- Báo hỏng dịch vụ viễn thông VNPT (ĐT cố định, Gphone, ADSL, FTTH, HueTV, MyTV...) : **119** (gọi từ ĐT cố định) / **054119** (gọi từ di động)
- Đăng ký hòa mạng, hỗ trợ khách hàng : **3999999 / 3555555**
- Giải đáp, hỗ trợ dịch vụ Vinaphone : **18001091 / 9191**
- Giải đáp, hỗ trợ dịch vụ internet : **18001260 / 61 / 62**



VNPT Thừa Thiên Huế "Năng lực vượt trội, chất lượng bền vững"

Đón đọc

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

SỐ 138

Phát hành ngày 1 - 10 - 2011

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tịnh 1
Chuyên viên Phòng Tổng hợp
Trường Đại học Kiến trúc
Km 10, đường Nguyễn Trãi,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tịnh 2
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

QUẢNG BÌNH

Cô Nguyễn Phương
Phòng phát hành Hoà Ưu Đàm
226 Trần Hưng Đạo, TP. Đông Hới - QB
ĐT: 0917 703 325

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Tứ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chùa Long Khánh
Tỉnh Hội Phật giáo Bình Định, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0979 178 869

Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiền Nam
3 Trần Thị Kỳ, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

Anh Hùng
Thư quán chùa Long Khánh
141 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0987 219 374

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Sư cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang. Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyễn Huân,
chùa Sắc tứ Khất Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP. Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hương)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tỉnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đái đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 14.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG